

# Kinh Duy Ma Cật

Đời Diêu Tần

Hán dịch: Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch: Thích Huệ Hưng

*KINH (1) DUY MA CẬT (2) SỞ THUYẾT  
CŨNG GỌI*

*Kinh “BẤT KHẢ TƯ NGHỊ GIẢI THOÁT” (3)*

# Mục Lục

|                                                   |     |
|---------------------------------------------------|-----|
| LỜI GIỚI THIỆU .....                              | 5   |
| LỜI NÓI ĐẦU .....                                 | 6   |
| LỆ NGÔN.....                                      | 7   |
| I. PHẨM PHẬT QUỐC (4) .....                       | 8   |
| III. PHẨM ĐỆ TỬ (1) .....                         | 45  |
| XÁ LỢI PHÁT (2).....                              | 45  |
| MỤC KIỆN LIÊN (5).....                            | 46  |
| ĐẠI CA DIẾP (12).....                             | 47  |
| TU BỒ ĐỀ (19) .....                               | 48  |
| PHÚ LÂU NA (25) .....                             | 50  |
| MA HA CA CHIÊN DIÊN (26) .....                    | 51  |
| A NA LUẬT(33) .....                               | 52  |
| ƯU BA LY (37) .....                               | 53  |
| LA HẦU LA(39).....                                | 55  |
| A NAN (50) .....                                  | 56  |
| IV. PHẨM BỒ TÁT (1) .....                         | 70  |
| BỒ TÁT DI LẠC (2).....                            | 70  |
| ĐỒNG TỬ QUẢNG NGHIÊM (11–12) .....                | 72  |
| BỒ TÁT TRÌ THẾ (18) .....                         | 73  |
| TRƯỞNG GIẢ TỬ THIÊN ĐỨC .....                     | 76  |
| V. PHẨM VĂN THÙ SỰ LỢI (1)... ( Thăm bệnh ) ..... | 84  |
| VI. PHẨM BẤT TƯ NGHỊ (1) .....                    | 96  |
| VII. PHẨM QUÁN CHÚNG SANH (1).....                | 105 |
| VIII. PHẨM PHẬT ĐẠO (1).....                      | 120 |
| IX. PHẨM VÀO “PHÁP MÔN KHÔNG HAI” (1) .....       | 133 |

|                                     |     |
|-------------------------------------|-----|
| X. PHẨM PHẬT HƯƠNG TÍCH .....       | 141 |
| XI. PHẨM HẠNH BỒ TÁT .....          | 150 |
| XII. PHẨM THẤY PHẬT A SÚC(1) .....  | 159 |
| XIII. PHẨM PHÁP CÚNG DƯỜNG (1)..... | 166 |
| XIV. PHẨM CHÚC LỤY (1) .....        | 174 |

## **Kệ Khai Kinh**

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu,  
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu,  
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,  
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

## LỜI GIỚI THIỆU

Từ xưa chư Phật, Bồ-tát ra đời giáo hóa chúng sanh, với lòng bi-  
nguyện thâm-thiết đều muốn cho tất cả thoát-ly cảnh giới triền  
phược khổ não, đồng hưởng cánh thanh tịnh an vui giải thoát.  
Nhưng muốn thực hiện cảnh giới thanh tịnh an vui giải thoát, cốt  
yếu là mình phải được thanh tịnh như trong kinh nói “TÙY KỲ  
TÂM TỊNH, TẮC PHẬT ĐỘ TỊNH”.

Sớ dĩ thân Phật rực rỡ, cảnh Phật trang nghiêm cũng đều do  
công đức diệu dụng của bản tâm thanh tịnh lưu xuất. Bản tâm ấy,  
chúng sanh sẵn có, cũng như chư Phật, không hai không khác,  
nhưng vì từ lâu cứ mê chấp, đắm nhiễm theo trần duyên mà  
không hiển bày được đó thôi.

Bộ Kinh “DUY MA CẬT” này, tôn yếu hiển bày pháp môn Bất Nhị.  
Chính đó là phương tiện của Chư Phật, Bồ Tát thị hiện chỉ rõ chỗ  
diệu dụng của bản tâm thanh tịnh, là PHÁP MÔN GIẢI THOÁT  
BẤT KHẢ TƯ NGHỊ mà Ngài DUY MA CẬT lặng thinh, đức Văn  
Thù tán thán, hàng Nhị thừa sửng sốt, không thể lấy trí suy nghĩ  
phân biệt biết nổi, không thể dùng lời nói luận bàn đến được.

Giáo lý Tối Thượng Thừa này thật siêu thắng, trong đời ít có, khó  
gặp. Nay thầy Thích Huệ Hưng gia tâm phiên dịch ra quốc văn, vì  
thời cơ xứng hiệp, nên được nhân duyên xuất bản.

Nhận thấy pháp Tối Thượng Thừa này rất lợi ích, nên tôi nhứt  
tâm tùy hỷ giới thiệu cùng các bạn tu hành nào muốn tìm phương  
GIẢI THOÁT, muốn thực hiện cảnh giới an vui BẤT KHẢ TƯ  
NGHỊ.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật  
GIÁC NGUYÊN PHẬT HỌC ĐƯỜNG  
Mùa Hạ Năm Tân Mão – 1951  
Sa môn: LÊ PHƯỚC BÌNH

## LỜI NÓI ĐẦU

Kinh “DUY MA CẬT” cũng có tên gọi: “Kinh BÁT KHẢ TỰ NGHỊ GIẢI THOÁT”. Kinh này nói rõ cảnh giới của Đại Bồ Tát chứng nhập.

Bồ Tát thường chẳng những thị hiện thuận hành mà cũng lắm khi thị hiện nghịch hành để hóa độ chúng sinh.

Ngài DUY MA CẬT chính là vị Đại Bồ Tát ở cõi Bất Động, vì trợ duyên đức Thích Ca mà hiện thân cư sĩ đến cõi ta bà này. Muốn hiển bản tánh “Bình Đẳng Chơn Thật Không Hai” của chúng sinh sẵn có, Ngài hiện thân có bệnh để chỉ bày các phương pháp phá chấp: có, không, thường, đoạn của Tiểu Thừa và phàm phu ngoại đạo.

Đọc vào kinh ta nhận thấy chẳng những hàng xuất gia mới thật hành được Phật đạo, mà Cư sĩ, Bà la môn cho đến mọi tầng lớp dân chúng cũng đều thật hành được Phật đạo. Có thật hành Phật đạo mới trở về bản tánh “bình đẳng không hai” và đầy đủ diệu dụng giải thoát.

Đạo Phật là đạo chú trọng thật hành, không phải lý thuyết suông. Bộ Kinh DUY MA CẬT đây hiển rõ rành mạch cả lý thuyết và chỗ thật hành cho đến thế nào là thân chứng. Càng đọc, càng gẫm, càng thật hành, ta sẽ thấy đầy tánh cách từ bi vô ngại rộng lớn bao la của tâm hồn lợi tha triệt để.

Đời đang đắm chìm trong biển khổ mênh mang, người muốn cứu đời chân chính, cần phải có phương pháp chân chính cao siêu. Thấy sự lợi ích của kinh này hướng dẫn mọi người đi đến mục đích cao cả, thoát hẳn muôn sự mê lầm đen tối của tâm hồn chấp trước, ích kỷ, nhỏ hẹp và hành vi khổ lụy như sinh, Dịch giả chẳng nề gì chỗ hiểu chưa cùng tột và hạnh đức chưa thân chứng đến cảnh giới “bất tư nghị” mà vội công hiến cho bạn đọc một pho sách chưa từng có.

Vậy có chỗ nào sơ sót mong các bậc cao minh phủ chính cho. Rất thâm tạ!

Dịch giả cẩn chí

## LỆ NGÔN

I. Kinh này có phân ra thượng, trung, hạ, 3 quyển, 14 phẩm. Nhưng tôi dịch đây chỉ để luôn một quyển và số mục của các phẩm.

II. Về phẩm 11 và 111, tôi có nêu tên các vị Thanh Văn, Bồ Tát trên mỗi đoạn cho dễ tìm khi quý vị muốn xem.

III. Ở sau có phụ phần chú thích danh từ. Phạm danh từ nào ở trước có giải rồi sau không giải nữa.

Kinh này không phải là kinh khóa tụng hàng ngày, nhưng nếu quý vị nào phát tâm trì tụng cũng được nhiều lợi ích và công đức vô lượng, như trong phẩm “Thấy Phật A Súc”, phẩm “Pháp cúng dường” và phẩm “Chúc lụy” có nói rõ. Khi tụng kinh này cũng phải y theo nghi thức tụng niệm thường lệ, trước khai kinh, sau hồi hướng như tụng các kinh khác vậy.

## I. PHẨM PHẬT QUỐC (4)

Chính tôi được nghe, một thuở kia, đức Phật Thích Ca ở thành Tỳ Da Ly (5) nơi vườn cây Am La (6) cùng tám nghìn chúng Đại Tỳ Kheo, hai vạn hai nghìn Bồ Tát, là những vị có tiếng tăm, đều đã thành tựu trí hạnh đại thừa, do nhờ oai thần của chư Phật lập nên. Các Ngài làm bậc thành hộ pháp, giữ gìn chánh pháp, diễn nói pháp âm rất oai hùng, tự tại vô úy như sư tử rống (7) danh đồn xa khắp mười phương. Người đời không cầu thỉnh mà các Ngài sẵn sàng làm bạn giúp cho an vui. Các Ngài xương minh Tam bảo không dễ đứt mất, hàng phục tất cả ma oán, ngăn dẹp các ngoại đạo; sáu căn (8) ba nghiệp (9) đều đã thanh tịnh; trọn lìa năm món che ngăn (10) và mười điều ràng buộc (11). Tâm thường an trụ nơi lý vô ngại giải thoát; niệ̣m định tổng trì (12) bình đẳng, biện tài thông suốt như suối tuôn không dứt. Các hạnh Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và sức phương tiện lợi mình lợi người thảy đều đầy đủ. Đã được đến bậc vô sở đắc (13) mà không khởi pháp nhãn (vô sinh pháp nhãn)(14), hay tùy thuận diễn nói pháp luân bất thối (15), khéo hiểu rõ chân tướng các pháp, thấu biết căn cơ chúng sanh, oai đức bao trùm đại chúng(16), không còn sợ sệt chi cả.

Các Ngài dùng công đức trí tuệ trau sửa lòng mình, lấy tướng tốt trang nghiêm thân hình, sắc tượng dung nhan bậc nhất, bỏ hẳn tất cả trang sức tốt đẹp trong đời, danh tiếng cao xa vượt hẳn núi Tu di (17), lòng tin bền chắc như kim cương, đem Pháp bảo soi khắp, mưa nước cam lồ, phát ra tiếng tăm đều là vi diệu bậc nhất.

Các Ngài đã thâm nhập lý duyên khởi (18), dứt hết các tập khí kiến chấp sai lầm bên có bên không, diễn nói các pháp không sợ



sệt như sự tử rỗng, những lời giảng nói như sấm nổ, không có hạn lượng và đã quá hạn lượng.

Các Ngài tự mình nhóm góp rất nhiều Pháp bảo như Hải đạo sư (19), rõ nghĩa lý sâu màu của các pháp, biết rành hiện trạng qua lại trong các cảnh thú và hành vi tốt xấu trong tâm niệm chúng sanh. Gần kề bậc Phật tối tôn là đáng đầy đủ trí tuệ, tự tại, thập lực (20), vô úy (21), thập bát bất cộng(22). Ngăn đóng tất cả cửa nẻo ác thú, hiện thân trong năm đường(23) hóa độ chúng sanh. Làm vị Đại Y Vương (24) khéo trị lành các bệnh, đúng theo bệnh cho thuốc đều được công hiệu. Đã thành tựu vô lượng công đức, trang nghiêm thanh tịnh vô lượng cõi Phật. Người nào được nghe danh thấy hình đều được lợi ích. Những hành động của các Ngài đều không uổng phí, các công đức như thế, đã hoàn toàn viên mãn.

Danh hiệu các Ngài là Đẳng Quán Bồ Tát, Bất Đẳng Quán Bồ Tát, Đẳng Bất Đẳng Quán Bồ Tát, Định Tự Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tướng Bồ Tát, Quang Tướng Bồ Tát, Quang Nghiêm Bồ Tát, Đại Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Biện Tích Bồ Tát, Bảo Thu Bồ Tát, Bảo Ấn Bồ Tát, Thường Cử Thủ Bồ Tát, Thường Hạ Thủ Bồ Tát, Thường Thảm Bồ Tát, Hỷ Căn Bồ Tát, Hỷ Vương Bồ Tát, Biện âm Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Chấp Bảo Cự Bồ Tát, Bảo Dõng Bồ Tát, Bảo Kiến Bồ Tát, Đế Võng Bồ Tát, Minh Võng Bồ Tát, Vô Duyên Quán Bồ Tát, Huệ Tích Bồ Tát, Bảo Thắng Bồ Tát, Thiên Vương Bồ Tát, Hoại Ma Bồ Tát, Diễn Đức Bồ Tát, Tự Tại Vương Bồ Tát, Công Đức Tướng Nghiêm Bồ Tát, Sư Tử Hống Bồ Tát, Lô âm Bồ Tát, Sơn Tướng Kích Âm Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bạch Hương Tượng Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, Bất Hưu Tức Bồ Tát,

Diệu Sanh Bồ Tát, Hoa Nghiêm Bồ Tát, Quan Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Phạm Võng Bồ Tát, Bảo Trượng Bồ Tát, Vô Thắng Bồ Tát, Nghiêm Độ Bồ Tát, Kim Kế Bồ Tát, Châu Kế Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát, cả thay như thế ba vạn hai nghìn Ngài.

Lại có một vạn vị Thi Khi (25), Phạm Thiên Vương từ Tứ thiên hạ (26) khác đến chỗ Phật nghe Pháp. Lại có một vạn hai nghìn vị Thiên đế cũng từ Tứ thiên hạ khác đến trong pháp hội. Các hàng chư Thiên có oai lực lớn, cùng Long thần, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà (27) v.v... đều đến trong pháp hội. Lại có các vị Tỳ kheo (28), Tỳ kheo ni, ưu bà tắc (29), ưu bà di (30) cũng đến trong Pháp hội.

Bấy giờ đức Phật nói Pháp cho vô lượng trăm nghìn đại chúng đông đảo cung kính vây quanh đầy, ví như núi chúa Tu di hiển bày nơi bề cả. Ngài ngồi yên trên tòa Sư tử (31) trang nghiêm bằng các thứ báu, oai đức che trùm tất cả đại chúng. Khi ấy trong thành Tỳ Da Ly có Trưởng giả tử(32) tên là Bảo Tích với 500 vị Trưởng giả tử đồng cầm lọng bảy báu(33) đi đến chỗ Phật cung kính đảnh lễ đầu mặt tiếp chơn, rồi mỗi vị đều đem lọng báu của mình hợp nhau cúng dường Phật. Do oai đức của Phật nên khiến các lọng báu ấy hiệp thành một cây trùm khắp cõi Tam thiên đại thiên thế giới (34), mà tướng rộng dài của thế giới đều hiện đủ trong đó.

Lại nữa, các núi Tu di, Mục chơn lân đà, Đại mục chơn lân đà, Tuyết sơn, Hương sơn, Bảo sơn, Kim sơn, Hắc sơn, Thiết vi, Đại thiết vi bề lớn, sông, rạch, dòng ngòi, nguồn suối, cũng với mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, thiên cung, long cung và cùng các vị tôn thần, nơi cõi Tam thiên đại thiên thế giới này đều hiện trong

lọng bảy báu, và chư Phật trong 10 phương, chư Phật đang nói pháp, cũng hiện trong lọng bảy báu ấy.

Khi đó tất cả Đại chúng thấy thần lực của Phật đều khen ngợi chưa từng có, chấp tay làm lễ, ngắm nhìn dung nhan Phật mắt không hề nháy. Trưởng giả tử Bảo Tích liền ở trước Phật đọc bài kệ khen rằng:

Mắt trong, dài rộng như sen xanh,  
Tâm sạch đã tột các thiên đình,  
Lâu chứa tịnh nghiệp nói không cùng,  
Dùng tịch độ chúng (35) nên cúi lạy.  
Đã thấy Đại thánh dùng thần biến,  
Khắp hiện mười phương không lường cõi,  
Trong đây các Phật diễn nói pháp,  
Nơi đây tất cả đều thấy nghe.  
Pháp lực của Phật vượt quần sanh  
Thường dùng Pháp tài thí tất cả,  
Hay khéo phân biệt các Pháp tướng,  
Đối đệ nhứt nghĩa (36) mà không động.  
Đã được tự tại cùng các Pháp  
Cho nên cúi đầu lễ Pháp vương.  
Nói Pháp chẳng có cũng chẳng không  
Vì do nhân duyên các Pháp sanh,  
Không ta, không tạo, không thọ giả,  
Những việc lành dữ cũng chẳng mất.  
Trước tiên hàng ma nơi Phật thọ (37)  
Đặng Cam lồ diệt (38) thành đạo giác,  
Đã không tâm ý, không thọ hành (39)  
Mà xô dẹp hết các ngoại đạo.

Ba lần chuyển Pháp (40) cõi đại thiên,  
Pháp ấy lâu nay thường thanh tịnh,  
Trời người đấng đạo đó là chứng,  
Tam bảo vì thể hiện trong đời.  
Dùng Pháp màu này độ chúng sanh  
Thọ rồi không lui, thường vắng lặng,  
Khởi già bệnh chết đấng Y Vương,  
Lạy ngôi Pháp hải (41) đức không lường.  
Khen chê chẳng động như Tu di  
Đồng bực thương xót kẻ lành dữ,  
Tâm hạnh bình đẳng như hư không,  
Nghe đấng Như bảo (42) ai chẳng kính.  
Nay dâng Thế Tôn lọng mọn này  
Cõi Tam thiên tôi hiện trong đó,  
Thiên cung, Long thần kia nương ở,  
Càn thất cả tẩy với Dạ xoa.  
Mọi vật trong đời đều thấy rõ,  
Vì thương Phật hiện tướng biến này,  
Thấy việc ít có chúng khen ngợi,  
Nay con lạy đấng Tam giới tôn (43)  
Đại thánh chỗ nương của mọi loài,  
Lòng sạch trong đó tẩy vui vẻ,  
Đều thấy Thế Tôn ở trước mình,  
Đó là thần lực Pháp bất cộng. (44)  
Phật dùng một tiếng diễn nói Pháp,  
Chúng sanh tùy loại tẩy đặng hiểu,  
Đều cho rằng Phật đồng tiếng mình,  
Đó là thần lực Pháp bất cộng.  
Phật dùng một tiếng diễn nói Pháp,

Chúng sanh chỗ hiểu tùy mỗi hạng,  
Khắp được thọ hành đều lợi ích,  
Đó là thần lực Pháp bất cộng.  
Phật dùng một tiếng diễn nói Pháp,  
Có người kinh sợ hoặc vui mừng,  
Có kẻ dứt nghi hoặc nhằm chán,  
Đó là thần lực Pháp bất cộng.  
Lạy đấng Thập lực đại tinh tấn,  
Lạy đấng đã đặng không chỗ sợ,  
Lạy đấng trụ nơi Pháp bất cộng,  
Lạy đấng Đạo sư (45) của muôn loài.  
Lạy đấng hay dứt mọi kiết phược(46)  
Lạy đấng đã đến nơi bờ kia,  
Lạy đấng hay vượt các thế gian,  
Lạy đấng trọn lìa đường sanh tử.  
Biết hết chúng sanh tướng đến lui  
Khéo nói các Pháp được giải thoát,  
Như hoa sen trong đời chẳng nhiễm,  
Thường khéo vào nơi hạnh không tịch.(47)

Lúc đó Trưởng giả tử Bảo Tích đọc bài kệ tán thán xong, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Năm trăm vị Trưởng giả tử này đều đã phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác nguyện nghe cõi Phật thanh tịnh, cúi mong Thế Tôn dạy cho những hạnh của Bồ Tát được Tịnh độ (quốc độ thanh tịnh).”

Phật bảo: “Hay thay Bảo Tích! Ông lại vì các vị Bồ Tát mà hỏi Như Lai những hạnh được Tịnh độ, vậy hãy lắng nghe chín chắn, suy nghĩ kỹ nhớ lấy, ta sẽ nói cho ông rõ”.

Lúc ấy Bảo Tích cũng 500 vị Trưởng giả tử vâng lời Phật dạy, cung kính lắng nghe.

Phật dạy rằng: “Này Bảo Tích! Tất cả chúng sanh là cỡi Phật của Bồ Tát. Vì sao? – Bồ Tát tùy chỗ giáo hóa chúng sanh mà lãnh lấy cỡi Phật (Tịnh độ); tùy chỗ điều phục chúng sanh mà lãnh lấy cỡi Phật; tùy chúng sanh ửng theo quốc độ nào vào trí tuệ của Phật mà lãnh lấy cỡi Phật; tùy chúng sanh ửng theo quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ Tát mà lãnh lấy cỡi Phật. Vì sao thế? – Vì Bồ Tát lãnh lấy cỡi Phật thanh tịnh đều vì muốn lợi ích chúng sanh. Ví như: Có người muốn xây dựng cung nhà nơi khoảng đất trống, tùy ý được thành công, nếu xây dựng giữa hư không quyết không thành tựu được; Bồ Tát cũng thế, vì thành tựu chúng sanh nên nguyện lãnh lấy cỡi Phật – Nguyện lãnh lấy cỡi Phật chẳng phải ở nơi rỗng không vậy.

Bảo Tích, ông nên biết! - Trục tâm (49) là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh không dua vạy, sanh sang nước đó. Thâm tâm (50) là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ công đức sanh sang nước đó. Bồ Đề tâm (51) là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh có tâm đại thừa sanh sang nước đó. Bồ thí là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh hay thí xả tất cả mọi vật sanh sang nước đó. Trì giới là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh tu mười điều lành (52), hạnh nguyện đầy đủ, sanh sang nước đó. Nhẫn nhục là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đủ 32 tướng tốt (53) trang nghiêm sanh sang nước đó. Tinh tiến là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh siêng tu mọi công đức sanh sang nước đó. Thiền định là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh

biết thu nhiếp tâm chẳng loạn sanh sang nước đó. Trí tuệ là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh được chánh định sanh sang nước đó. Tứ vô lượng tâm(54) là Tịnh độ của Bồ Tát; Khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh thành tựu từ, bi, hỷ, xả sanh sang nước đó. Tứ nhiếp Pháp (55) là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh được giải thoát sanh sang nước đó. Phương tiện là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh khéo dùng đặng phương tiện không bị ngăn ngại ở các pháp, sanh sang nước đó. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo (56) là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật chúng sanh đầy đủ niệm xứ, chánh cần, thần túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, sanh sang nước đó. Hồi hướng tâm (57) là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, được cõi nước đầy đủ tất cả công đức. Nói Pháp trừ tám nạn là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, cõi nước không có ba đường ác (58) và tám nạn (59). Tự mình giữ giới hạnh không chê chỗ kém khuyết của người khác là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, cõi nước không có tên phạm giới cấm. Mười điều lành là Tịnh độ của Bồ Tát; khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh sống lâu, giàu to, phạm hạnh (60), lời nói chắc thật, thường dùng lời dịu dàng, quyến thuộc không chia rẽ, khéo giải hòa việc đua tranh kiện cáo, lời nói có lợi ích, không ghét không giận, thấy biết chân chánh sanh sang nước đó.

Như thế, Bảo Tích! Bồ Tát tùy chỗ trực tâm mà hay phát hạnh, tùy chỗ phát hạnh mà được thâm tâm, tùy chỗ thâm tâm mà ý được điều phục, tùy chỗ ý được điều phục mà làm được như lời nói, tùy chỗ làm được như lời nói mà hay hồi hướng, tùy chỗ hồi hướng mà có phương tiện, tùy chỗ có phương tiện mà thành tựu chúng sanh, tùy chỗ thành tựu chúng sanh mà cõi Phật được

thanh tịnh, tùy chỗ cõi Phật thanh tịnh mà nói Pháp được thanh tịnh, tùy chỗ nói Pháp thanh tịnh mà trí tuệ được thanh tịnh, tùy chỗ trí tuệ thanh tịnh mà tâm thanh tịnh, tùy chỗ tâm thanh tịnh mà tất cả công đức đều thanh tịnh. Cho nên, Bảo Tích này!

Bồ Tát nếu muốn được cõi Phật thanh tịnh, nên làm cho tâm thanh tịnh; tùy chỗ Tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh.

Lúc ấy, ông Xá Lợi Phất nương oai thần của Phật mà nghĩ rằng: “Nếu tâm Bồ Tát thanh tịnh chắc cõi Phật phải được thanh tịnh, vậy Thế Tôn ta khi trước làm Bồ Tát tâm ý lẽ nào không thanh tịnh, sao cõi Phật này không thanh tịnh như thế?”.

Phật biết ông suy nghĩ vậy liền bảo rằng:

– Ý ông nghĩ sao? Mặt trời, mặt trăng há không thanh tịnh sáng suốt ư, sao người mù không thấy?

– Bạch Thế Tôn! Chẳng phải thế. Đó là tại người mù, không phải lỗi ở mặt trời và mặt trăng.

– Xá Lợi Phất! Cũng thế, bởi chúng sanh do tội chướng nên không thấy được cõi nước của Như Lai thanh tịnh trang nghiêm, chớ không phải lỗi ở Như Lai – Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước của ta đây vẫn thanh tịnh mà tại ông không thấy đó thôi.

Bấy giờ ông Loa Kế Phạm Vương thưa với ông Xá Lợi Phất rằng:

– Ngài chớ nghĩ như thế, mà cho cõi Phật đây là không thanh tịnh. Vì sao? – Vì tôi thấy cõi nước của Phật Thích Ca Mâu Ni thanh tịnh, ví như cung trời Tự Tại (61).

Ông Xá Lợi Phất nói:



– Sao tôi thấy cõi này toàn gò nổng, hám hổ, chông gai, sỏi sạn, đất đá, núi non, nhơ nhớp đầy đầy như thế?

Ông Loa Kế Phạm Vương thưa rằng:

– Đây là do tâm của Ngài có cao thấp không nương theo trí tuệ của Phật nên thấy cõi này không thanh tịnh đó thôi – Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh y theo trí tuệ của Phật thì mới thấy được cõi Phật này thanh tịnh.

Khi ấy Phật lấy ngón chơn nhấn xuống đất, tức thì cõi Tam thiên đại thiên thế giới liền hiện ra bao nhiêu trăm nghìn thứ trân bảo trang nghiêm rực rỡ, như cõi Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của Phật Bảo Trang Nghiêm. Tất cả Đại chúng ngợi khen chưa từng có và đều thấy mình ngồi trên tòa sen báu.

Phật bảo Xá Lợi Phất:

– Ông hãy xem cõi Phật, đây trang nghiêm thanh tịnh.

Ông Xá Lợi Phất thưa:

– Dạ, bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con chưa từng thấy, chưa từng nghe. Nay cõi nước của Phật đều hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh.

Phật bảo:

– Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước của ta thường thanh tịnh như thế! Nhưng vì muốn độ những kẻ căn cơ hạ liệt nên thị hiện ra cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Ví như Chư Thiên dùng một thứ bát bằng ngọc báu để ăn, nhưng tùy phước đức của mỗi

vị mà sắc cơm có khác. Như thế, Xá Lợi Phất! Nếu tâm người thanh tịnh, sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm.

Trong khi Phật hiện ra cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, 500 vị Trường giả tử do ông Bảo Tích dắt đến đều chứng được vô sanh Pháp nhẫn, tám vạn bốn nghìn người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ Phật thâu nhiếp thần túc (62) lại, cõi nước trở thành như xưa. Ba vạn hai nghìn người và Trời cầu Thanh văn thừa đều nhận rõ các Pháp hữu vi (63) là vô thường, xa lìa trần cấu (64) đặng pháp nhẫn thanh tịnh (65), tám nghìn vị Tỳ kheo không còn chấp thọ các pháp, kiết lậu (66) đã hết, tâm ý được giải thoát.

## Chú thích của phẩm I

1. Kinh: Nói đủ là “Khế kinh”, nghĩa là “pháp thường” khế hiệp chơn lý cùng khế hiệp căn cơ chúng sanh.
2. Duy Ma Cật: Tên một vị Trưởng giả ở thành Tỳ Da Ly, tàu dịch là “Tịnh Danh”.
3. Bất khả tư nghị giải thoát: Là pháp môn giải thoát tự tại vô ngại không thể nghĩ bàn. Hai chữ “Giải thoát” đây là xa lìa tất cả phiền não nghiệp chướng khổ lụy, cứu cánh viên mãn tự tại vô ngại, không phải như hàng Nhị thừa giải thoát sanh tử mà còn chướng ngại với cảnh pháp... Xem phẩm Bất khả tư nghị sau thời rõ.
4. Phật quốc: Cõi nước của Phật. Như Tây phương Tịnh độ là cõi nước của Phật A Di Đà, Ta bà là cõi nước của Phật Thích Ca.
5. Tỳ Da Ly: Tàu dịch là Quảng Nghiêm, nghĩa là thành này châu vi rộng lớn rất trang nghiêm, tốt đẹp, ở về Trung Ấn Độ.
6. Am La: Tàu dịch là “nan phân biệt” nghĩa là thứ trái cây này từ khi còn sống đến khi chín chỉ có một màu xanh nên khó phân biệt được trái nào sống trái nào chín.
7. Sư tử rống: dụ Phật, Bồ Tát thuyết pháp tự tại không sợ sệt, lại làm cho tất cả phiền não mê tánh của chúng sanh đều tiêu trừ, ví như sư tử rống lên một tiếng thì tất cả các thú đều khiếp sợ chạy trốn.
8. Sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.
9. Ba nghiệp: 1) Thân nghiệp, 2) Khẩu nghiệp, 3) Ý nghiệp.
10. Năm món che ngăn:

- 1) Tham dục;
- 2) Sân nhuế;
- 3) Thùy miên: Tâm hôn trầm không làm chi được;
- 4) Trạo hối: Trong tâm có sự ăn năn xao động;
- 5) Nghi pháp: Đối với việc gì cũng mờ ám dự dự không quyết đoán.

Năm món này hay che đậy chơn tánh và làm cho các pháp lành không phát khởi hiển lộ được.

#### 11. Mười điều ràng buộc:

- 1) Vô tà: có tội lỗi mà không biết hổ;
- 2) Vô quý: có tội lỗi người khác biết được mà không thẹn.
- 3) Tật: thấy người hiền đức giàu sang sanh lòng ghen ghét;
- 4) Xan: bòn sẻn không Bố thí;
- 5) Hối: ăn năn những tội lỗi đã làm;
- 6) Thùy miên: hôn mê không tỉnh sát được thâm tâm;
- 7) Điệu cử: Tâm niệm xao động;
- 8) Hôn trầm: thần thức hôn mê không rõ biết chi cả;
- 9) Sân hận: đối trước nghịch cảnh sanh tâm giận dữ;
- 10) Phú: che dấu tội ác.

12. Niệm định tổng trì: Niệm tức là Tuệ; Tổng Trì: gồm nhiếp tất cả các pháp. Trong định gồm có tuệ, trong tuệ gồm có định gọi là niệm định tổng trì.

13. Vô sở đắc: Là đối với hữu sở đắc mà nói. Nghĩa là không còn trụ trước một pháp nào cả, dầu trí chứng và cảnh chứng cũng không thấy có.

14. Vô sanh pháp nhẫn: Vô sanh tức là không sanh không diệt. Nhẫn có nghĩa là tin nhận giữ gìn; là nói dùng trí vô lậu an trú trong thể chơn lý bất sanh bất diệt, tâm không lay động. Trong “Đại Trí Độ luận”, quyển 50 nói: “Đối thật tướng vô sanh diệt của các pháp, tin nhận thông suốt, không ngăn ngại, không thối lui, gọi là Vô sanh nhẫn”.

15. Pháp luân bất thối: Phật Bồ Tát thuyết pháp gọi là chuyển pháp luân. Các bậc Bồ Tát nghe pháp Phật dạy, đạo niệm càng thêm tăng tấn gọi là bất thối (không lui). Lại các bậc Bồ Tát đã chứng được “bất thối” rồi, đem pháp ấy dạy cho chúng sanh để cho được bất thối, nên gọi là chuyển pháp luân bất thối.

16. Đại chúng: là một nhóm người đông. Trong những thời thuyết pháp của Phật, trừ Phật ra còn bao nhiêu bậc Hiền Thánh đều gọi là đại chúng. Chúng Tăng theo Phật tu học cũng gọi là Đại chúng.

17. Tu Di: Tâu dịch là Diệu Cao, núi này thuần bằng bốn chất báu: vàng: bạc, lưu ly, pha lê rất xinh đẹp nên gọi là Diệu, Cao hơn tất cả núi khác nên gọi rằng Cao.

18. Lý Duyên khởi: Tất cả các pháp đều từ nơi các duyên nhóm họp mà sanh khởi. Vì tổ ngộ lý duyên khởi, nhận rõ các pháp không thật có, như huyễn hóa nên chẳng chấp có, nhưng các pháp là do duyên sanh, không phải hẳn là không, nên chẳng chấp không. Có không đều lìa, mới là thâm nhập lý duyên khởi.

19. Hải đạo sư: Là người rất rành giỏi đường biển, làm thầy hướng đạo dắt dẫn các kẻ thương nhân vào biển để tìm ngọc báu không sợ lạc đàng. Dụ cho Phật và Bồ Tát là bậc dắt dẫn chúng sanh đi vào chánh đạo không sai lạc.

## 20. Thập lực: Mười trí lực của Phật. Trí lực của Phật

- 1) Biết rõ những điều hợp lý và trái lý.
- 2) Biết rõ nhưn quả nghiệp báo của chúng sanh trong ba đời.
- 3) Biết rõ các pháp thiên định giải thoát tam muội.
- 4) Biết rõ từng bậc cao thấp các căn tánh của chúng sanh.
- 5) Biết rõ những ưa muốn sai khác của chúng sanh.
- 6) Biết rõ tất cả những cảnh giới sai khác của chúng sanh trong thế gian.
- 7) Biết rõ chỗ đi đến của tất cả phàm phu, Hiền Thánh thế gian và xuất thế gian.
- 8) Biết rõ tánh danh khổ, vui, thọ, yếu của tất cả chúng sanh.
- 9) Biết rõ sự sống chết qua lại các kiếp trước của tất cả chúng sanh, và vô lậu Niết bàn của các Hiền Thánh.
- 10) Tự biết mình đã dứt hết nghiệp hoặc tập khí, không còn sanh tử triền phược nữa.

## 21. Vô úy: Bốn món vô úy:

- 1) Nhứt thế trí: hiểu biết tất cả pháp thế gian và xuất thế gian;
- 2) Lậu tận: hoặc nghiệp sanh tử đều biết hết;
- 3) Thuyết chướng đạo: nói pháp ma ngoại là chướng thánh đạo;
- 4) Thuyết tận khổ đạo: nói những đạo pháp có thể diệt hết các khổ.

Bốn điều này Phật đối giữa Đại chúng các hàng Thiên ma, Phạm thiên, Sa môn, Bà la môn, nói một cách tự tại không sợ ai, không ai nói được nên gọi là “Vô úy”.

22. Thập bát bất cộng: Mười tám (18) Pháp bất cộng này chỉ có Phật chứng đặng mà chẳng chung đồng với hàng Nhị thừa và Bồ Tát.

- 1) Thân không lỗi.
- 2) Miệng không lỗi.
- 3) Niệm không lỗi.
- 4) Không có tâm tưởng khác.
- 5) Không có tâm bất định.
- 6) Không có tâm không biết.
- 7) Sự muốn không giảm.
- 8) Tinh tấn không giảm.
- 9) Niệm không giảm.
- 10) Huệ không giảm.
- 11) Giải thoát không giảm.
- 12) Giải thoát tri kiến không giảm.
- 13) Tất cả thân nghiệp theo trí tuệ mà hành động.
- 14) Tất cả khẩu nghiệp theo trí tuệ mà hành động.
- 15) Tất cả ý nghiệp theo trí tuệ mà hành động.
- 16) Trí tuệ biết đời vị lai không ngại.
- 17) Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại.
- 18) Trí tuệ biết đời hiện tại không ngại.

23. Năm đùờng: Trời, người, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục.

24. Đại y vương: Thầy thuốc trị bệnh giỏi hơn các Thầy thuốc khác. Đức Phật hay tùy thuận căn cơ chúng sanh, khéo hóa độ, khiến xa lìa tất cả khổ não, như ông Thầy thuốc hay khéo tị lành các bệnh nơn nên gọi Phật là “Đại y vương”.

25. Thi khí: Tên vị vua cõi trời Đại Phạm Thiên, ở tầng trời thứ ba cõi sơ thiên của Sắc giới.

26. Tứ thiên hạ: Bốn châu thiên hạ.

- 1) Đông thắng thần châu;
- 2) Nam thiệm bộ châu;
- 3) Tây ngưu hóa châu;
- 4) Bắc cu lô châu.

27. Thiên, long thần v.v...: Tục gọi là Thiên, Long Bát bộ.

- 1) Thiên: chư Thiên;
- 2) Long: là rồng;
- 3) Dạ xoa: loài quỷ bay đi rất mau;
- 4) Càn thát bà: thần âm nhạc;
- 5) A tu la: thần chiến đấu. Tàu dịch là Phi thiên; có phước như Trời mà đức kém hơn Trời;
- 6) Ca lâu na: chim đại bàng;
- 7) Khẩn na la: thần pháp nhạc;
- 8) Ma hầu la dà: thần mãng xà.

28. Tỳ kheo: Tiếng Phạn “Bhiksu”, các thầy xuất gia thọ giới cụ túc (thọ 250 giới của Phật). Đàn ông gọi là Tỳ kheo, còn đàn bà gọi là Tỳ kheo ni (Thọ 350 giới).

29. Ưu bà tắc: Tàu dịch là cận sự nam. Cận sự: nghĩa là thường thân cận cúng dường ủng hộ các bậc xuất gia tu hành, tức là chỉ những người tại gia cư sĩ bên nam giới.

30. Ưu bà di: Tàu dịch là cận sự nữ tức là nữ cư sĩ.



31. Tòa sư tử: Pháp tòa của Phật; Phật ngồi chỗ nào thuyết pháp, thời chỗ ấy gọi là “tòa sư tử”; vì Phật tự tại vô úy hàng phục được tất cả các ngoại đạo nên lấy sư tử làm ví dụ.

32. Trưởng giả tử: con ông Trưởng giả. Trưởng giả là người vừa có của cải, vừa có đức hạnh đầy đủ. Kinh Pháp Hoa Huyền Tán quyển 10 nói: “Tâm tánh ngay thẳng, lời lẽ chơn thật, hành vi thuần cần, tuổi tác già cả, của cải giàu có gọi là Trưởng giả.”

33. Bảy báu: Vàng, Bạc, Lưu ly, Pha lê, Xa cừ, Xích châu, Mã não.

34. Tam thiên Đại thiên thế giới: Một thái dương hệ tương đương với một tiểu thế giới; một ngàn tiểu thế giới, là một tiểu thiên thế giới; một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới; một ngàn trung thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Vậy đại thiên thế giới là một thế giới trải qua ba lần hơn cho số ngàn, nên gọi là “Tam thiên Đại thiên thế giới”.

35. Dùng tích độ chúng: Tức dùng đạo lý Niết bàn tịch diệt dứt trừ tất cả nghiệp chướng khổ lụy để độ chúng sanh.

36. Đệ nhứt nghĩa: Tượng trưng chơn lý cứu cánh, thật tánh các pháp; trên hết tất cả là “đệ nhứt”, có lý do như thật gọi là “nghĩa”. Cảnh giới của bậc tự giác thánh trí chứng đặng. Chẳng phải hạng dùng ngôn thuyết vọng tưởng so lường biết được. Trong kinh Pháp Hoa nghĩa số quyển 4 nói: “Cái đạo nhứt thật, lý cùng tột không chi hơn là “đệ nhứt””. Có nguyên do như thật gọi là “Nghĩa”.

37. Phật thọ: Tức là cội bồ đề; chỗ Phật thành đạo ở dưới cội cây này gọi là Phật thọ, Đạo thọ hay là Bồ đề thọ.

38. Cam lồ diệt: Cam lồ dụ cho Niết bàn; chứng đặng Niết bàn, dứt dòng sanh tử, gọi là “Cam lồ diệt”.

39. Không tâm ý, không thọ hành: Là không còn tâm niệm vọng tưởng phân biệt và tâm cảm giác xúc thọ, thi vi động tác.

40. Ba lần chuyển pháp: Tức tam chuyển pháp luân. Khi đức Phật Thích Ca mới thành đạo, nói pháp tứ đế cho 5 thầy Tỳ Kheo ở vườn Lộc Uyển, ba phen nói thành mười hai hành... Pháp của Phật dạy hay dẹp trừ phiền não của chúng sanh, như bánh xe hay cán dẹp cỏ rác, cát, sạn, nên gọi là Pháp luân. Người nói giáo pháp để chuyển tâm ô nhiễm của chúng sanh thành tâm thanh tịnh gọi là “Chuyển pháp luân”. Lại có nghĩa là chuyển ba món: hoặc, nghiệp, khổ trở thành ba đức: Bát nhã, Giải thoát, Pháp thân gọi là ba lần chuyển pháp.

41. Pháp hải: Biển pháp. Phật pháp rộng lớn khó lường ví như bể cả.

42. Nhơn bảo: Phật là đáng báu quý hơn hết trong cõi trời và cõi người.

43. Tam giới tôn: Đức Phật là đáng cao cả đầy đủ phước đức hơn hết trong 3 cõi, tất cả nhơn thiên đều cung kính tôn trọng nên gọi là “Tam giới tôn”.

44. Pháp bát cộng: cũng như thập bát bất cộng, có giải ở số 22.

45. Đạo sư: Bạc dất dẫn chúng sanh đi vào chánh đạo; tên chung của Phật và Bồ Tát.

46. Kiết phược: Các phiền não ràng buộc thân tâm làm cho không được tự tại giải thoát, nên phiền não cũng gọi là “kiết phược”.

47. Không tịch: Không các tướng là “Không”. Không khởi diệt là “tịch”. Rỗng rang xa lìa tất cả tướng, không tâm niệm khởi diệt gọi là hạnh “không tịch”.

48. Pháp tướng: Tướng trạng sai khác của các pháp trong vũ trụ. Sách Đại Thừa nghĩa chương quyển 2 nói: “Tất cả pháp hữu vi, vô vi trong thế gian đều gọi là pháp tướng”.

49. Trực tâm: Tâm chơn thật, không dua dối tà vạy; tâm chánh niệm chơn như.

50. Thâm tâm: Tâm mong cầu Phật quả cao thâm; tâm ưa muốn nhóm góp gieo trồng tất cả công đức cao dày, bền chắc, không thể dứt mất.

51. Bồ đề tâm: Tâm cầu đạo lý chơn chánh, tâm mong đạo quả chánh giác.

52. Mười điều lành: Thuận lý khởi tâm đối với cảnh không phạm 10 điều dữ:

- 1) Sát sanh;
- 2) Trộm cắp;
- 3) Tà dâm;
- 4) Nói dối;
- 5) Nói lời thêu dệt;
- 6) Nói hai lưỡi;
- 7) Nói lời độc ác;
- 8) Tham;

- 9) Sân;
- 10) Si

Nên thật hành những điều: phóng sanh, Bồ thí, phạm hạnh, nói chắc thật, nói lời chơn chánh, nói lời hòa hiệp, nói lời dịu dàng, chẳng ghét, chẳng giận, chẳng tà kiến.

53. Ba mươi hai tướng tốt:

- 1) Trên đỉnh đầu thịt nổi cao lên;
- 2) Lông trắng chặn giữa hai chơn mày (bạch hào);
- 3) Tròng mắt đen trắng phân minh;
- 4) Lông nheo dài đẹp như cửa Long vương;
- 5) Gương mặt tròn tựa như mặt trăng rằm;
- 6) Răng đủ 40 cái;
- 7) Răng nhỏ đều khít khao;
- 8) Răng trắng trong tinh sạch;
- 9) Lưỡi rộng dài khi le ra đến chơn tóc;
- 10) Tiếng nói thanh tao nghe rất xa;
- 11) Trong cổ hầu thường có chất nước cam lồ rịn ra;
- 12) Thân mình nở nang tròn suông;
- 13) Nam căn ẩn kín;
- 14) Hai bên hông đầy đặn;
- 15) Hai tay dài quá gối;
- 16) Cánh tay và bàn tay da thịt mềm dịu như bông;
- 17) Ngón tay dài và vót;
- 18) Vế như vế của Lộc vương;
- 19) Lưng hai bàn chân no tròn;
- 20) Lòng bàn chân bằng phẳng;
- 21) Gót chân tròn tựa;
- 22) Lòng bàn chân có chỉ xoáy tròn rõ ràng như bánh xe nghìn

- cọng; 23) Kẻ ngón tay và ngón chân có da mỏng mịn như giăng lưới;
- 24) Bảy chỗ trong thân đều đầy đặn: (hai lòng bàn tay, hai lưng bàn chân, hai vai và yết hầu);
- 25) Tất cả lỗ chơn lông đều có lông đẹp;
- 26) Lông và tóc đều xoáy tròn về phía hữu;
- 27) Da mịn màng trơn láng;
- 28) Màu da như màu vàng ròng tử kim;
- 29) Thân hình cao lớn hơn mọi người;
- 30) Hình tướng đoan nghiêm;
- 31) Thân hình ngay thẳng vững vàng;
- 32) Thường có ánh sáng sắc vàng ròng chiếu ra một tầm.

54. Tứ vô lượng tâm: Cũng gọi là tứ đẳng tâm.

- 1) Từ: lòng ban vui cho chúng sanh;
- 2) Bi: lòng cứu khổ chúng sanh;
- 3) Hỷ: lòng vui mừng khi thấy người khỏi khổ được vui;
- 4) Xả: lòng không chấp trước chỗ thật hành của ba tâm trên.

Từ nơi cảnh sở duyên (chúng sanh) nói là vô lượng; từ nơi tâm năng duyên (Bồ Tát) mà khởi bình đẳng nên gọi là đẳng.

55. Tứ nhiếp pháp:

- 1) Bố thí nhiếp: Bồ Tát dùng tài pháp bố thí nhiếp dẫn chúng sanh trụ nơi chơn lý;
- 2) Ái ngữ nhiếp: Bồ tát hay tùy thuận căn tánh của chúng sanh và dùng lời nói hay ho ủy dụ họ trụ nơi chơn lý;

3) Lợi hành nhiếp: Bồ Tát khởi hạnh từ thiện nơi thân, khẩu, ý làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, như đó họ được trụ nơi chơn lý.

4) Đồng sự nhiếp: Bồ Tát dùng pháp nhãn thấy rõ căn tánh của chúng sanh, tùy theo chỗ ưa muốn của họ mà phân hình thị hiện, khiến họ được thấm nhuần lợi ích, như đó họ được an trụ nơi chơn lý.

56. 37 phẩm trợ đạo: 4 pháp niệm xứ; 4 pháp chánh cần; 4 pháp như ý túc; 5 căn; 5 lục; 7 pháp giác chi; 8 pháp đạo phần. 37 pháp này giúp cho người tu hành thành tựu được đạo quả, nên gọi là trợ đạo, có giải rõ ở sau.

57. Hồi hướng tâm: Hồi: Hồi chuyển; Hướng: thu hướng. Hồi hướng là khởi lòng đại bi cứu độ chúng sanh, xoay chuyển công đức, căn lành hướng về ba chỗ: 1) Chỗ sở chúng chơn như thật tế; 2) Chỗ sở cầu vô thượng Bồ đề; 3) Chỗ sở độ tất cả chúng sanh.

58. Ba đường ác: 1) Địa ngục, 2) Ngạ quỷ, 3) Súc sanh.

59. Tám nạn:

- 1) Địa ngục;
- 2) Ngạ quỷ;
- 3) Súc sanh;
- 4) Trường thọ thiên;
- 5) Bắc cu lô châu;
- 6) Đui, điếc, ngọng, liệt;
- 7) Thế trí biện thông,
- 8) Sanh trước Phật hay sau Phật.

Sở dĩ gọi là tám nạn là vì ở tám chỗ này dù cảm thọ quả khổ vui có khác, nhưng đều không được thấy Phật, không được nghe chánh pháp.

60. Phạm hạnh: Giới hạnh thanh tịnh, hạnh đoạn dâm dục.

61. Cung trời Tụ tại: Cung điện của trời Tụ Tại Thiên Vương ở trên chót từng tứ thiên cõi sắc giới.

62. Thần túc: Pháp thần thông biến hóa tụ tại vô ngại của Phật tu chứng.

63. Hữu vi: các pháp có tạo tác, sanh diệt, tức là chỉ tất cả hiện tượng biến thiên trong vũ trụ.

64. Trần cấu: Nghĩa là bụi nhớp, tức là những sự mê làm làm cho tâm phải mờ tối. Xa lìa trần cấu tức dứt hết 88 phẩm kiến hoặc trong ba cõi.

65. Pháp nhãn thanh tịnh: Thấy rõ được lý chơn thật của các pháp; tiểu thừa chứng được sơ quả, do đã xa lìa trần cấu kiến hoặc, thấy rõ thật lý pháp tứ đế. Đại thừa chứng được Vô sanh pháp nhãn vào bậc Sơ địa.

66. Kiết lậu: Các phiền não kết dện trong tụ tâm, nên phiền não cũng gọi là “kiết lậu”. Kiết lậu đã hết, vì dứt trừ lòng ái nhiễm mê đắm không còn chấp thọ các pháp nên tâm ý được giải thoát, chứng đến bậc vô học (A la hán).

## II. PHẨM PHƯƠNG TIỆN (1)

Thuở ấy, trong thành lớn Tỳ Da Ly có ông Trưởng giả tên là DUY MA CẬT, đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật, sâu trồng cội lành, đặng vô sanh pháp nhãn, biện tài vô ngại, du hí thần thông (2) chứng các môn tổng trì (3), đặng sức vô úy, hàng phục ma oán, thấu rõ Pháp môn (4) thâm diệu, khéo nơi trí độ, thông đạt các Pháp phương tiện, thành tựu đại nguyện, biết rõ tâm chúng sanh đến đâu, hay phân biệt rành rẽ các căn lợi độn, ở lâu trong Phật đạo, lòng đã thuần thực, quyết định nơi Đại thừa. Những hành vi đều khéo suy lường, giữ gìn đúng oai nghi của Phật, lòng rộng như bể cả, chư Phật đều khen ngợi, hàng Đệ tử, Đế Thích, Phạm Vương, vua ở thế gian v.v... thấy đều kính trọng.

Vì muốn độ người, nên ông dùng phương tiện khéo thị hiện là thân Trưởng giả ở thành Tỳ Da Ly, có cửa cải nhiều vô lượng để nhiếp độ các hạng dân nghèo; giữ giới thanh tịnh để nhiếp độ các kẻ phá giới; dùng hạnh điều hòa nhẫn nhục để nhiếp độ các người giận dữ; dùng đại tinh tiến để nhiếp độ các kẻ biếng nhác; dùng nhất tâm thiền tịch để nhiếp độ kẻ tâm ý tán loạn; dùng trí tuệ quyết định để nhiếp độ những kẻ vô trí; tuy làm người bạch y (5) cư sĩ mà giữ gìn giới hạnh thanh tịnh của sa môn; tuy ở tại gia mà không đắm nhiễm ba cõi (6), thị hiện có vợ con, nhưng thường tu phạm hạnh; hiện có quyền thuộc, nhưng ưa sự xa lìa; dù mặc đồ quý báu, mà dùng tướng tốt để nghiêm thân; dù có uống ăn mà dùng thiền duyệt (7) làm mùi vị. Nếu khi đến chỗ cờ bạc, hát xướng thì ông lợi dụng cơ hội để độ người; dù thọ các Pháp ngoại đạo nhưng chẳng tổn hại lòng chánh tín; tuy hiểu rõ sách



thế tục mà thường ưa Phật Pháp; cung kính tất cả mọi người làm trên hết trong sự cúng dường; nắm giữ chánh Pháp để nhiếp độ kẻ lớn người nhỏ; tất cả những việc trị sanh (buôn bán làm ăn) hùn hiệp, dù được lời lãi của đời, nhưng chẳng lấy đó làm vui mừng. Dạo chơi nơi ngã tư đường cái để lợi ích chung sanh; vào việc trị chánh để cứu giúp tất cả; đến chỗ giảng luận dẫn dạy cho Pháp Đại thừa; vào nơi học đường dạy dỗ cho kẻ đồng môn; vào chỗ dâm dục để chỉ bày sự hại của dâm dục; vào quán rượu mà hay lập chí. Nếu ở trong hàng Trưởng giả, là bậc tôn quý trong hàng Trưởng giả, giảng nói các Pháp thù thắng; nếu ở trong hàng cư sĩ, là bậc tôn quý trong hàng cư sĩ, dứt trừ lòng tham đắm cho họ; nếu ở trong dòng Sát đế lợi (8), là bậc tôn quý trong dòng Sát đế lợi, dạy bảo cho sự nhẫn nhục; nếu ở trong dòng Bà la môn (9), là bậc tôn quý trong dòng Bà la môn, khéo trừ lòng ngã mạn của họ; nếu ở nơi Đại thần, là bậc tôn quý trong hàng Đại thần, dùng chánh pháp để dạy dỗ; nếu ở trong hàng Vương tử, là bậc tôn quý trong hàng Vương tử, chỉ dạy cho lòng trung hiếu; nếu ở nơi nội quan (10), là bậc tôn quý trong hàng nội quan, khéo dạy dỗ các hàng cung nữ; nếu ở nơi thứ dân, là bậc tôn quý trong hàng thứ dân, chỉ bảo làm việc phước đức; nếu ở nơi trời Phạm thiên (11), là bậc tôn quý trong Phạm thiên, dạy bảo cho trí tuệ thù thắng; nếu ở nơi trời Đế Thích (12), là bậc tôn quý trong Đế Thích, chỉ bày cho Pháp vô thường; nếu ở nơi trời Tứ thiên vương hộ thế (13), là bậc tôn quý trong Tứ thiên vương hộ thế, hàng ủng hộ chúng sanh. Trưởng giả Duy Ma Cật dùng cả thầy vô lượng phương tiện như thế làm cho chúng sanh đều được lợi ích.

Ông dùng phương tiện hiện thân có bệnh. Do ông có bệnh nên các vị Quốc Vương, Đại thần, Cư sĩ, Bà la môn cả thầy cùng các vị

Vương tử với bao nhiêu quan thuộc vô số nghìn người đều đến thăm bịnh. Vì những người đến thăm bịnh, ông nhờn dịp thân bịnh mới rộng nói Pháp: “Này các Nhân giả! Cái huyễn thân này thật là vô thường, nó không có sức, không mạnh không bền chắc, là vật mau hư hoại, thật không thể tin cậy. Nó là cái ổ chứa nhóm những thứ khổ não bịnh hoạn. Các Nhân giả! Người có trí sáng suốt không bao giờ nương cậy nó. Nếu xét cho kỹ, thì cái thân này như đồng bọt không thể cầm nắm, thân này như bóng nổi không thể còn lâu; thân này như ánh nắng dợn giữa đồng, do lòng khát ái sanh, thân này như cây chuối không bền chắc; thân này như đồ huyễn thuật, do nơi điên đảo mà ra; thân này như cảnh chiêm bao, do hư vọng mà thấy có; thân này như bóng của hình, do nghiệp duyên hiện; thân này như vang của tiếng, do nhân duyên thành; thân này như mây nổi, trong giây phút tiêu tan; thân này như điện chớp sanh diệt rất mau lẹ, niệm niệm không dừng; thân này không chủ, như là đất; thân này không có ta, như là lửa; thân này không trường thọ, như là gió; thân này không có nhân, như là nước; thân này không thật, bởi tứ đại giả hợp mà thành; thân này vốn không, nếu lìa ngã và ngã sở; thân này là vô tri, như cây cỏ, ngói, đá; thân này không có làm ra (vô tác) (14), do gió nghiệp chuyển lay; thân này là bất tịnh, chứa đầy những thứ dơ bẩn; thân này là giả dối, dầu có tắm rửa ăn mặc tử tế rốt cuộc nó cũng tan rã; thân này là tai họa, vì đủ các thứ bịnh hoạn khổ não; thân này như giếng khô trên gò, vì nó bị sự già yếu ép ngặt; thân này không chắc chắn, vì thế nào nó cũng phải chết; thân này như rắn độc, như kẻ cướp giặc, như chốn không tự (15) vì do ấm (16), giới (17), nhập (18) hợp thành.

Các Nhân giả! Hãy nên nhàm chán cái thân này, chớ tham tiếc nó. Phải nên ưa muốn thân Phật. Vì sao? - Vì thân Phật là Pháp

thân (19), do vô lượng công đức trí tuệ sanh; do giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến (20) sanh; do từ bi hỷ xả (21) sanh; do Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Nhu hòa, Cần hành, Tinh tấn, Thiền định, Giải thoát tam muội (22), Đa văn, Trí tuệ các Pháp Ba la mật (23) sanh; do Phương tiện sanh; do Lục thông (24), Tam minh (25) sanh; do 37 phẩm trợ đạo (26) sanh, do Chỉ quán (27) sanh; do Thập lực, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng (28) sanh; do đoạn tất cả pháp bất thiện, tu các pháp thiện sanh; do chơn thật sanh; do không buông lung sanh; vô lượng pháp thanh tịnh như thế sanh ra thân Như Lai.

Này các Nhân giả! Muốn được thân Phật, đoạn tất cả bịnh chúng sanh thì phải phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (29).

Như vậy, Trưởng giả Duy Ma Cật vì những người đến thăm bịnh, mà nói Pháp làm cho vô số nghìn người đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

## Chú thích của phẩm II

1. Phương tiện: Phương là phương pháp, tiện là tiện dụng; phương pháp đem ra dùng thích hợp căn cơ của mỗi chúng sanh, mỗi thời đại, mỗi quốc độ nên gọi là phương tiện.

2. Du hí thần thông: Phật và Bồ Tát có thần thông tự tại vô ngại, vận dụng hóa độ chúng sanh, làm sự vui chơi của mình, nên gọi là du hí. Lại có nghĩa: Bồ Tát đã lịch thiệp các pháp thần thông, do từ chúng ngộ chơn tánh mà hiển phát, vận dụng xuất nhập dễ dàng như chơi, không điều chi ngăn ngại, chẳng phải như thần thông của nhà ngoại đạo, nhị thừa do tu luyện mà có, còn bị ngại, nên gọi là du hí thần thông.

3. Tổng trì: Tiếng Phạn gọi là Đà la ni, Tàu dịch là Tổng trì, tức là chỉ cho công năng giữ gìn các pháp lành khiến cho không mất, các pháp dữ không sanh, chia làm bốn món:

- 1) Pháp Đà la ni: với các Pháp Phật dạy nghe giữ gìn không quên.
- 2) Nghĩa Đà la ni: với nghĩa các pháp giữ gìn không quên.
- 3) Chú Đà la ni: do sức thiên định phát ra lời bí mật có thần hiệu không lường.
- 4) Nhẫn Đà la ni: an trú nơi thật tướng của các pháp.

Trong luận Phật Địa, quyển thứ 5 có nói: Đà La ni là sức tăng thượng của niệm tuệ hay giữ gìn vô lượng Phật pháp.

4. Pháp môn: Giáo pháp của Phật nói ra là phép tắc khuôn mẫu cho thế gian. Các bậc Hiền, Thánh nương vào đó mà được nhập đạo, gọi là Pháp môn. Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện nói “dùng chữ pháp môn tỏ bày Phật đạo”.

5. Bạch y: Danh từ xưng gọi người thể tục, vì người thể tục ưa thích mặc y phục trắng nên gọi là “bạch y”.

6. Ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới.

7. Thiên duyệt: Sự vui thích trong cảnh thiên đình. Khi nhập vào cảnh thiên đình được nhàn tịnh, thư thái làm cho vui thích tâm thần.

8. Sát Đế Lợi: (Ksatriya) tâu dịch là Điền chủ, giòng vua ở xứ Ấn Độ. Một họ trong bốn họ: 1) Sát đế lợi, 2) Bà la môn, 3) Tỳ xá, 4) Thủ đà.

9. Bà la môn: (Brahmana) Tâu dịch là Tịnh hạnh, một giòng họ tu hạnh trong sạch, thờ trời Đại phạm thiên, ở xứ Ấn Độ.

10. Nội quan: Quan Bộ lại trong cung cấm nhà vua.

11. Phạm thiên: hoặc Đại phạm thiên vương là vua cõi trời sơ thiên nơi Sắc giới. Cõi sơ thiên có 3 tầng trời: 1) phạm chúng, 2) Phạm phụ, 3) Đại phạm, đã xa lìa sự dục nhiễm ở cõi Dục giới, thân tâm yên tịnh trong sạch nên gọi là Phạm thiên.

12. Đế Thích: Là vị trời chủ tể cõi Đạo Lợi Thiên trên chót núi Tu Di. Tầng trời này có 33 cõi mà vị Đế Thích ở cõi chính giữa thống lãnh 32 cõi kia.

13. Tứ Thiên Vương hộ thế: Bốn vị ở bốn phía ngang lưng chừng núi Tu Di, làm vị ngoại tướng giúp đỡ trời Đế Thích coi sóc dân gian, mỗi vị ủng hộ mỗi châu thiên hạ nên gọi là Tứ Thiên Vương hộ thế:

- 1) Trì quốc thiên vương ở phương đông;
- 2) Tăng trưởng thiên vương ở phương nam;

- 3) Quảng mục thiên vương ở phương tây;
- 4) Đa văn thiên vương ở phương bắc.

14. Vô tác: Không có thi vi tạo tác, là ý nói cái thân do nhân duyên hiệp thành, không có chủ thể nên nó không tự động tác chuyển vận được.

15. Như chốn không tự: Như chỗ tự lạc (xóm làng) trống không, vắng vẻ có bọn giặc cướp nương ở, hoặc chỗ đồng trống có ác quỷ nhóm họp, là chỗ đáng ghê sợ, đáng nhàm chán không thể nương ở được. Thân con người cũng như thế, do tứ đại họp thành là đồng không trơn, lại là ổ chứa nhóm tội lỗi, chịu mọi sự thống khổ bệnh hoạn già chết ép ngặt, nên đáng nhàm chán xa lìa cũng như chốn không tự kia.

16. Âm: Năm âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

17. Giới: 18 giới: 6 căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; 6 trần: sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp; 6 thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

18. Nhập: 12 nhập: sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xung nhập với 6 căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

19. Pháp thân: Là pháp giới tánh hay là chơn như. Thân có nghĩa là nhóm họp, nên Pháp thân là chỗ sở y chứa nhóm tất cả công đức Pháp tánh. Lại đức Phật lấy pháp tánh chơn như làm thân, nên gọi là pháp thân.

20. Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến: Năm món này gọi là ngũ phần Pháp thân:

- 1) Thân, khẩu, ý xa lìa tất cả tội lỗi gọi là giới.
- 2) Chơn tâm đứng lặng lìa tất cả vọng niệm gọi là Định.
- 3) Chơn trí sáng suốt chiếu tỏ các pháp gọi là Tuệ.
- 4) Thân tâm giải thoát không bị triền phược gọi là giải thoát.
- 5) Biết mình thật giải thoát gọi là giải thoát tri kiến.

Người tu hành nhờ giới, định, tuệ làm nhơn mà chứng được thể giải thoát, giải thoát tri kiến của Pháp thân là quả, nên gọi là ngũ phần pháp thân.

21. Từ, bi, hỉ, xả: Xem số 5 về phần chú thích ở phẩm trước.

22. Tam muội: Tàu dịch là Định Tâm, định trụ một cảnh, xa lìa những sự loạn động.

23. Ba la mật (Paramita): Tàu dịch có ba nghĩa 1) Cứu cánh, 2) Đáo bỉ ngạn, 3) Độ vô cực. Danh từ Ba la mật này là do đại hạnh của các vị Bồ Tát mà đặt tên. Chính mình thật thành đại hạnh và giáo hóa cho người đến chỗ rốt ráo nên gọi “sự cứu cánh”. Nương theo đại hạnh của Bồ Tát được từ bờ sanh tử bên này tới bờ Niết bàn bên kia, nên gọi “đáo bỉ ngạn”. Nhờ đại hạnh mà được các pháp rộng rãi sâu xa không bờ bến, nên gọi “Độ vô cực”.

24. Lục thông: Sáu món thần thông:

- 1) Thiên nhãn thông: con mắt thấy xa đến cả đại thiên thế giới, những vật nhỏ nhít như vi trùng, những vật có chất ngại, cản trở đều thấy được hết, thấy rõ các chúng sanh trong nhiều kiếp lâu xa, chết ở cõi nào, sanh về cõi nào đều thấy rõ rệt.

2) Thiên nhĩ thông: lỗ tai nghe xa đến cả thế giới, hẳn đến tiếng rung động hết sức nhỏ, những tiếng nói của các loại đều nghe được hết.

3) Tha tâm thông: hiểu biết được tâm niệm tư tưởng của tất cả chúng sanh.

4) Túc mạng thông: biết rõ những kiếp trước của mình và của chúng sanh không điều gì ngăn ngại.

5) Thần túc thông: được các pháp thần thông biến hóa tự tại.

6) Lộ tận thông: trừ sạch hết thảy phiền não.

## 25. Tam minh:

1) Túc mạng minh: biết được những việc sống chết đời trước của mình và của tất cả chúng sanh.

2) Thiên nhãn minh: biết được những việc sống chết đời sau của mình và của tất cả chúng sanh.

3) Lộ tận minh: biết được những sự khổ hiện tại, dùng trí tuệ trừ sạch hết các phiền não.

26. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo: 4 pháp niệm xứ; 4 pháp chánh cần; 4 pháp như ý túc; 5 căn; 5) lực; 7 pháp giác chi; 8 pháp đạo phần. 37 pháp này giúp cho người tu hành thành tựu được đạo quả nên gọi là trợ đạo.

4 pháp niệm xứ: niệm là tâm năng quán (tâm hay quán sát), xứ là cảnh sở quán (cảnh bị quán sát). Vì chúng sanh vọng chấp thân ngũ ấm này, nên Phật nói 4 phép quán để đối trị:

1) Quán thân bất tịnh: Quán sát thân này là vật như bần.

2) Quán thọ là khổ: Quán sát sự thọ lãnh của thân tâm là



khổ.

3) Quán tâm vô thường: Quán sát tâm thức luôn luôn sanh diệt không thường trụ.

4) Quán sát vô ngã: Quán sát các pháp không có chủ thể.

4 pháp chánh cần:

1) Đoạn những ác pháp đã sanh;

2) Đoạn những ác pháp chưa sanh;

3) Làm cho các pháp lành tăng trưởng;

4) Làm cho các pháp lành chưa sanh được sanh.

4 pháp như ý túc:

1) Dục như ý túc: có tâm ham muốn tu tập các pháp lành thì được như ý.

2) Niệm như ý túc: quán sát cảnh gì mà nhứt tâm chuyên chú vào đó thì được như ý.

3) Tinh tấn như ý túc: do tinh tấn mà tu tập các pháp lành được như ý.

4) Tư duy như ý túc: do suy nghĩ mà tu tập được kết quả.

5 căn:

1) Tín căn: tin theo chánh đạo và trợ đạo.

2) Tinh tấn căn: là sự dũng mãnh tu theo thiện pháp;

3) Niệm căn: ghi nhớ các pháp chánh đạo và trợ đạo;

4) Định căn: nhiếp tâm theo chánh đạo;

5) Huệ căn: nhờ có định mà chân tánh tự sáng suốt không phải ở ngoài vào.

5 lực: cũng như ngũ căn nhưng vì thật hành theo ngũ căn thì căn lành có sanh, song gốc ác chưa phá hết nên phải gia

công tu tập thêm khiến cho thiện căn tăng trưởng. Khi thiện căn thành thực, các ác pháp không còn, nên gọi là ngũ lực.

7 pháp giác chi: Giác là tỏ, nghĩa là tỏ biết pháp tu chơn hay ngụy. Chi là ngành, nghĩa là 7 pháp này có chi phái khác nhau không xen lẫn nhau nên gọi là 7 pháp giác chi hay là 7 pháp giác phần:

1) Trạch pháp giác chi: dùng trí tuệ quan sát các pháp, giản trạch rõ ràng chơn ngụy.

2) Tinh tấn giác chi: dũng mãnh chuyên tâm tu tập các pháp chơn chánh. (Không làm theo những khổ hạnh sai lầm của ngoại đạo) luôn luôn không gián đoạn.

3) Hỷ giác chi: Khởi tâm vui mừng khi ngộ được chơn pháp. Mừng này chẳng phải như những lối mừng theo các việc thường tình điên đảo hư vọng, mà là mừng được an trụ nơi pháp chơn chánh.

4) Trừ giác chi: đoạn trừ phiền não thô trọng làm cho thân tâm nhẹ nhàng thư thới, xa lìa các pháp hư giả, tăng trưởng công đức chơn thiện.

5) Xả giác chi: lìa bỏ tất cả pháp chơn, vọng, lòng rộng rang bình đẳng không tưởng đến.

6) Định giác chi: nhứt tâm an trụ một cảnh, xa lìa vọng tưởng tán loạn.

7) Niệm giác chi: thường ghi nhớ pháp tu rõ ràng khiến cho định, tuệ bình đẳng.

Lúc tâm hôn trầm nhớ ngay đến ba chi giác: trạch pháp, tinh tấn, hỷ giác mà quán sát các pháp cho khỏi hôn trầm. Lúc tâm loạn vu vơ, nghĩ ngay đến ba chi: “Trừ giác” để trừ sạch các lỗi về thân miệng; “Xả giác” để xả tiêu cái trí quán sát; “Định giác” để vào nơi chánh định thu nhiếp cái tâm tán loạn, cho khỏi xao động vu vơ.

8 pháp đạo phần:

- 1) Chánh kiến: sự hiểu biết chơn chánh.
- 2) Chánh tu duy: sự suy nghĩ chơn chánh.
- 3) Chánh ngữ: nói những lời chơn chánh không hư vọng.
- 4) Chánh nghiệp: hành động chơn chánh.
- 5) Chánh mạng: lấy sự khát thực để nuôi sống thân mạng.
- 6) Chánh tinh tấn: tu theo giới, định. tuệ một lòng tinh chuyên không gián đoạn.
- 7) Chánh niệm: ghi nhớ những pháp chơn chánh.
- 8) Chánh định: thu nhiếp thân tâm thường được tịch tịnh.

27. Chỉ quán: Tiếng Phạn là Xa ma tha Tỳ bác xá na, Tàu dịch là chỉ quán hay là định tuệ, tịch chiếu, minh tịnh. Chỉ: là ngăn dứt tư tưởng vọng niệm, đoạn trừ giác quán sai lầm, đối với đế lý không lay động. Quán: là trí quán sát phân biệt, hiểu rõ danh tướng các pháp như duyên sanh diệt, khế hội vào lý chơn như.

28. Thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng: đã giải nơi phẩm trước.

29. Vô thượng chánh đẳng chánh giác: chỗ giác ngộ của Phật không còn ai hơn nữa gọi là Vô thượng, xa lìa tà vọng gọi là Chánh, ngộ được chơn lý nên gọi là Giác. Phát tâm Vô thượng

chánh đấng chánh giác là phát tâm mong cầu trí giác vô thượng,  
quả Phật cứu cánh.

### III. PHẠM ĐỆ TỬ (1)

#### XÁ LỢI PHÁT (2)

Lúc bấy giờ, Trưởng giả Duy Ma Cật nghĩ thầm rằng:

– Nay ta bệnh nằm ở giường, Thế Tôn là đấng Đại từ, lẽ đâu không đoái lòng thương xót!

Phật đã biết ý ông, liền bảo Xá Lợi Phát rằng:

– Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Xá Lợi Phát bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn? Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? - Nhớ lại trước kia, con từng ở trong rừng ngồi yên lặng (tọa thiền) dưới gốc cây, khi ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng: “Thưa Ngài Xá Lợi Phát? Bất tất ngồi sửng đờ mới là ngồi yên lặng. Vả chẳng ngồi yên lặng là ở trong ba cõi mà không hiện thân ý, mới là ngồi yên lặng; không khởi diệt tận định(3) mà hiện các oai nghi, mới là ngồi yên lặng; không rời đạo pháp mà hiện các việc phàm phu, mới là ngồi yên lặng; tâm không trụ trong cũng không ở ngoài mới là ngồi yên lặng; đối với các kiến chấp không động mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo mới là ngồi yên lặng; không đoạn phiền não mà vào Niết bàn(4) mới là ngồi yên lặng. Nếu ngồi được như thế là chỗ Phật ẩn khả (chứng nhận) vậy”.

Bạch Thế Tôn, lúc ấy con nghe nói những lời đó rồi, im lặng không trả lời đặng, nên con không dám đến thăm bệnh ông.

## MỤC KIỀN LIÊN (5)

Phật bảo Đại Mục Kiền Liên:

– Ông đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Mục Kiền Liên bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? - Nhớ lại trước kia, con vào trong thành Tỳ Da Ly ở trong xóm làng nói Pháp cho các hàng cư sĩ nghe, lúc ấy ông Duy Ma Cật đến bảo con rằng: “Này Ngài Đại Mục Kiền Liên, nói Pháp cho bạch y cư sĩ, không phải như Ngài nói đó. Vả chẳng nói Pháp phải đúng như pháp (xứng tánh) mà nói. Pháp không chúng sanh, là chúng sanh cấu(6); pháp không có ngã, là ngã cấu, Pháp không có thọ mạng, là sanh tử; Pháp không có nhơn, là trước là sau đều dứt; Pháp thường vắng lặng, bắt hết các tướng; Pháp là các tướng, không phải cảnh bị duyên; Pháp không danh tự, dứt đường ngôn ngữ; Pháp không nói năng, là giác quán(7); pháp không hình tướng; như hư không; Pháp không hí luận, rốt ráo là không; Pháp không ngã sở(8), là ngã sở; Pháp không phân biệt, là các thức; Pháp không chi so sánh, không có đối đãi; Pháp không thuộc nhơn, không nhờ duyên, Pháp đồng pháp tánh, khắp vào các Pháp; Pháp tuy nơi như, không có chỗ tùy; Pháp trụ thật tế(9), các bên (hữu, vô, thường, đoạn) không động được; Pháp không lay động, không nương sáu trần(10); Pháp không tới lui, thường không dừng (trụ); Pháp thuận “không”, tùy “vô tướng”, ứng “vô tác”(11); Pháp là tốt xấu; Pháp không thêm bớt; Pháp không sanh diệt; Pháp không chỗ về; Pháp ngoài mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; Pháp không cao thấp:

Pháp thường trụ không động; Pháp lìa tất cả quán hạnh. Thừa Ngài Đại Mục Kiền Liên! Pháp tướng như thế đâu có thể nói ư?

Vả chẳng người nói Pháp, không nói, không dạy, còn người nghe, cũng không nghe không được. Ví như nhà huyền thuật nói Pháp cho người huyền hóa nghe, phải dụng tâm như thế mà nói Pháp. Phải biết căn cơ của chúng sanh có lợi độn, khéo nơi trí kiến không bị ngăn ngại, lấy tâm đại bi ngợi khen Pháp Đại thừa, nghĩ nhớ đền trả ơn Phật, chớ để ngôi Tam Bảo đứt mất, như vậy mới nên nói Pháp”.

Khi ông Duy Ma Cật nói Pháp ấy rồi, tám trăm Cư sĩ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Con không được biện tài như thế, nên không dám lãnh đến thăm bệnh ông.

## ĐẠI CA DIẾP (12)

Phật bảo Đại Ca Diếp:

– Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Ca Diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Là vì sao? - Con nhớ lại trước kia, khi khát thực trong xóm nhà nghèo, lúc ấy ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: Này Ngài Đại Ca Diếp! Có lòng từ bi mà không phở cập là bỏ nhà giàu mà đi đến nhà nghèo. Ngài Ca Diếp! Ở Pháp bình đẳng nên đi khát thực theo thứ lớp. Vì không ăn mà đi khát thực; vì phá tướng hòa hiệp mà bốc cơm ăn; vì không nhận mà nhận món ăn của người; vì tướng “không tự” mà vào làng xóm; có thấy sắc cũng như người

đui; có nghe tiếng cũng như vang; có ngửi mùi cũng như gió; lúc nếm vị không phân biệt; chạm các vật như trí chứng(13); biết các Pháp tướng như huyền, không tự tánh, không tha tánh, trước vốn không sanh, nay cũng không diệt. Ngài Ca Diếp? Nếu có thể không bỏ bát tà(14) mà vào bát giải thoát(15), dùng tướng tà mà vào Chánh pháp, dùng một bữa ăn mà thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và các bậc Hiền Thánh rồi sau mới ăn. Ăn như thế, không phải có phiền não, không phải rời phiền não, không phải vào định ý(15), không phải ra định ý, không phải ở thế gian, không phải ở Niết bàn, người thí không có phước lớn, không có phước nhỏ, không được lợi ích, không bị tổn hại, đó chính là vào Phật đạo, không nương theo hạnh Thanh Văn. Ngài Ca Diếp? Nếu ăn như thế là ăn đồ cúng thí của người không uổng vậy.

Bạch Thế Tôn! Lúc đó con nghe ông Duy Ma Cật nói lời ấy tỏ ngộ được điều chưa từng có, càng sâu khởi tâm cung kính tất cả các vị Bồ Tát. Con lại nghĩ rằng: “Kẻ danh gia này có biện tài trí tuệ mới được như thế? Ai nghe mà chẳng phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác? Từ ấy đến nay, con chẳng còn đem hạnh Thanh Văn(17), Bích Chi Phật (18) để khuyên dạy người, vì thế nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

## TU BỒ ĐỀ (19)

Phật bảo Tu Bồ Đề:

– Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Tu Bồ Đề bạch Phật:



– Bạch Thế Tôn? Con không kham lãnh đến thăm bịnh ông. Vì sao? - Nhớ lại thuở trước, con vào khát thực nơi nhà ông, lúc đó trưởng giả Duy Ma Cật lấy cái bát của con đựng đầy cơm rồi nói với con rằng: “Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Đối với cơm bình đẳng, thì các Pháp cũng bình đẳng, các Pháp bình đẳng thì cơm cũng bình đẳng, đi khát thực như thế mới nên lãnh món ăn. Như Tu Bồ Đề không trừ dâm nộ si cũng không chung cùng với nó, không hoại thân mình mà theo một tướng, không dứt si ái sanh ra giải thoát, ở tướng ngũ nghịch(20) mà đặng giải thoát, không mở cũng không buộc, không thấy tứ đế(21) cũng không phải không thấy tứ đế, không phải đắc quả cũng không phải không đắc quả, không phải phạm phu cũng không phải rời phạm phu, không phải thánh nhơn, không phải không thánh nhơn, tuy làm nên tất cả các Pháp mà rời tướng các Pháp, thế mới nên lấy món ăn. Như Tu Bồ Đề không thấy Phật không nghe Pháp, bọn lục sư ngoại đạo(22) kia như Phú Lan Na Ca Diếp, Mạc Đà Lê Câu Xa Lê Tử, San Xà Dạ Tỳ La Chi Tử, A Kỳ Đa Xy Xá Khâm Ba La, Ca La Cựu Đà Ca Chiên Diên, Ni Kiên Đà Nhã Đề Tử là thầy của Ngài. Ngài theo bọn kia xuất gia, bọn lục sư kia đọa, Ngài cũng đọa theo, mới nên lấy món ăn. Tu Bồ Đề! Nếu Ngài vào nơi tà kiến, không đến bờ giác, ở nơi tám nạn, không được khỏi nạn, đồng với phiền não, lìa Pháp thanh tịnh, Ngài được vô tránh tam muội(23), tất cả chúng sanh cũng được tam muội ấy, những người thí cho Ngài chẳng gọi phước điền, những kẻ cúng dường cho Ngài đọa vào ba đường ác(24), Ngài cùng với ma nắm tay nhau làm bạn lữ, Ngài cùng với các ma và các trần lao như nhau không khác, đối với tất cả chúng sanh mà có lòng oán hận, khinh báng Phật, chê bai Pháp, không vào số chúng (Tăng), hoàn toàn không được diệt độ, nếu Ngài được như thế mới nên lấy món ăn.

Bạch Thế Tôn! Lúc đó con nghe những lời ấy rồi mờ mịt không biết là nói gì, cũng không biết lấy lời chi đáp, con liền để bát lại muốn ra khỏi nhà ông. Ông Duy Ma Cật nói: Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Ngài lấy bát chớ sợ? Ý Ngài nghĩ sao? Như Phật biến ra một người huyễn hóa và nếu người huyễn hóa đó đem việc này hỏi Ngài, chừng ấy Ngài có sợ chẳng? - Con đáp: “Không sợ!”. Trưởng giả Duy Ma Cật lại nói: Tất cả các Pháp như tướng huyễn hóa, Ngài không nên có tâm sợ sệt. Vì sao? – Vì tất cả lời nói năng không lìa tướng huyễn hóa, chỉ như người trí không chấp văn tự nên không sợ. Vì sao thế? - Tánh văn tự vốn ly, không có văn tự đó là giải thoát. Tướng giải thoát đó là các Pháp vậy”.

Khi ông Duy Ma Cật nói Pháp ấy rồi, hai trăm Thiên Tử được Pháp nhãn thanh tịnh. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

## PHÚ LÂU NA (25)

Phật bảo Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử:

– Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Phú Lâu Na bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn? Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? Nhớ lại trước kia con ở trong rừng lớn, dưới gốc cây nói Pháp cho các Tỳ Kheo mới học, lúc đó ông Duy Ma Cật đến bảo con: “Thưa Phú Lâu Na! Ngài nên nhập định trước để quán sát tâm địa của những người này, rồi sau mới nên nói Pháp. Ngài chớ đem món ăn dư để trong bát báu, phải biết rõ tâm niệm của

các vị Tỳ kheo này, chớ cho ngọc lưu ly đồng với thủy tinh, chớ nên dùng pháp tiểu thừa mà phát khởi cho họ, những người kia tự không có tì vết, chớ làm cho họ có tì vết, họ muốn đi đường lớn, chớ chỉ lối nhỏ. Ngài chớ nên đem biển lớn để vào chậu nhỏ, chớ cho ánh sáng mặt trời đồng với lửa đom đóm. Ngài Phú Lô Na! Những vị Tỳ kheo này đã phát tâm đại thừa từ lâu, giữa chừng quên lãng, nay tại sao lại lấy pháp tiểu thừa dẫn dắt họ? Tôi xem hàng tiểu thừa trí tuệ cạn kiệt cũng như người mù, không phân biệt được căn tánh lợi độn của chúng sanh.

Lúc bấy giờ ông Duy Ma Cật liền nhập tam muội (chánh định) làm cho những vị Tỳ kheo đó biết được kiếp trước của mình đã từng ở 500 đức Phật vân tròng các cõi đức, hồi hướng về đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, liền đó rộng suốt trở lại đặng bốn tâm (Đại thừa). Khi ấy, các vị Tỳ kheo cúi đầu đánh lễ nơi chơn ông Duy Ma Cật, ông liền nhân đó nói pháp làm cho tất cả không còn thối lui nơi đạo vô thượng Bồ Đề.

Con nghĩ hàng Thanh Văn như con không quán được căn cơ của người, không nên nói Pháp. Vì thế con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

## MA HA CA CHIÊN DIÊN (26)

Phật bảo Ma Ha Ca Chiên Diên:

– Ông đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Ca Chiên Diên bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bịnh ông. Vì sao? Nhớ lại lúc trước, Phật nói lược qua yếu chỉ các Pháp cho các Tỳ Kheo nghe, sau khi đó, con diễn nói lại nghĩa ấy, là những nghĩa vô thường(27), khổ(28), không(29), vô ngã(30), và tịch diệt(31).

Lúc bấy giờ ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng. Thưa Ngài Ca Chiên Diên! Ngài chớ nên đem tâm hạnh sanh diệt mà nói Pháp thật tướng(32). Ngài Ca Chiên Diên! Các Pháp rốt ráo không sanh, không diệt là nghĩa “vô thường”; năm ấm rỗng không, không chỗ khởi là nghĩa “khổ”; các Pháp rốt ráo không có, là nghĩa “không”; ngã và vô ngã không hai, là nghĩa “vô ngã”; Pháp trước không sanh, nay cũng không diệt, là nghĩa “tịch diệt”.

Khi ông Duy Ma Cật nói Pháp ấy xong, các Tỳ Kheo kia tâm được giải thoát. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bịnh ông.

## A NA LUẬT(33)

Phật bảo A Na Luật:

– Ông đi đến thăm bịnh ông Duy Ma Cật.

A Na Luật bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn? Con không kham lãnh đến thăm bịnh ông. Vì sao? - Nhớ lại lúc trước con đi kinh hành một chỗ nọ, khi ấy có vị Phạm Vương tên Nghiêm Tịnh, cùng với một muôn Phạm Vương khác, phóng ánh sáng trong sạch rực rỡ đến chỗ con cúi đầu làm lễ và hỏi: “Thưa Ngài A Na Luật? Thiên nhãn của Ngài thấy xa được bao nhiêu?”. Con liền đáp: “Nhơn giả, tôi thấy cõi Tam thiên

Đại thiên thế giới của Phật Thích Ca Mâu Ni đây như thấy trái Am-ma-lặc(34) trong bàn tay vậy. Lúc đó ông Duy Ma Cật đến nói với con: “Thưa Ngài A Na Luật? Thiên nhãn của Ngài thấy đó làm ra tướng mà thấy hay là không làm ra tướng mà thấy? Nếu như làm ra tướng thì khác gì ngũ thông(35) của ngoại đạo, nếu không làm ra tướng thì là vô vi, lẽ ra không thấy? Bạch Thế Tôn! Lúc ấy con nín lặng.

Các vị Phạm thiên nghe ông Duy Ma Cật nói lời ấy rồi đặng chỗ chưa từng có, liền làm lễ hỏi ông rằng “Bạch Ngài ở trong đời ai là người có chơn thiên nhãn (36)?”

Trưởng giả Duy Ma Cật đáp: “Có Phật Thế Tôn được chơn thiên nhãn, thường ở tam muội, thấy suốt các cõi Phật không có hai tướng”.

Khi ấy Nghiêm Tịnh Phạm vương cùng quyến thuộc năm trăm Phạm Vương đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đảnh lễ dưới chơn ông Duy Ma Cật rồi bỗng nhiên biến mất. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bịnh ông.

## ƯU BA LY (37)

Phật bảo Ưu Ba Ly:

– Ông đi đến thăm bịnh ông Duy Ma Cật.

Ưu Ba Ly bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bịnh ông. Vì sao? - Con nhớ lại ngày trước có hai vị Tỳ Kheo phạm luật hạnh, lấy làm hổ thẹn, không dám hỏi Phật, đến hỏi con rằng: “Dạ thưa

Ngài Ưu Ba Ly! Chúng tôi phạm luật thật lấy làm hổ thẹn, không dám hỏi Phật, mong nhờ Ngài giải rõ chỗ nghi hời cho chúng tôi được khỏi tội ấy”. Con liền y theo pháp, giải nói cho hai vị.

Bấy giờ ông Duy Ma Cật đến nói với con: “Thưa Ngài Ưu Ba Ly, Ngài chớ kết thêm tội cho hai vị Tỳ Kheo này, phải trừ dứt ngay, chớ làm rối loạn lòng họ. Vì sao? - Vì tội tánh kia không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa. Như lời Phật nói: “Tâm như nên chúng sanh như, tâm sạch nên chúng sanh sạch. Tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở khoảng giữa. Tâm kia như thế nào, tội cấu cũng như thế ấy. Các Pháp cũng thế không ra ngoài chơn như. Như Ngài Ưu Ba Ly, khi tâm tướng được giải thoát thì có tội cấu chăng?”. Con đáp: “Không”. Ông Duy Ma Cật nói: “Tất cả chúng sanh tâm tướng không như cũng như thế? Thưa Ngài Ưu Ba Ly! Vọng tưởng là như, không vọng tưởng là sạch; điên đảo là như, không điên đảo là sạch; chấp ngã là như, không chấp ngã là sạch. Ngài Ưu Ba Ly? Tất cả pháp sanh diệt không dừng, như huyễn, như chớp; các Pháp không chờ nhau cho đến một niệm không dừng; các Pháp đều là vọng kiến, như chiêm bao, như nắng dạn, như trăng dưới nước, như bóng trong gương, do vọng tưởng sanh ra. Người nào biết nghĩa này gọi là giữ luật, người nào rõ nghĩa này gọi là khéo hiểu.

Lúc đó hai vị Tỳ Kheo khen rằng: “Thật là bậc thượng trí? Ngài Ưu Ba Ly này không thể sánh kịp Ngài là bậc giữ luật hơn hết mà không nói được”.

Con đáp rằng: “Trừ đức Như Lai ra, chưa có bậc Thanh Văn và Bồ Tát nào có thể chế phục được chỗ nhạo thuyết biện tài(38) của ông Duy Ma Cật. Trí tuệ của ông thông suốt không lường”.

Khi ấy, hai vị Tỳ kheo dứt hết nghi hối, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và phát nguyện rằng: “Nguyện làm cho tất cả chúng sanh đều được biện tài như vậy”. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

## LA HẦU LA(39)

Phật bảo La Hầu La:

– Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

La Hầu La bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? - Nhớ lúc trước kia, các Trưởng giả tử ở thành Tỳ Da Ly đến con cúi đầu làm lễ hỏi rằng? “Thưa Ngài La Hầu La, Ngài là con của Phật vì đọa bỏ ngôi Chuyển Luân Vương(40) mà xuất gia, việc xuất gia đó có những lợi ích gì?”. Con liền đúng theo Pháp mà nói sự ích lợi của công đức xuất gia. Lúc đó, ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: “Thưa La Hầu La! Ngài không nên nói cái lợi của công đức xuất gia. Vì sao? – Không lợi không công đức, mới thật là xuất gia. Về pháp hữu vi(41) có thể nói là có lợi, có công đức còn xuất gia là pháp vô vi(42), trong pháp vô vi không lợi, không công đức - La Hầu La? Vả chẳng xuất gia là không kia, không đây, cũng không ở chính giữa; ly sáu mươi hai môn kiến chấp(43), ở nơi Niết bàn, là chỗ nhận của người trí, chỗ làm của bậc Thánh, hàng phục các ma, khởi ngũ đạo(44), sạch ngũ nhãn(45), đặng ngũ lực(46), lập ngũ căn(47), không làm náo người khác, rời các tạp ác(48), dẹp các ngoại đạo, vượt khỏi giả danh, ra khỏi bùn lầy; không bị ràng buộc, không ngã sở, không

chỗ thợ, không rối loạn trong lòng, ưa hộ trợ ý người khác, tùy thiên định, rời các lỗi. Nếu được như thế mới thật là xuất gia”.

Khi ấy, ông Duy Ma Cật bảo các Trưởng giả tử: “Các người nay ở trong Chánh Pháp nên cùng nhau xuất gia. Vì sao? - Phật ra đời khó gặp”.

Các Trưởng giả tử nói:

– Thưa Cư sĩ, chúng tôi nghe Phật dạy: “Cha mẹ không cho, không được xuất gia”.

Ông Duy Ma Cật nói:

– Phải, các người nếu phát tâm Vô Thượng Bồ Đề(49), đó chính là xuất gia, đó chính là đầy đủ Giới Pháp.

Bấy giờ ba mươi hai vị Trưởng giả tử đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

## A NAN (50)

Phật bảo A Nan:

– Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

A Nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn? Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Là vì sao? - Nhớ lại lúc trước, Thế Tôn thân hơi có bệnh phải dùng sữa bò, con cầm bát đến đứng trước cửa nhà người đại Bà la môn. Lúc bấy giờ ông Duy Ma Cật đến bảo con: “Này A Nan? Làm gì cầm bát đứng đây sớm thế?”



Con đáp: “Cư sĩ, Thế Tôn thân hơi có bệnh phải dùng sữa bò, nên tôi đến đây xin sữa”.

Ông Duy Ma Cật nói: “Thôi thôi! Ngài A Nan chớ nói lời ấy! Thân Như Lai là thể kim cang(51), các ác đã dứt, các lành khắp nhóm, còn có bệnh gì, còn có nã gì? - Im lặng bước đi, Ngài A Nan! Chớ phỉ báng Như Lai, chớ cho người khác nghe lời nói thô ấy, chớ làm cho các trời oai đức lớn và các Bồ Tát từ Tịnh độ phương khác đến đây nghe được lời ấy! Ngài A Nan! Chuyển Luân Thánh Vương có ít phước báu còn không tật bệnh, huống chi Như Lai phước báu nhiều hơn tất cả đấy ư? Hãy đi Ngài A Nan? Chớ làm cho chúng tôi chịu sự nhục đó, hàng ngoại đạo Phạm Chí nếu nghe lời ấy, chắc sẽ nghĩ rằng: “Sao gọi là Thầy, bệnh của mình không cứu nổi mà cứu được bệnh người khác ư?” Nên lên đi mau, chớ để cho người nghe! Ngài A nan! Phải biết thân Như Lai, chính là Pháp Thân(52), không phải thân tư dục (53). Phật là bực Thế Tôn hơn hết ba cõi, thân Phật là vô lậu(54), các lậu đã hết, thân Phật là vô vi, không mắc vào các số lượng, thân như thế còn có bệnh gì?”.

Bạch Thế Tôn! Lúc đó con thật quá hổ thẹn không lẽ con gần Phật mà nghe làm ư? Con liền nghe trên hư không có tiếng nói rằng: “A Nan! Đúng như lời Cư sĩ đã nói, chỉ vì Phật ứng ra đời ác đủ năm món trước (55) nên hiện ra việc ấy, để độ thoát chúng sanh thôi. A Nan! Hãy đi lấy sữa chớ có thẹn”.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy Ma Cật trí tuệ biện tài dường ấy, cho nên con không kham lãnh đến thăm bệnh ông.

Như vậy, năm trăm vị đại đệ tử mỗi người đều đối trước Phật trình bày chỗ bồn duyên(56) của mình, vị nào cũng khen ngợi,

thuật lại những lời của ông Duy Ma Cật và đều nói: “Không kham  
lãnh đến thăm bệnh ông”.

## Chú thích của phẩm III

1. Đệ tử: Em, con, nghĩa là theo đạo thầy trò, thời Thầy coi trò như em, nên dùng theo cách đối với người em và cư xử. Trò thờ Thầy như cha, nên lấy theo đạo lý con người mà phụng sự Thầy. Thầy trò đối đãi với nhau nên xưng là “Đệ tử”. Lại có nghĩa: Giác ngộ sau Phật gọi là em (đệ). Trí giác ngộ nhờ Phật phát sinh gọi là con (tử). Hai chữ “Đệ tử”, ở đây chuyên chỉ cho hàng Thanh Văn. Dẫu biết rằng Phật là Đạo sư trong ba cõi, cha lành của bốn loài, thời ai chẳng phải là đệ tử của Phật. Nhưng vì hàng Thanh Văn là những bậc xuất gia, theo Phật nghe pháp, hiểu biết, ngộ đạo chứng quả, nhiếp về số chúng tăng giữ gìn ngôi Tam Bảo, làm mô phạm cho ba cõi, hằng theo hầu Phật châu du giáo hóa khắp nơi. Chẳng phải như hàng tại gia, tuy tin Phật mà còn phụng sự quân thân, hàng Bồ Tát dù khế hợp Phật đạo, mà lại tùy cơ tùy chỗ ứng hiện giáo hóa không định, nên trong kinh thường gọi Đệ tử là riêng chỉ cho hàng Thanh Văn vậy.

2. Xá Lợi Phất: (Sariputra) Tàu dịch là “Thu tử”, nghĩa là con bà “Thu Lộ”. Ông là người trí tuệ cao siêu, biệt tài mẫn thiệp. Khi ông còn ở trong bụng mẹ, đã xui cho mẹ biện luận giỏi hơn người cậu là Cu Si La (Kansthla). Đến khi ông lên 8 tuổi đã có tài diễn thuyết, cả 16 nước không ai nghi luận bằng. Sau ông theo học đạo Phật, mới bảy ngày đã thông hiểu các Pháp, nên gọi là Trí tuệ đệ nhất.

3. Diệt tận định: (Nirodbasamapatti) cũng gọi Diệt thọ tưởng định: nghĩa là diệt hết 6 thức tâm vương và tâm sở không còn khởi hiện hạnh. Hàng nhị thừa từ quả thứ ba sắp lên, tạm tưởng nhập Niết bàn thời nhập định này, thuộc về thánh quả chớ chẳng phải như vô tâm định của ngoại đạo.

4. Niết Bàn: (Nirvana) cũng gọi là Nê hoàn. Tàu dịch Diệt độ: Nghĩa là dứt hết phiền não nghiệp chướng vượt khỏi vòng sanh tử. Lại dịch là Viên tịch: Đức đầy đủ khắp trần sa là “Viên”, dứt nghiệp chướng khổ lụy, gọi là “Tịch”. Cũng chỉ cho bản tánh tịch tịnh, rời tất cả pháp sanh diệt khổ lụy.

6. Mục Kiền Liên: (Mục Dgalyayana): Tàu dịch: họ Thái Thúc. Ban sơ ông tu theo ngoại đạo đã lâu mà không công hiệu gì, sau nhờ ông Xá Lợi Phất thuật lại bài kệ Nhân duyên cho ông nghe, liền tỏ ngộ: theo Phật tu hành chứng quả Thanh Văn, đặng phép Thần thông bậc nhất.

6. Chúng sanh cầu: Các tâm chấp ngã, chấp có chúng sanh. Trên bản thể chơn pháp không có chúng sanh, nếu chấp có chúng sanh thành như chơn pháp, nếu ngộ được chơn pháp không có chúng sanh, thời cái như chấp trước kia không còn nữa.

7. Giác quán: Cũng gọi là Tâm Từ: Suy nghĩ bằng cách tâm niệm vội vàng thô động gọi là giác. Suy nghĩ chín chắn bằng tâm nhỏ nhiệm gọi là quán. Hai món này làm chướng ngại rối loạn cho tâm định, lại làm nguyên nhân phát khởi ra lời nói năng. Nếu là Giác Quán thì không còn lời nói năng.

8. Ngã sở: Ngã: Ta, là lỗi ngoại đạo, phạm phu chấp chính thân ta có một chủ thể hằng còn, hay ngoài thân có đấng chủ thể thường còn cùng khắp, thọ dụng tất cả và hay sanh vạn vật. Ngã sở: vật sở hữu, phụ thuộc của Ngã (ta), ngã là chủ của vạn vật, vạn vật là sở hữu của ngã. Đây là do tính chấp có ngã mới có ngã sở.

9. Thực tế: Cùng cực thật lý của bản thể vũ trụ, Pháp tánh chơn như.

10. Sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

11. Không, Vô tướng. Vô tác: Gọi là tam không. Ba môn này đều nói về Lý Không, cũng gọi là Tam tam muội.

1) Không tam muội: Quán các pháp từ như duyên sanh, không có ngã và ngã sở.

2) Vô tướng tam muội: Xa lìa những tướng Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc và tướng Nam, tướng Nữ.

3) Vô tác tam muội: Đối với các pháp xả hết tâm mong muốn, không còn sự tạo tác

12. Đại Ca Diếp: Tâu dịch là Âm Quang, nghĩa là hào quang chói sáng trùm hết các ánh sáng khác. Nguyên kiếp trước ông chung đạu vàng với người ta và ra công thiếp tượng Phật, nhờ công đức ấy, nên đời đời cảm đặng cái báo thân sắc vàng ánh chói. Khi gặp Đức Phật ra đời giáo hóa, ông nguyện theo tu hành, sau lãnh thọ đặng chánh pháp. Trong hàng Đại đệ tử, ông là đức hạnh bậc nhất, cũng là khổ hạnh bậc nhất nữa.

13. Như trí chứng: Tức là khi Thật trí chứng chơn lý thành tựu đạo quả, toàn thân nhẹ nhàng an vui mà không sanh đắm nhiễm; ý nói thân chạm lánh các vật tốt, xấu, êm ấm v.v... cũng không có cảm thọ mê đắm như trí chứng vậy.

14. Bát tà: 1. Tà kiến, 2. Tà tư duy, 3. Tà ngữ, 4. Tà nghiệp, 5. Tà mạng, 6. Tà phương tiện, 7. Tà niệm: 8. Tà định. Trái với Bát chánh đạo thời gọi là Bát tà.

15. Bát giải thoát: Cũng là bát bội xả. Nghĩa là tám pháp thiền định này có công năng xa lìa, trải bỏ tất cả phiền não được giải thoát những sự trền phược trong ba cõi.

- 1) Nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc: Vì muốn diệt trừ lòng tham đắm, người tu hành trước phải quán thân mình là vật như nhóp, nhưng vì còn lòng tham đối với thân người, nên cũng phải quán cái thân người khác cũng như thế.
- 2) Nội vô sắc tướng ngoại quán sắc: Mới diệt được sắc tướng trong thân nhưng lòng tham dục đối với người ở cõi Dục khó đoạn hết, nên cũng còn quán tướng người khác bất tịnh.
- 3) Tịnh bội xả thân tác chứng: Đến đây không còn tham trước tướng bất tịnh ở ngoài, chỉ ở trong cảnh định luyện tập tâm sắc quang minh trong suốt (Tịnh Bội xả). Tâm đã sáng suốt thì vui càng tăng trưởng đầy khắp trong thân (thân bội xả).
- 4) Hư không xứ bội xả: Người tu hành diệt được lòng tham muốn sắc thân bất tịnh của mình và của người, được nhứt tâm duyên “Không” cùng với “Không” tương ứng, tức nhập được định “Vô biên hư không xứ”.
- 5) Thức xứ bội xả: Do xả Hư không xứ định, nhứt tâm duyên thức. Lúc nhập định này, tức quán định, nhằm chán không ưa đắm nữa.
- 6) Vô sở hữu xứ bội xả: Do xả thức xứ, nhứt tâm duyên Vô sở hữu xứ. Lúc nhập định này, tức quán định y nơi năm uẩn đều không thật nên không còn ái trước nữa.
- 7) Phi hữu tướng, Phi vô tướng xứ bội xả: Do xả vô sở hữu xứ định, nhứt tâm duyên phi hữu tướng, phi vô tướng. Lúc nhập định này, y nơi năm uẩn đều không thật, nên tâm sanh nhằm chán.

8) Diệt thọ tưởng bội xả: Vì nhàm chán cái tâm tán loạn nên nhập định cho diệt hẳn tâm ấy đi. Khi đắc định cả rồi thì thành ra tám đạo giải thoát nên gọi là Bát giải.

16. Định ý: Tức tịnh tâm. Tu thiền định xa lìa ý tán loạn.

17. Thanh Văn: Hàng đệ tử Tiểu thừa y theo chánh giáo của Phật dạy, tu tập pháp Tứ đế, đoạn Kiến hoặc và Tư hoặc, chứng chánh quả. Có 4 bậc: 1) Tu đà hoàn (Dự lưu quả), 2. Từ đà hàm (Nhứt lai quả), 3. A na hàm (Bát lai quả), 4. A la hán (Vô sanh quả).

18. Bích Chi Phật: Thuộc về trung thừa có 2 hạng: 1) Độc Giác: ra đời không gặp đấng Phật và giáo pháp, do căn lành sẵn có, ngộ thấy cảnh tang thương, hoa tàn, lá úa v.v... ngộ lý vô thường, phát tâm xuất ly dục trần, tự tu tập pháp vô thường quán, chứng quả vô sanh khỏi vòng sanh tử trong tam giới; 2) Duyên Giác: Ra đời gặp Phật và giáo pháp, tu tập theo phép quán 12 nhưn duyên chứng quả vô sanh (Đồng bậc A La Hán của Thanh Văn).

19. Tu Bồ Đề: (Shabuti) Tàu dịch là Không Sanh. Bậc Đại A La Hán tỏ ngộ lý chơn không, bậc nhứt trong hàng Thanh Văn.

20. Ngũ nghịch: 1) Giết cha; 2) Giết mẹ; 3) Giết A La Hán; 4) Phá hòa hợp của chúng Tăng; 5) Làm cho thân Phật chảy máu.

21. Tứ Đế: 1) Khổ đế: tất cả cảnh khổ trong ba cõi như sanh, già, bệnh, chết v.v... 2) Tập đế: Nguyên nhân tất cả cảnh khổ, tức phiền não tham, sân, si v.v. chứa nhóm kết thành. 3) Diệt đế: Tịch diệt Niết bàn; dứt hết phiền não nguyên nhân thống khổ, khỏi hẳn sanh tử an vui vắng lặng. 4) Đạo đế: Các Thánh đạo,

những phương pháp tu hành để đoạn phiền não, chứng Thánh quả.

22. Lục sư ngoại đạo: Sáu ông Thầy chủ trương học thuyết ngoại đạo:

- 1) Phú Lan Na, chủ trương thuyết đoạn diệt;
- 2) Mạt Già Lê, chủ trương thuyết tự nhiên sinh;
- 3) San Xà Gia, chủ trương thuyết không tu hành;
- 4) A Kỳ Đa, chủ trương khổ hạnh;
- 5) Ca Na, chủ trương thuyết ngụy biện;
- 6) Ni Càn Đà, chủ trương thuyết định mạng, tức Ấn Độ giáo bây giờ.

23. Vô tránh tam muội: Là môn chánh định cao siêu hơn hết trong các môn chánh định của hàng Thanh Văn. Môn định này do vì liễu ngộ lý không, nên bỉ, ngã đều quên, không làm tổn não chúng sanh, lại hay khiến chúng sanh không khởi phiền não.

24. Ba đường ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

25. Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử: (Purnamaitrayaniputra) Tàu dịch là Mãn Từ Tử, nghĩa là con của ông Mãn (cha) bà Tử (mẹ). Ông có tài thuyết pháp bực nhất trong hàng Thanh Văn.

26. Ma Ha Ca Chiên Diên: (Maha Katyayana) Tàu dịch Văn Súc, nghĩa là nói năng diu dàng, biện luận rành rẽ. Ông là người có biện tài bực nhất trong hàng Tỳ kheo.

27. Vô thường: Tất cả pháp trong đời sanh diệt dời đổi phút chốc không dừng gọi là Vô thường. Trong Trí Độ Luận về quyển 23 nói: “Tất cả pháp hữu vi đều vô thường vì chấp chấp sanh diệt, vì thuộc nhưn duyên vậy”.



28. Khổ: Những việc bức não thân tâm gọi là khổ, như sanh, già, bệnh, chết v.v...

29. Không: Các pháp do nhân duyên sanh ra, tìm xét cùng tột không có thật thể, nên gọi là không.

30. Vô ngã: Thân thể chỉ do ngũ uẩn giả hợp không có chủ thể thường nhưt. Các pháp đều do nhân duyên sanh cũng không có ngã thể thường nhưt. Trong kinh Kim Cang nói: người thông suốt được pháp vô ngã, Như Lai gọi là Chơn Bồ Tát.

31. Tịch diệt: Tiếng Phạn gọi là Niết Bàn. Lý thể tịch tịnh lìa tất cả tướng gọi là Tịch Diệt.

32. Thật tướng: Tướng chân thật không giả dối, tức là chỉ cho bản thể vạn hữu trong vũ trụ. Bản thể ấy có khi gọi là Pháp tánh, Chơn như hay Thật tướng. Danh từ tuy khác mà thể là một.

33. A Na Luật: (Aniruddha) cũng gọi A Nậu Lâu Đà. Tà u dịch là Như ý. Nghĩa là kiếp trước ông có cúng dường một vị Phật Bích Chi, nên đời đời cảm đặng quả báo phú túc, chỗ cầu đều mãn nguyện. Khi ông mới nhập đạo, tánh hay ưa ngủ, bị Phật quở trách ông tự hổ, tinh tấn tu tập thức luôn bảy ngày đêm đến nỗi hai mắt không thấy đường, nhờ Phật dạy tu pháp “Kim cang tam muội” nên sau ông đặng Thiên nhãn bức nhưt.

34. A Ma Lạc: Thứ trái cây hình giống trái Bình Lang (trái cau) ăn nó trừ được bệnh phong lãnh.

35. Ngũ thông: 1. Thiên nhãn thông, 2. Thiên nhĩ thông, 3. Tha tâm thông, 4. Túc mạng thông, 5. Thần túc thông.

36. Chơn thiên nhãn: Là mắt của Phật, Phật hằng ở trong định, vạn tượng đều hiện trước mắt, chưa từng không thấy, mà chưa từng có thấy, nên nói không có hai tướng.

37. Ưu Ba Ly: (Upali) Tàu dịch là Cận Chấp, nghĩa là nói lúc Phật làm Thái tử, ngài Ưu Ba Ly làm quan đại thần: thân cận giúp cho Thái tử, sau theo Phật xuất gia, chứng quả A La Hán, ngài là bực giữ luật thứ nhất.

38. Nhạo thuyết biện tài: Bồ Tát do nội trí phát sáng hay tùy thuận căn tánh chúng sanh ưa nghe pháp mà diễn nói một cách viên dung vô ngại.

39. La Hầu La: (Rahula) Tàu dịch là Phú Chướng, nghĩa là bị ngăn chướng ở trong thai mẹ 6 năm mới sanh ra, ông là con của Phật Thích Ca. Khi bà Da Du Đà La sanh ông ra, nhằm lúc thần A tu la lấy tay che khuất mặt trời, vì thế nên đặt tên ông là La Hầu La. Trong kinh Nhân Duyên nói: Trong 10 người đệ tử lớn của Phật, ông La Hầu La là mặt hạnh bực nhất. Đến hội Pháp Hoa, ông được thọ ký sau sẽ thành Phật hiệu là “Đạo thất Bảo Hoa Như Lai”.

40. Chuyển Luân Vương: có bốn: 1. Thiết Luân Vương cai trị một châu thiên hạ; 2. Đồng Luân Vương cai trị 2 châu thiên hạ; 3. Ngân Luân Vương cai trị 3 châu thiên hạ; 4. Kim Luân Vương (cai trị 4 châu thiên hạ). Vì phước nghiệp đời trước, nên khi làm vua, có xe báu tự nhiên, hoặc bằng sắt, đồng, bạc, vàng hiện ra, vua ngồi xe đó đi tuần hay dẹp giặc trong cõi mình cai trị nên gọi là Chuyển Luân Thánh Vương.

41. Hữu vi: Các pháp có tạo tác sanh diệt, tức là chỉ tất cả hiện tượng biến thiên trong vũ trụ.

42. Vô vi: Vi là thi vi tạo tác, vô vi là cái không có thi vi tạo tác lại không bị bốn tướng Sanh, Trụ, Di, Diệt cai quản, tức là bản thể chơn lý.

43. Sáu mươi hai món kiến chấp: Đối với pháp ngũ ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) mỗi ấm phái ngoại đạo khởi 4 món kiến chấp sai lầm: 1) Chấp sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc; 2) Chấp ngã lớn sắc nhỏ, sắc ở trong ngã; 3) Ngoài sắc chấp ngã riêng; 4) Ngã tức là Sắc. Sắc ấm như thế thì các ấm kia cũng thế, cộng thành 20 kiến, trải ba đời nhơn thành 60 kiến, thêm hai phần căn bản là Đoạn kiến và Thường kiến, thành 62 món tà kiến. Vì rùng kiến chấp sai lầm ấy, nên người đời không chừa một tội lỗi nào mà không làm.

44. Ngũ đạo: Năm đường: Trời, người, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục.

45. Ngũ nhãn:

1) Nhục nhãn: Mắt thịt thấy gần không thấy xa, thấy ngoài không thấu trong, vì bị sắc chất ngăn ngại;

2) Thiên nhãn: Mắt của chư Thiên nhơn tu thiên định mà thành. Mắt này có thể thấy tất cả xa gần, trước sau, trên dưới, ngày đêm, vì không có sắc chất làm ngăn ngại;

3) Huệ nhãn: mắt của hàng nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) quán thấy tất cả đều không;

4) Pháp nhãn: mắt của Bồ Tát. Bồ Tát vì độ sanh dùng Pháp nhãn thanh tịnh quán khắp tất cả các pháp và tất cả chúng sanh đem những món phương tiện dạy dỗ khiến họ tu chứng;

5) Phật nhãn: Mắt của Phật, do trí tuệ viên mãn cứu cánh của Phật có đủ bốn con mắt trước nhưng có phán đặc biệt hơn, như: Người thấy rất xa, Phật lại thấy rất gần, người thấy tối tăm, Phật lại thấy sáng, cho đến không việc gì mà Ngài không thấy, không biết, không nghe, không cần để ý mà đều thấy nghe tất cả.

46. Ngũ căn: 1. Tín căn; 2. Tấn căn; 3. Niệm căn; 4. Định căn; 5. Huệ căn đã giải nơi 2 phẩm trong phần 37 phẩm trợ đạo số 26).

47. Ngũ lực: Tứ tu năm căn trên được tăng trưởng có thể lực phá trừ 5 chướng:

1) Tín lực: tín căn tăng trưởng, phá các lòng tin sai lầm mù quáng;

2) Tấn lực: tinh tấn căn tăng trưởng phá được tính lười biếng của thân tâm; 3) Niệm lực: niệm căn tăng trưởng phá được các niệm sai lầm tà vạy;

4) Định lực: định căn tăng trưởng phá được các tư tưởng loạn động;

5) Huệ lực: huệ căn tăng trưởng phá được các sự mê lầm trong 3 cõi.

48. Tạp ác: Các việc không lành của tâm tạp nhiễm gây tạo. Hai chữ tạp ác đây, ý nói, dù làm mọi việc phước thiện mà tâm tạp nhiễm tán loạn cũng gọi là tạp ác. Chỉ dứt trừ vọng tưởng đến đạo lý cứu cánh Niết Bàn mới gọi là lìa các tạp ác.

49. Vô thượng Bồ đề: Tứ trí giác tuyệt đối, cũng như chữ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có giải ở trước.

50. A Nan: Nói đủ A Nan Đà (Anada). Tàu dịch là Khánh Hỷ, ông là con chú bác với Phật Thích Ca, học rộng. nhớ nhiều là bậc đã văn thứ nhất trong hàng Thanh Văn đệ tử.

51. Kim cang: Một chất rất cứng chắc không chi phá vỡ nó được, mà nó lại hay phá vỡ các thứ cứng

52. Pháp thân: Có 3 thứ:

- 1) Pháp Hóa sanh thân, tức là thân Kim cang;
- 2) Ngũ phần pháp thân (đã giải nơi phẩm 2);
- 3) Thật tướng của các pháp, đồng hợp thành thân Phật.

53. Tư dục thân: Thân hình do tư tưởng ái dục đợi duyên hòa hiệp sanh ở trong 3 cõi.

54. Vô lậu: Không còn rơi lọt, tức từ các bậc Thánh trong hàng Thanh Văn. Bồ Tát tu hành đã dứt hết phiền não, tự tâm thanh tịnh giải thoát, không còn nghiệp chướng rơi lọt vào trong ba cõi sanh tử nữa nên gọi là vô lậu.

55. Năm món trược:

- 1) Kiếp trược: thời gian biến đổi không ngừng có đủ 4 món trược dưới đây:
- 2) Kiến trược: sự thấy biết sai lầm, tin nhận tà vạy, chính là những món “Lợi sử” vạy.
- 3) Phiền não trược: tham sân lững lẫ, si mê điên đảo v.v... chính là những món “Độn sử” vạy.
- 4) Chúng sanh trược: sanh tử, tử sanh nối luôn không dứt.
- 5) Mạng trược: thọ mạng ngắn ngủi.

56. Bản duyên: Do lai duyên sự của mình.

## IV. PHẨM BỒ TÁT (1)

### BỒ TÁT DI LẶC (2)

Lúc bấy giờ Phật bảo Bồ Tát Di Lặc:

– Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Di Lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? - Nhớ lại lúc trước con nói hạnh “bất thối chuyển” (3), cho vị Thiên Vương ở cõi trời Đâu Suất và quyến thuộc của người, lúc ấy ông Duy Ma Cật đến nói với con rằng: “Ngài Di Lặc! Thế Tôn thọ ký (4) cho Ngài một đời sẽ được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là đời nào mà Ngài được thọ ký? Đời quá khứ chăng? Đời vị lai chăng? Đời hiện tại chăng? Nếu là đời quá khứ thời quá khứ đã qua. Nếu là đời vị lai thời vị lai chưa đến. Nếu là đời hiện tại thời hiện tại không dừng (trụ). Như lời Phật nói: “Này Tỳ Kheo! Như ông ngay bây giờ cũng sanh, cũng già, cũng chết!”. Nếu dùng vô sanh (5) mà được thọ ký, thì vô sanh tức là chánh vị (6), ở trong chánh vị cũng không thọ ký, cũng không được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế nào Di Lặc được thọ ký một đời ư? Là từ “Như” sanh mà được thọ ký, hay là từ “Như” diệt mà được thọ ký? Nếu từ Như sanh mà được thọ ký, mà Như không có sanh. Nếu từ Như diệt được thọ ký, mà Như không có diệt. Tất cả chúng sanh đều Như, tất cả Pháp cũng Như, các Thánh Hiền cũng Như, cho đến Di Lặc cũng Như. Nếu Di Lặc được thọ ký, tất cả chúng sanh cũng phải được thọ ký - Vì sao? Vì Như không hai không khác. Nếu Di Lặc được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tất cả chúng sanh cũng đều được. Vì sao? - Tất cả chúng sanh chính là tướng Bồ Đề(7). Nếu

Di Lạc được diệt độ, tất cả chúng sanh cũng phải diệt độ. Vì sao?  
- Chư Phật biết tất cả chúng sanh rất ráo vắng lặng, chính là tướng Niết bàn, chẳng còn diệt nữa. Cho nên Di Lạc, chớ dùng Pháp đó dạy bảo các Thiên tử, thật không có chi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có chi thối lui. Ngài Di Lạc! Phải làm cho các vị Thiên tử này bỏ chỗ kiến chấp phân biệt Bồ Đề. Vì sao? Bồ Đề không thể dùng thân được, không thể dùng tâm được. Tịch diệt là Bồ Đề, vì diệt các tướng; chẳng nhận xét là Bồ Đề, vì ly các duyên; chẳng hiện hạnh là Bồ Đề, vì không ghi nhớ; đoạn là Bồ Đề, bỏ các kiến chấp; ly là Bồ Đề, lìa các vọng tưởng; chướng là Bồ Đề, ngăn các nguyện (8); bất nhập là Bồ Đề, không tham đắm; thuận là Bồ Đề, thuận chơn như; trụ là Bồ Đề, trụ pháp tánh; đến là Bồ Đề, đến thật tế; bất nhị (9) là Bồ Đề, ly ý pháp; bình đẳng là Bồ Đề, đồng hư không; vô vi là Bồ Đề, không sanh, trụ, diệt; tri là Bồ Đề, rõ tâm hạnh chúng sanh; không hội là Bồ Đề, các nhập không nhóm(10); không hiệp là Bồ Đề, rời tập khí phiền não; không xứ sở là Bồ Đề, không hình sắc; giả danh là Bồ Đề, danh tự vốn không; như huyễn hóa là Bồ Đề, không thủ xả; không loạn là Bồ Đề, thường tự vắng lặng; thiện tịch là Bồ Đề, tánh thanh tịnh; không thủ là Bồ Đề, rời phân duyên; không khác là Bồ Đề, các Pháp đồng đẳng; không sanh là Bồ Đề, không thể ví dụ; vi diệu là Bồ Đề, các Pháp khó biết.

– Bạch Thế Tôn? Khi ông Duy Ma Cật nói Pháp ấy, hai trăm vị Thiên tử chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bịnh ông.

## ĐỒNG TỬ QUẢNG NGHIÊM (11–12)

Phật bảo Đồng tử Quang Nghiêm:

– Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Quang Nghiêm bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn? Con không kham lãnh đến thăm bệnh ông. Vì sao? - Nhớ lại ngày trước con ở trong thành lớn Tỳ Da Ly vừa ra, lúc đó ông Duy Ma Cật mới vào thành, con liền chào và hỏi rằng: “Cư sĩ, từ đâu đến đây?”.

Ông đáp: “Tôi từ Đạo tràng (13) đến”.

Con hỏi: “Đạo tràng là gì?”.

Ông đáp Trực tâm là Đạo tràng, vì không hư dối; phát hạnh là đạo tràng, làm xong các việc; thâm tâm là đạo tràng, thêm nhiều công đức; Bồ Đề tâm là đạo tràng, vì không sai lầm; bố thí là đạo tràng, không mong phước báu; trì giới là đạo tràng, được nguyện đầy đủ; nhẫn nhục là đạo tràng, đối chúng sanh tâm không chướng ngại; tinh tấn là đạo tràng, không biếng trễ; thiền định là đạo tràng, tâm điều nhu (14); trí tuệ là đạo tràng, thấy rõ các Pháp; từ là đạo tràng, đồng với chúng sanh; bi là đạo tràng, nhẫn chịu sự khổ nhọc; hỷ là đạo tràng, ưa vui Chánh Pháp; xả là đạo tràng, trừ lòng thương ghét; thân thông là đạo tràng, thành tựu Pháp lục thông; giải thoát là đạo tràng, hay trái bỏ; phương tiện là đạo tràng, giáo hóa chúng sanh; tứ nhiếp là đạo tràng, nhiếp độ chúng sanh; đa văn(15) là đạo tràng, đúng theo chỗ nghe mà thật hành; phục tâm là đạo tràng, chánh quán (16) các Pháp; ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng, bỏ Pháp hữu vi; tứ đế là đạo tràng, chẳng dối làm thế gian; duyên khởi là đạo tràng, từ vô minh



cho đến lão, tử đều không hết; các phiền não là đạo tràng, biết là vô ngã; tất cả Pháp là đạo tràng, biết các Pháp trống không; hàng ma là đạo tràng, không lay động; tam giới là đạo tràng, không chỗ đến; sự tử rống là đạo tràng, không sợ sệt; thập lực, vô úy, bất cộng pháp là đạo tràng, không các lỗi; tam minh là đạo tràng, không còn ngại; một niệm biết tất cả Pháp là đạo tràng, thành tựu nhưt thiết chủng trí (17). Như vậy Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát đúng theo các Pháp ba la mật mà giáo hóa chúng sanh, thời bao nhiêu việc làm, hoặc nhưt cử nhưt động, phải biết đều là từ nơi đạo tràng mà ra, ở nơi Phật Pháp vậy”.

Khi ông Duy Ma Cật nói Pháp ấy, năm trăm vị Thiên nhưn đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bịnh ông.

## BỒ TÁT TRÌ THẾ (18)

Phật bảo Bồ Tát Trì Thế:

– Ông đi đến thăm bịnh ông Duy Ma Cật.

Bồ Tát Trì Thế bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn? Con không kham lãnh đến thăm bịnh ông. Vì sao? - Nhớ lại lúc trước, con ở nơi tịnh thất, bấy giờ ma Ba Tuần (19) đem một muôn hai nghìn Thiên nữ giống như trời Đế Thích, trỗi nhạc đờn ca đi đến chỗ con ở, Ma cùng với quyến thuộc cúi đầu làm lễ dưới chân con, chấp tay cung kính đứng sang một bên. Trong ý con cho là trời Đế Thích nên bảo rằng: “Lành thay, mới đến Kiều Thi Ca (20)? Dù là có phước chớ nên buông lung.

Ông nên quán ngũ dục là vô thường để cầu cội lành, ở nơi thân mạng, tài sản mà tu pháp bền chắc (21)”.

Ma vương nói với con: “Thưa Chánh sĩ (22)! Xin Ngài nhận một muôn hai nghìn Thiên nữ này để dùng hầu hạ quét tước”. Con nói rằng: “Này Kiều Thi Ca! Ông đừng cho vật phi pháp này, tôi là kẻ Sa môn Thích tử, việc ấy không phải việc của tôi”. Nói chưa dứt lời, bỗng ông Duy Ma Cật đến nói với con: “Đây chẳng phải là Đế Thích, mà là Ma đến khuấy nhiễu ông đấy!”. Ông lại bảo Ma rằng: “Các vị Thiên nữ này nên đem cho ta, như ta đây mới nên thọ”. Ma sợ hãi nghĩ rằng: “Có lẽ ông Duy Ma Cật đến khuấy rối ta chăng?”. Ma muốn ẩn hình mà không thể ẩn, rần hết thần lực, cũng không đi được. Liền nghe giữa hư không có tiếng rằng: “Này Ba Tuần! Hãy đem Thiên nữ cho ông Duy Ma Cật thì mới đi được”. Ma vì sợ hãi, nên miễn cưỡng cho.

Khi ấy ông Duy Ma Cật bảo các Thiên nữ rằng:

– Ma đã đem các người cho ta rồi, nay các người đều phải phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Rồi ông theo căn cơ của Thiên nữ mà nói pháp để cho phát ý đạo, và bảo rằng “Các người đã phát ý đạo, có Pháp vui để tự vui chớ nên vui theo ngũ dục (23) nữa”.

Thiên nữ hỏi: “Thế nào là Pháp vui?”.

Đáp: “Vui thường tin Phật; vui muốn nghe pháp; vui cúng dường tăng; vui lìa ngũ dục; vui quán ngũ ấm như oán tặc; vui quán thân tứ đại như rắn độc; vui quán nội nhập (sáu căn) như không; vui giữ gìn đạo ý; vui lợi ích chúng sanh; vui cung kính cúng dường bậc sư trưởng; vui nhẫn nhục nhu hòa; vui siêng nhóm căn lành, vui thiền định chẳng loạn; vui rời cấu nhiễm đặng trí tuệ sáng

suốt; vui mở rộng tâm Bồ Đề; vui hàng phục các Ma; vui đoạn phiền não; vui thanh tịnh cõi nước Phật; vui thành tựu các tướng tốt mà tu các công đức; vui trang nghiêm đạo tràng; vui nghe pháp thâm diệu mà không sợ; vui ba môn giải thoát mà không vui phi thời (24); vui gần bạn đồng học; vui ở chung với người không phải đồng học mà lòng không chướng ngại, vui giúp đỡ ác tri thức; vui gần thiện tri thức; vui tâm hoan hỷ thanh tịnh; vui tu vô lượng Pháp đạo phẩm. Đó là Pháp vui của Bồ Tát”.

Khi ấy ma Ba Tuần bảo các Thiên nữ rằng: “Ta muốn cùng các người đồng trở về Thiên cung”.

Các Thiên nữ đáp: “Ông đã đem chúng tôi cho cư sĩ, chúng tôi có pháp vui, chúng tôi vui lắm, không còn muốn vui theo ngũ dục nữa”.

Ma liền thưa với ông Duy Ma Cật rằng: “Xin Ngài nên xả các Thiên nữ này; người đem tất cả vật của mình để bố thí cho kẻ khác, đó mới là Bồ Tát”.

Ông Duy Ma Cật nói: “Ta đã xả rồi, người hãy đem đi để cho tất cả các người được pháp nguyện đầy đủ”.

Lúc ấy các Thiên nữ hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

– Chúng tôi làm thế nào ở nơi cung ma?

Ông Duy Ma Cật đáp: “Này các chị, có Pháp môn tên là “Vô tận đăng”, các chị nên học. Vô tận đăng là ví như một ngọn đèn mỗi đốt trăm ngàn ngọn đèn, chỗ tối đều sáng, sáng mãi không cùng tận. Như thế đó các chị? Vả lại một vị Bồ Tát mở mang dẫn dắt trăm nghìn chúng sanh phát tâm Bồ Đề, đạo tâm của mình cũng chẳng bị tiêu mất, tùy nói Pháp gì đều thêm lợi ích cho các Pháp

lành, đó gọi là “Vô tận đấng”. Các chị dầu ở cung ma mà dùng Pháp môn “Vô Tận Đấng” này làm cho vô số Thiên nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng, Chánh Giác, đó là báo ơn Phật, cũng là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh”.

Bấy giờ các Thiên nữ cúi đầu đảnh lễ dưới chân ông Duy Ma Cật rồi theo ma Ba Tuần trở về Thiên cung, bỗng nhiên biến mất không còn thấy nữa.

- Bạch Thế Tôn! Ông Duy Ma Cật có thần lực tự tại và trí tuệ biện tài như thế, nên con không kham lãnh đến thăm bịnh ông.

## TRƯỞNG GIẢ TỬ THIỆN ĐỨC

Phật bảo Trưởng giả tử Thiện Đức:

– Ông đi đến thăm bịnh ông Duy Ma Cật.

Thiện Đức bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn? Con không kham lãnh đến thăm bịnh ông. Vì sao? Nhớ lại thuở trước, con lập ra hội đại thí ở nhà cha con, hạn trong bảy ngày để cúng dường cho tất cả vị Sa môn, Bà la môn, cùng hàng ngoại đạo, kẻ nghèo khó, hèn hạ, cô độc và kẻ ăn xin. Bấy giờ ông Duy Ma Cật đến trong hội nói với con rằng: “Này Trưởng giả tử! Vả chẳng hội đại thí không phải như hội của ông lập ra đâu, phải làm hội Pháp thí(26) chớ lập ra hội đại thí này làm gì?.

Con nói: “Thưa Cư sĩ! Sao gọi là hội Pháp thí”.

Ông đáp: “Hội Pháp thí là đồng thời cúng dường tất cả chúng sanh, không trước không sau đó là hội Pháp thí”.

Con hỏi: “Thế là nghĩa gì?”.

Cư sĩ đáp: “Nghĩa là vì đạo Bồ Đề, khởi từ tâm; vì cứu chúng sanh, khởi tâm đại bi; vì muốn giữ gìn chánh pháp, khởi tâm hoan hỷ; vì nhiếp trí tuệ, làm theo tâm xả; vì nhiếp tâm tham luyến, khởi bố thí ba la mật, vì độ kẻ phạm giới khởi trì giới ba la mật, vì không ngã (27) pháp (28), khởi nhẫn nhục ba la mật; vì rời tướng thân tâm, khởi tinh tấn ba la mật; vì tướng Bồ Đề, khởi thiền định ba la mật; vì nhứt thiết trí, khởi trí tuệ ba la mật; vì giáo hóa chúng sanh mà khởi ra “Không”; chẳng bỏ Pháp hữu vi mà khởi “Vô tướng”; thị hiện thọ sanh mà khởi “vô tác”; hộ trì Chánh Pháp, khởi sức phương tiện; vì độ chúng sanh, khởi pháp tứ nhiếp; vì kính thờ tất cả, khởi pháp trừ khinh mạn; đối thân, mạng và tài sản, khởi ba pháp bền chắc; trong pháp lục niệm(29) khởi ra pháp nhớ tưởng; ở sáu pháp hòa kính (30), khởi tâm chất trực; chơn chánh thật hành thiện pháp, khởi sự sống trong sạch; vì tâm thanh tịnh hoan hỷ, khởi gần bậc Thánh hiền; vì chẳng ghét người dữ, khởi tâm điều phục; vì pháp xuất gia, khởi thâm tâm; vì đúng theo chỗ nói mà làm khởi đa văn; vì Pháp vô tránh, khởi ở chỗ yên lặng; vì đi tới Phật huệ, khởi ra ngòi yên lặng (tọa thiền); vì mở ràng buộc cho chúng sanh, khởi tâm tu hành; vì đầy đủ tướng tốt và thanh tịnh cõi Phật, khởi sự nghiệp phước đức; vì muốn biết tâm niệm tất cả chúng sanh đúng chỗ nên nói pháp, khởi ra nghiệp trí; vì biết tất cả pháp không lấy không bỏ, vào môn nhứt tướng(31), khởi ra nghiệp huệ; vì đoạn tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả bất thiện, khởi làm tất cả pháp trợ Phật đạo. Như vậy Thiện nam tử? Đó là hội pháp thí. Nếu Bồ Tát

trụ nơi hội pháp thí đó, là vị đại thí chủ, cũng là phước điền cho tất cả thế gian”.

- Bạch Thế Tôn? Khi ông Duy Ma Cật nói pháp ấy, trong chúng Bà la môn hai trăm người đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc đó tâm con đặng thanh tịnh, ngợi khen chưa từng có, cúi đầu đảnh lễ dưới chơn ông Duy Ma Cật. Con liền mở chuỗi Anh lạc giá đáng trăm nghìn lượng vàng dâng lên, ông không chịu lấy. Con nói: “Thưa Cư sĩ! Xin Ngài hãy nạp thọ, tùy ý Ngài cho”. Ông Duy Ma Cật liền lấy chuỗi Anh lạc chia làm hai phần, một phần đem cho người ăn xin hèn hạ nhứt trong hội, còn một phần đem dâng cho đức Nan Thắng Như Lai. Tất cả chúng trong hội đều thấy cõi nước Quang Minh và đức Nan Thắng Như Lai, lại thấy chuỗi Anh lạc ở trên đức Phật kia biến thành bốn trụ đài quý báu, bốn mặt đều trang nghiêm rực rỡ không ngăn che nhau.

Khi ấy, ông Duy Ma Cật hiện thần biến xong, lại nói rằng: “Nếu người thí chủ dùng tâm bình đẳng thí cho một người ăn xin rất hèn hạ xem cũng như tướng phước điền của Như Lai, không phân biệt, lòng đại bi bình đẳng, không cầu quả báo, đó gọi là đầy đủ pháp thí vậy”.

Trong thành những người ăn xin hèn hạ bực nhứt thấy thần lực như vậy và nghe lời nói kia, đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế, nên con không kham lãnh đến thăm bịnh ông Duy Ma Cật.

Như thế, các Bồ Tát đều tuần tự đến trước Phật trình bày chỗ bồn duyên của mình, vị nào cũng khen ngợi, thuật lại những lời

ông Duy Ma Cật và đều nói “Không kham lãnh đến thăm bịnh ông”.

## Chú thích của phẩm IV

1. Bồ tát: Nói đủ là Bồ Đề Tát Đỏa [Bodhisatra] Tàu dịch là Giác hữu tình, nghĩa là tự mình đã giác ngộ, lại hay giác ngộ cho chúng sanh.

Bồ Tát có 3 bậc: A) Những người mới phát tâm tu hành cầu pháp Đại thừa, tu hạnh Bồ Tát, là Bồ Tát mới phát tâm. B) Những người học đạo Đại thừa đã lâu đời, chứng đặng bậc Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hượng cho đến Thập Địa là bậc Bồ Tát tu lâu. C) Bồ Tát chứng bậc Đẳng giác (kề Phật gọi là Bồ xứ Bồ Tát).

2. Di Lặc: (Maitreya) Tàu dịch là Từ Thị, là họ, tên là A Dật Đa. Ngài tu hạnh từ tâm không ai sánh bằng, sau sẽ ra đời nối Đức Phật Thích Ca mà thuyết pháp độ sanh gọi là Bồ xứ Bồ Tát.

3. Bất thối chuyển: Theo Đại thừa pháp tướng có 3 bậc: 1) Vị bất thối: Từ khi phát tâm tin chắc lý Đại thừa, trải muôn kiếp tu nhơn vào bậc Thập trụ rồi không còn thối đọa trong đường sanh tử nữa. 2) Hạnh bất thối: Đã vào bậc Sơ Địa, nơi hạnh lợi tha không còn lui sụt. 3) Niệm bất thối: từ bậc Bát địa nhĩn lên đặng Diệu trí vô công dụng, mỗi niệm mỗi niệm thẳng vào biển quả chơn như, không còn một niệm nào thối chuyển.

4. Thọ ký: Đức Phật đối với chúng sanh phát tâm Đại thừa trao cho lời ký về sau ở nơi kiếp nào, sẽ thành Phật hiệu là gì, cõi nước tên chi và trụ thế bao lâu, độ sanh bao nhiêu.

5. Vô sanh: Chơn lý Niết bàn không sanh không diệt.

6. Chánh vị: Tức thật tướng thường trú Niết bàn của Tiểu thừa cũng gọi là chánh vị; chính là quả vị để tu chứng.



7. Bồ đề tướng: Cái tướng không tướng là tướng Bồ Đề
8. Chương nguyện: Chơn như đạo lý không có sự mong muốn nên ngăn tất cả sự nguyện cầu.
9. Bất nhị: Không hai; Ý và Pháp là hai mà Bồ đề là vô tâm ý thì còn có pháp gì nữa, nên nói là không hai.
10. Các nhập không nhóm: 6 nhập trong và ngoài, tức 6 căn và 6 trần xung nhập nhau. Tự tánh nó vốn không, nên nói là không nhóm.
11. Quang nghiêm: Là dùng trí tuệ quang minh và phước đức quang minh trang nghiêm Pháp thân thanh tịnh, gọi là Quang nghiêm.
12. Đồng tử: Chẳng luận là tuổi trẻ mới gọi là Đồng tử, mà những vị tu hành từ nhỏ tới già trọn không phạm dâm dục, không mất hạnh thanh tịnh đều được gọi là Đồng tử.
13. Đạo tràng: Là chỗ của đức Phật thành đạo như: tòa Kim Cang; hoặc chỗ cúng dường đức Phật, chỗ tu tập ngồi thiền, nơi chùa chiền cho đến những hạnh Pháp tu hành đặc đạo như trực tâm, thâm tâm v.v... cũng gọi là Đạo tràng.
14. Điều nhu: Đối trị phiền não làm cho mềm đi.
15. Đa văn: Rộng nghe Phật pháp, y theo chỗ nghe mà thật hành gọi là Đa văn.
16. Chánh quán: Quán hiệp đúng như lời kinh Phật dạy là chánh quán, nếu quán khác là tà quán.
17. Nhứt thiết chủng trí: Trí của Phật biết rõ tất cả đúng như thật.

18. Trì Thế Bồ Tát: Là vị Bồ Tát giữ gìn Phật pháp, đem giáo hóa chúng sanh trong đời.

19. Ba tuần: Tàu dịch là: Ác giả, sát giả tên thứ Ác ma có ác ý, làm các việc ác, thường muốn làm đứt mất huệ mạng của người tu hành.

20. Kiền Thi Ca: Là họ của trời Đế Thích, tên là Thích Đề Hoàn Nhơn.

21. Tu pháp bền chắc: Có 3 pháp bền chắc là ở nơi thân mạng và của cải đều quên bỏ, mà tu hành theo chánh đạo, sẽ được cái thân bất hoại, mạng vô cùng, của vô tận, dù cho trái đất cháy tan, kiếp số có cùng tận, mà 3 món ấy đều không tận, nên nói là bền chắc.

22. Chánh sĩ: Tiếng Phạn là Bồ Tát, dịch là Chánh Sĩ, nghĩa là bậc cầu chánh đạo tu hạnh Đại thừa.

23. Ngũ dục: Năm món làm khởi tâm ham muốn của người: 1) Sắc, 2) Thinh, 3) Hương, 4) Vị, 5) Xúc. Lại có chỗ nói: 1) Cửa cải, 2) Sắc đẹp, 3) Uống ăn, 4) Danh dự, 5) Ngủ nghỉ.

24. Vui ba môn giải thoát, không vui phi thời: Ba môn 1) Không, 2) Vô tướng, 3) Vô tác. Ba thừa đều noi theo tu tập gọi là môn, cởi mở sự ràng buộc gọi là giải thoát. Tu hành chưa đến chỗ cùng tột, giữa chừng muốn thủ chứng như hàng Nhị thừa, đó là Phi Thời. Hàng Bồ Tát không muốn như thế nên nói là không vui phi thời.

25. Trưởng giả tử Thiện Đức: Là vị trưởng giả có căn lành đầy đủ, cội đức trồng sâu nên xưng là Thiện Đức.

26. Pháp thí: Thí có 3 cách: 1) Tài thí: là dùng của cải bố thí cho người; 2) Tâm thí: dùng tâm từ, tâm bình đẳng ban sự vui cho người. 3) Pháp thí: nói pháp độ người làm những việc lợi ích chúng sanh hiện tại và vị lai.

27. Ngã: Phần tác động chủ thể.

28. Pháp: Phần thể chất, hình tượng, nghĩa lý, vũ trụ.

29. Lục niệm:

- 1) Niệm Phật: tưởng niệm đấng thực hiện sự thực;
- 2) Niệm Pháp: tưởng niệm sự thực;
- 3) Niệm Tăng: tưởng niệm người thực hành sự thực;
- 4) Niệm Giới: tưởng niệm công đức giới pháp và sự giữ giới;
- 5) Niệm thí: tưởng niệm sự bố thí;
- 6) Niệm thiên: tưởng niệm sanh về cõi chư Thiên. Thiên có ba:
  - 1) Tam giới thiên: cõi Dục, Sắc và Vô Sắc;
  - 2) Tịnh thiên: cảnh giới của Nhị thừa sanh về.
  - 3) Đệ nhất nghĩa thiên: cảnh giới của Bồ Tát sanh về.

30. Sáu pháp hòa kính: 1) Thân hòa kính: Thân nghiệp đồng cung kính nhau. 2) Khẩu hòa kính: Khẩu nghiệp đồng ngợi khen khuyên nhủ nhau. 3) Ý hòa kính: Tâm ý đồng tín mến nhau. 4) Giới hòa kính: Đồng giữ một giới pháp. 5) Kiến hòa kính: Chỗ hiểu biết đồng giải bày cho nhau. 6) Lợi hòa kính: Đồng chia các món cúng dường.

31. Nhứt tướng: Thể tánh chơn thật bình đẳng, không có tướng sai khác, nên gọi là Nhứt tướng.

## V. PHẪM VĂN THÙ SỰ LỢI (1)... ( Thăm bệnh )

Lúc bấy giờ, Phật bảo Văn Thù Sự Lợi:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy Ma Cật.

Văn Thù Sự Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn? Bực Thượng nhưn kia khó bề đối đáp, vì ông ấy rất thâm đạt thật tướng, khéo nói pháp màu, trí tuệ vô ngại, biện tài thông suốt, rõ thấu phương pháp tu trì của tất cả Bồ Tát, thâm nhập kho tạng bí mật của Chư Phật, hàng phục các ma, thần thông tự tại và trí tuệ phương tiện đều đặn rất ráo. Tuy thế, con xin vưng thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh ông.

Lúc ấy, trong Đại chúng các hàng Bồ Tát và hàng Đại đệ tử, Đệ Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương đều nghĩ rằng: “Hôm nay hai vị đại sĩ: Văn Thù Sự Lợi và Duy Ma Cật cùng nhau đàm luận tất nói pháp màu”. Tức thời, tám nghìn Bồ Tát, năm trăm Thanh Văn và trăm nghìn Thiên nhưn đều muốn đi theo.

Bấy giờ, Văn Thù Sự Lợi cùng các Bồ Tát, Đại đệ tử và các hàng Thiên nhưn cung kính đoanh vây đi vào đại thành Tỳ Da Ly.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy Ma Cật thăm nghĩ: “Nay đây Ngài Văn Thù Sự Lợi cùng đại chúng đồng đến viếng thăm”. Ông liền dùng sức thần thông làm cho trong nhà trống rỗng, không có vật chi và cũng không có người thị giả nào, chỉ để một chiếc giường cho ông nằm bệnh.

Ngài Văn Thù Sự Lợi vào nhà ông Duy Ma Cật rồi, thấy trong nhà trống rỗng không có vật chi, chỉ có một mình ông nằm trên giường mà thôi. Khi ấy ông Duy Ma Cật chào rằng:

- Quý hóa thay! Ngài Văn Thù Sư Lợi mới đến! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói:

- Phải đấy, Cư sĩ! Nếu đã đến tức là không đến, nếu đã đi tức là không đi. Vì sao? - Đến không từ đâu đến, đi không đến nơi đâu, hễ có thấy tức là không thấy. Thôi việc ấy hãy để đó. - Cư sĩ bệnh có chịu nổi được không? Điều trị có bớt không? Bệnh không đến nỗi tăng ư? Thế Tôn ân cần hỏi thăm chi tiết. Bệnh Cư sĩ như thế nào mà sanh, sanh đã bao lâu phải thế nào mới mạnh được?

Ông Duy Ma Cật đáp:

- Từ nơi si mà có ái, bệnh tôi sanh. Vì tất cả chúng sanh bệnh, nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh không bệnh, thì bệnh tôi lành. Vì sao? - Bồ Tát vì chúng sanh mà vào đường sanh tử, hễ có sanh tử thời có bệnh, nếu chúng sanh khỏi bệnh thì Bồ Tát không có bệnh. Ví như ông Trưởng giả chỉ có một người con, hễ người con bệnh, thì cha mẹ cũng bệnh, nếu bệnh của con lành, cha mẹ cũng mạnh. Bồ Tát cũng thế? Đối với tất cả chúng sanh, thương mến như con, nên chúng sanh bệnh, Bồ Tát cũng bệnh, chúng sanh lành, Bồ Tát cũng lành - Ngài lại hỏi bệnh ấy như thế nào mà sanh? - Bồ Tát có bệnh là do lòng đại bi.

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Cư sĩ? Nhà này vì sao trống không và không có thị giả?

Ông Duy Ma Cật đáp:

- Cõi nước của chư Phật cũng đều không.

- Lấy gì làm không?

- Lấy không làm không.
- Đã không, cần gì phải không?
- Vì không phân biệt, nên không.
- Không, có thể phân biệt được ư?
- Phân biệt cũng không.
- Không, phải tìm nơi đâu?
- Phải tìm trong sáu mươi hai món kiến chấp (2).
- Sáu mươi hai món kiến chấp phải tìm nơi đâu?
- Phải tìm trong các pháp giải thoát của chư Phật.
- Pháp giải thoát của chư Phật phải tìm nơi đâu?
- Phải tìm nơi tâm hạnh của tất cả chúng sanh (3).
- Ngài lại hỏi vì sao không thị giả?
- Tất cả chúng ma và các ngoại đạo đều là thị giả của tôi. Vì sao? Vì các ma ưa sanh tử, mà Bồ Tát ở nơi sanh tử không bỏ. Còn ngoại đạo ưa các kiến chấp, mà Bồ Tát ở nơi các kiến chấp không động.

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Bệnh của Cư sĩ tướng trạng thế nào?

Ông Duy Ma Cật đáp:

- Bệnh của tôi không hình, không tướng, không thể thấy được.
- Bệnh ấy hiệp với thân hay hiệp với tâm?

- Không phải hiệp với thân, vì thân tướng vốn lìa; cũng không phải hiệp với tâm, vì tâm như huyễn.

- Địa đại, thủy đại, phong đại, hỏa đại, trong bốn đại bệnh về đại nào?

- Bệnh ấy không phải địa đại, cũng không lìa địa đại; thủy, hỏa, phong đại cũng như thế. Nhưng bệnh của chúng sanh là từ nơi tứ đại mà khởi, vì chúng sanh bệnh nên tôi có bệnh.

Khi ấy Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật:

- Phạm Bồ Tát an ủi Bồ Tát có bệnh như thế nào?

Ông Duy Ma Cật đáp:

- Nói thân vô thường, không nói nhàm chán thân. Nói thân có khổ, không nói ưa thích Niết bàn. Nói thân vô ngã mà khuyên dạy dắt dìu chúng sanh. Nói thân không tịch, không nói là rốt ráo tịch diệt. Nói ăn năn tội trước, không nói vào nơi quá khứ (4). Lấy bệnh mình mà thương bệnh người. Phải biết cái khổ vô số kiếp trước, phải nghĩ sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, nhớ đến việc làm phước, tưởng đến sự sống trong sạch, chớ nên sanh tâm buồn rầu, phải thường khởi lòng tinh tấn, nguyện sẽ làm vị y vương điều trị tất cả bệnh chúng sanh. Bồ Tát phải an ủi Bồ Tát có bệnh như thế để cho được hoan hỷ.

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Cư sĩ! Bồ Tát có bệnh phải điều phục tâm mình như thế nào?

Ông Duy Ma Cật đáp:

- Bồ Tát có bệnh phải nghĩ thế này: ta nay bệnh đây đều từ các món phiền não, điên đảo vọng tưởng đời trước sanh ra, là pháp không thật có, lấy ai chịu bệnh đó. Vì sao? Vì tứ đại hòa hợp giả gọi là thân, mà tứ đại không chủ, thân cũng không ngã. Lại nữa, bệnh này khởi ra đều do chấp ngã (5), vì thế ở nơi ngã không nên sanh lòng chấp đắm. Đã biết gốc bệnh, trừ ngay ngã tưởng (6) và chúng sanh tưởng (7), phải khởi pháp tưởng (8). Nên nghĩ rằng: “Thân này chỉ do các pháp hiệp thành, khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt. Lại các pháp ấy đều không biết nhau, khi khởi không nói nó khởi, khi diệt không nói nó diệt.” Bồ Tát có bệnh muốn trừ diệt pháp tưởng phải nghĩ rằng: “Pháp tưởng này cũng là điên đảo, điên đảo tức là bệnh lớn, ta nên xa lìa nó” – Thế nào là xa lìa? Lìa ngã và ngã sở – Thế nào là lìa ngã và ngã sở? Là lìa hai pháp – Thế nào là lìa hai pháp? Là không nghĩ các pháp trong, ngoài (9), mà thật hành theo bình đẳng – Sao gọi bình đẳng? Là ngã bình đẳng, Niết bàn bình đẳng. Vì sao? Ngã và Niết bàn hai pháp này đều không – Do đâu mà không? Vì do vắng nên không. Như thế, hai pháp không có tánh quyết định. Nếu đặng nghĩa bình đẳng đó, thì không có bệnh chi khác, chỉ còn có bệnh Không, mà bệnh Không cũng không nữa. Vì Bồ Tát có bệnh dùng tâm không thọ mà thọ các món thọ, nếu chưa đầy đủ Phật pháp cũng không diệt thọ mà thủ chứng (10), (như Nhị thừa). Dù thân có khổ, nên nghĩ đến chúng sanh trong ác thú mà khởi tâm đại bi. Ta đã điều phục được tâm ta, cũng nên điều phục cho tất cả chúng sanh. Chỉ trừ bệnh (chấp) mà không trừ pháp, dạy cho dứt trừ gốc bệnh – Sao gọi là gốc bệnh? Nghĩa là có phan duyên, do có phan duyên mà thành gốc bệnh. Phan duyên nơi đâu? Ở trong ba cõi – Làm thế nào đoạn phan duyên? Dùng vô sở đắc; nếu vô sở đắc thì không có phan duyên – Sao gọi là vô sở đắc?



Nghĩa là ly hai món chấp – Sao gọi là hai món chấp? Nghĩa là chấp trong và chấp ngoài (11); ly cả hai đó là vô sở đắc – Ngài Văn Thù Sư Lợi! Đó là Bồ Tát có bệnh, điều phục tâm mình để đoạn các khổ: già, bệnh, chết là Bồ Đề của Bồ Tát. Nếu không như thế chỗ tu hành của mình không được trí tuệ thiện lợi. Ví như người chiến thắng kẻ oán tặc mới là dũng, còn vị nào trừ cả già, bệnh, chết như thế mới gọi là Bồ Tát – Bồ Tát có bệnh nên nghĩ thêm thế này: “Như bệnh của ta đây, không phải là thật, không phải có; bệnh của chúng sanh cũng không phải thật, không phải có”. Khi quán sát như thế, đối với chúng sanh nếu có khởi lòng đại bi ái kiến (12) thì phải bỏ ngay. Vì sao? –Bồ Tát phải trừ dứt khách trần phiền não (13) mà khởi đại bi, chớ đại bi ái kiến đối với sanh tử có tâm nhàm chán, nếu lìa được ái kiến thì không có tâm nhàm chán, sanh ra nơi nào không bị ái kiến che đậy, không còn bị sự ràng buộc, lại nói pháp cởi mở sự ràng buộc cho chúng sanh nữa. Như Phật nói: “Nếu mình trói mà mở trói cho người khác, không thể được; nếu mình không bị trói mới mở trói cho người khác được”. Vì thế, Bồ Tát không nên khởi những sự ràng buộc – Sao gọi là ràng buộc? Sao gọi là giải thoát? Tham đắm nơi thiên vị là Bồ Tát bị ràng buộc. Dùng phương tiện thọ sanh là Bồ Tát được giải thoát. Lại không có phương tiện huệ thì buộc, có phương tiện huệ thì giải, không huệ phương tiện thì buộc, có huệ phương tiện thì giải. Sao gọi không có phương tiện thì buộc? Bồ Tát dùng ái kiến trang nghiêm Phật độ, thành tựu chúng sanh, ở trong pháp “không, vô tướng, vô tác” mà điều phục lấy mình, đó là không có phương tiện huệ thì buộc – Sao gọi có phương tiện huệ thì giải? Bồ Tát không dùng ái kiến trang nghiêm Phật độ, thành tựu chúng sanh, ở trong pháp “không, vô tướng, vô tác”, điều phục lấy mình, không nhàm chán mỗi một, đó là có phương

tiện huệ thì giải – Sao gọi là không có huệ phương tiện thì buộc? Bồ Tát trụ nơi các món phiền não, tham dục, sân hận, tà kiến v.v... mà trồng các cội công đức, đó là không có huệ phương tiện thì buộc – Sao gọi có huệ phương tiện thì giải? Là xa lìa các thứ phiền não, tham dục, sân hận, tà kiến v.v... mà vun trồng các cội công đức, hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là có huệ phương tiện thì giải – Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát có bệnh đấy phải quán sát các pháp như thế (quán phi chơn, phi hữu...). Lại nữa, quán thân vô thường, khổ, không, vô ngã, đó là “huệ”. Dù thân có bệnh vẫn ở trong sanh tử làm lợi ích chúng sanh không nhàm mỗi, đó là “phương tiện”. Lại nữa quán thân: thân không rời bệnh, bệnh chẳng rời thân, bệnh này, thân này, không phải mới, không phải cũ, đó là “huệ”. Dù thân có bệnh mà không nhàm chán trọn diệt độ, đó là “phương tiện”.

- Ngài Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát có bệnh nên điều phục tâm mình như thế, mà không trụ trong đó, cũng không trụ nơi tâm không điều phục. Vì sao? Nếu trụ nơi tâm không điều phục là pháp của phàm phu, nếu trụ nơi tâm điều phục là pháp của Thanh Văn, cho nên Bồ Tát không nên trụ nơi tâm điều phục hay không điều phục, lìa hai pháp ấy là hạnh Bồ Tát. Ở trong sanh tử mà không bị nhiễm ô, ở nơi Niết bàn mà không diệt độ hẳn là hạnh Bồ Tát. Không phải hạnh phàm phu, không phải hạnh Hiền thánh là hạnh Bồ Tát. Không phải hạnh nhơ, không phải hạnh sạch là hạnh Bồ Tát. Tuy vượt khỏi hạnh ma mà hiện các việc hàng phục ma là hạnh Bồ Tát. Cầu nhứt thiết trí, không cầu sái thời (14) là hạnh Bồ Tát. Dù quán các pháp không sanh mà không vào chánh vị (chơn như) là hạnh Bồ Tát. Quán mười hai duyên khởi(15) mà vào các tà kiến là hạnh Bồ Tát. Nhiếp độ tất cả chúng sanh mà không mê đắm chấp trước là hạnh Bồ Tát. Ưa xa lìa mà không

nương theo sự dứt đoạn thân tâm là hạnh Bồ Tát. Tuy ở trong ba cõi mà không hoại pháp tánh là hạnh Bồ Tát. Tuy quán “không” mà gieo trồng các cõi công đức là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành vô tướng mà cứu độ chúng sanh là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành vô tác mà quyền hiện thọ thân là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành vô khởi (16) mà khởi tất cả hạnh lành là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành sáu pháp ba la mật (17) mà biết khắp các tâm, tâm sở của chúng sanh là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành sáu pháp thần thông mà không dứt hết lậu hoặc(18) (phiền não) là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành bốn tâm vô lượng mà không tham đắm sanh về cõi Phạm Thế (Phạm thiên) là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành thiền định, giải thoát, tam muội, mà không theo thiền định thọ sanh là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành bốn pháp niệm xứ mà không hoàn toàn lìa hẳn thân, thọ, tâm, pháp là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành bốn pháp chánh cần mà không rời thân tâm tinh tấn là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành bốn pháp như ý túc mà đặng thần thông tự tại là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành năm căn mà phân biệt rành rẽ các căn lợi độn của chúng sanh là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành năm lực mà ưa cầu thập lực của Phật là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành bảy pháp giác chi mà phân biệt rõ rệt trí tuệ của Phật là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành tám pháp chánh đạo mà ưa tu vô lượng Phật đạo là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành các pháp chỉ quán trợ đạo mà trọn không thiên hẳn nơi tịch diệt (Niết bàn) là hạnh Bồ Tát. Dù thật hành các pháp bất sanh bất diệt, mà dùng tướng hảo trang nghiêm thân mình là hạnh Bồ Tát. Dù hiện oai nghi theo Thanh Văn, Duyên Giác mà không rời Phật pháp là hạnh Bồ Tát. Dù tùy theo tướng hoàn toàn thanh tịnh của các pháp mà tùy theo chỗ sở ứng hiện thân là hạnh Bồ Tát. Dù quán sát cõi nước của chư Phật trọn vắng lặng như hư không mà hiện ra rất nhiều cõi Phật thanh tịnh là hạnh Bồ Tát. Dù chứng đặng

quả Phật, chuyển Pháp luân, nhập Niết bàn mà không bỏ đạo Bồ Tát là hạnh Bồ Tát vậy.

Khi ông Duy Ma Cật nói những lời ấy rồi, cả đại chúng đi theo ngài Văn Thù Sư Lợi, trong đó tám nghìn vị Thiên tử đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

## Chú thích của phẩm V

1. Văn Thù Sư Lợi: (Manjusri) Tà dịch là Diệu Đức, nghĩa là đầy đủ ba đức lớn: 1) Tín, 2) Hạnh, 3) Trí. Ngài chứng đặng thật trí, liễu ngộ Phật tánh, thông đạt chỗ huyền bí của các pháp, nên đứng đầu trong hàng môn sanh của Phật.
2. 62 món kiến chấp: Đã giải ở phẩm III số 43.
3. Tìm nơi tâm hạnh của chúng sanh: Ý nói giải thoát triền phược đồng một chơn tánh, nên không phải ngoài vọng có chơn, ngoài phàm phu triền phược mà có chư Phật giải thoát.
4. Vào nơi quá khứ: Ý nói an ủi vị Bồ Tát có bệnh ăn năn lỗi trước, nhưng không nói lỗi ấy có thật tánh thường còn đi vào nơi quá khứ, vì muốn phá trừ các tướng chấp thường kia.
5. Chấp ngã: Quan niệm thân tâm là thật.
6. Ngã tưởng: vọng tưởng so đo suy nghĩ cho thân tâm có cái chủ thể thường còn chơn thật.
7. Chúng sanh tưởng: vọng tưởng cố chấp cho chúng sanh là thực có.
8. Pháp tưởng: Tưởng niệm các pháp do nhơn duyên hợp thành, không tự chủ, không thật có.
9. Pháp trong và ngoài: Là căn, trần, hay tâm, cảnh.
10. Diệt thọ thủ chứng: Nhập diệt tận định, dứt hết các tâm niệm tư tưởng xúc, thọ để chứng lấy cảnh Niết bàn an vui. Tức lối cầu chứng của hàng Nhị thừa, vì thấy cảnh vật phiền tạp, chúng sanh

vô số điên đảo khó bề giáo hóa chuyển đổi được, nên lánh vào cảnh giới an lặng riêng vui.

11. Chấp trong và chấp ngoài: Trong là vọng tưởng, ngoài là các pháp. Cả hai đều là hư vọng giả dối, nên trọn không chỗ đứng.

12. Đại bi ái kiến: Là thấy có chúng sanh khổ sanh tâm ái trước, mà khởi lòng đại bi ra sức tế độ. Đó là các hàng Bồ Tát quyền thừa chưa dứt trừ phiền não, còn mê sự mê lý, mà vận lòng từ bi ra cứu độ chúng sanh nên còn chấp tướng người bị độ, mình hay độ, thường sanh ra tư tưởng nhàm chán mỗi một.

13. Khách trần phiền não: Phiền não tánh cách nó không chơn thật thường hằng, khi khởi khi diệt, cũng như người khách thường qua lại đó đây, không phải thường an trú như chủ gia; lại nó như bụi trần thường xao động luôn, không đứng lặng như hư không, gọi là khách trần phiền não.

14. Không cầu sai thời: Chưa được nhưt thiết trí mà cầu chứng bản thể trung đạo là cầu sai thời, nếu trái lại là không cầu sai thời.

15. Mười hai duyên khởi: Tức là 12 Nhơn duyên phối hợp sanh khởi các pháp:

- 1) Vô minh: không rõ được bản tánh.
- 2) Hành: Hành nghiệp là những nghiệp lực phiền não trong tâm niệm.
- 3) Thức: chỉ cho A lại da thức.
- 4) Danh sắc: các cảm giác tư tưởng về phần tâm và các căn về hình sắc.
- 5) Lục nhập: Sáu căn nhập với sáu trần.

- 6) Xúc: Sáu căn xúc đối sáu trần.
- 7) Thọ: Lãnh nạp những cảnh tốt xấu khổ vui.
- 8) Ái: Tham mến những vật tốt đẹp.
- 9) Thủ: Đắm trước tham cầu những cảnh ngũ trần.
- 10) Hữu: vì sự tham cầu nên tạo những nghiệp nhân thiện, ác, phải chịu quả báo trong ba cõi.
- 11) Sanh: Do nghiệp nhân thiện, ác, nên phải thọ sanh trong sáu đường.
- 12) Lão tử: Sau khi thọ sanh, thân ngũ ấm lần lần già chết.

16. Vô khởi: Cũng gọi là Vô sanh. Quán các pháp như huyễn như hóa, không có cái như sanh khởi.

17. Sáu pháp Ba la mật: 1) Bố thí, 2) Trì giới, 3) Nhẫn nhục, 4) Tinh tấn, 5) Thiền định, 6) Trí tuệ.

18. Lậu hoặc: Các phiền não mê lầm làm cho rơi lọt trong 3 cõi.

## VI. PHẪM BẤT TƯ NGHỊ (1)

Lúc bảy giờ Ngài Xá Lợi Phất thấy trong nhà ông Duy Ma Cật không có giường ngồi (bàn ghế) chi hết, mới nghĩ rằng: các Bồ Tát và hàng Đại đệ tử đây sẽ ngồi nơi đâu?

Trưởng giả Duy Ma Cật biết được ý đó, liền nói với Ngài Xá Lợi Phất rằng:

- Thế nào, Nhân giả vì pháp mà đến, hay vì giường ngồi mà đến?

Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Tôi vì Pháp mà đến, chớ không phải vì giường ngồi.

Ông Duy Ma Cật nói:

- Ngài Xá Lợi Phất! Vả chẳng người cầu pháp, thân mạng còn không tham tiếc, huống chi là giường ngồi. Vả người cầu pháp không phải có sắc, thọ, tưởng, hành, thức (năm uẩn) mà cầu; không phải có giới (18 giới), nhập (12 nhập) mà cầu; không phải có dục giới, sắc giới, vô sắc giới (ba cõi) mà cầu. –Ngài Xá Lợi Phất! Vả chẳng người cầu pháp không đấm trước nơi Phật mà cầu, không đấm trước nơi Pháp mà cầu, không đấm trước nơi chúng (tăng) mà cầu. Vả người cầu Pháp không thấy khổ mà cầu, không đoạn tập mà cầu, không đến chứng diệt, tu đạo mà cầu. Vì sao? – Vì pháp không hý luận(2). Nếu nói: ta phải thấy khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, đó là hý luận không phải cầu pháp - Ngài Xá Lợi Phất? Pháp là tịch diệt, nếu thật hành pháp sanh diệt là cầu pháp sanh diệt, không phải cầu pháp. Pháp là không nhiễm, nếu nhiễm nơi Pháp cho đến Niết bàn, đó là nhiễm đấm, không phải cầu Pháp. Pháp không chỗ làm, nếu làm nơi



pháp, đó là chỗ làm không phải cầu Pháp. Pháp không thủ xả, nếu thủ xả pháp, đó là thủ xả, không phải cầu pháp. Pháp không xứ sở, nếu chấp trước xứ sở, đó là chấp trước nơi xứ sở không phải cầu Pháp. Pháp không có tướng, nếu nhân tướng mà biết, đó là cầu tướng không phải cầu pháp. Pháp không thể trụ, nếu trụ nơi Pháp, đó là trụ nơi pháp không phải cầu Pháp. Pháp không thể thấy, nghe, hay, biết, nếu làm theo thấy, nghe, hay, biết, đó là thấy nghe hay biết không phải cầu pháp. Pháp là vô vi, nếu làm hữu vi là cầu hữu vi không phải cầu pháp. Vì thế, Ngài Xá Lợi Phất, nếu người cầu pháp, đối với tất cả pháp, không có cầu đến.

Khi ông Duy Ma Cật nói lời ấy rồi, năm trăm vị Thiên tử ở trong các pháp được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ Trưởng giả Duy Ma Cật hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng:

- Thưa Ngài, Ngài dạo đi trong vô lượng nghìn muôn ức a tăng kỳ (3) (vô số) quốc độ, thấy cõi Phật nào có những tòa Sư tử tốt đẹp thượng diệu do công đức tạo thành?

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói:

- Cư sĩ! Về phương đông cách đây khỏi ba mươi sáu số cát sông Hằng(4) cõi Phật, có thế giới tên Tu Di Tướng, Đức Phật ở thế giới ấy hiệu là Tu Di Đăng Vương, hiện vẫn còn. Thân Phật cao tám muôn bốn nghìn do tuần(5), tòa Sư tử cũng cao như thế, trang nghiêm tốt đẹp bực nhất.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy Ma Cật hiện sức thần thông, tức thời đức Phật ở cõi nước kia điều khiển ba vạn hai nghìn tòa Sư tử cao rộng nghiêm sạch đến trong nhà ông Duy Ma Cật. Các Bồ Tát,

Đại đệ tử, Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương tất cả đều thấy việc xưa nay chưa từng thấy.

Nhà ông Duy Ma Cật rộng rãi trùm chứa cả ba vạn hai nghìn tòa Sư tử không ngăn ngại, mà ở nơi thành Tỳ Da Ly cho đến bốn thiên hạ cõi Diêm Phù Đề cũng không bị ép chặt, tất cả đều thấy y nguyên như thế.

Ông Duy Ma Cật mời Ngài Văn Thù Sư Lợi và các Bồ Tát thượng hơn ngồi nơi tòa Sư tử, song phải hiện thân mình đứng cao bằng tòa kia. Tức thời các Bồ Tát có thần thông liền biến hiện thân hình cao bốn muôn hai nghìn do tuần đến ngồi nơi tòa Sư tử, còn các Bồ Tát mới phát tâm và hàng Đại đệ tử đều không lên được.

Lúc đó, ông Duy Ma Cật mời Ngài Xá Lợi Phất lên tòa Sư tử ngồi.

Ngài Xá Lợi Phất đáp:

- Thưa Cư sĩ! Tòa này cao rộng quá tôi không lên được.

Ông Duy Ma Cật nói:

- Ngài Xá Lợi Phất, phải đánh lễ đức Tu Di Đăng Vương Như Lai mới có thể ngồi được.

Khi ấy, các vị Bồ Tát mới phát tâm và hàng Đại đệ tử đều đánh lễ đức Tu Di Đăng Vương Như Lai, rồi ngồi được ngay nơi tòa Sư tử.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Thừa Cư sĩ! Thật chưa từng có. Như cái nhà nhỏ tí này mà dung được các tòa cao rộng như thế, mà nơi thành Tỳ Da Ly không có ngăn ngại, các tụ lạc, thành ấp, cũng những cung điện chư Thiên, Long Vương, quỷ thần trong bốn thiên hạ ở cõi Diêm Phù Đề cũng không ép chặt.

Ông Duy Ma Cật nói:

- Ngài Xá Lợi Phất! Chư Phật và chư Bồ Tát có Pháp “giải thoát” tên là “bất khả tư nghị”. Nếu Bồ Tát trụ nơi pháp giải thoát đó, lấy núi Tu Di rộng lớn nhét vào trong hột cải vẫn không thêm bớt, hình núi Tu Di vẫn y nguyên, mà trời Tứ Thiên vương và Đạo Lợi thiên vương không hay không biết đã vào đấy, chỉ có những người đáng độ được mới thấy núi Tú Di vào trong hột cải, đó là Pháp môn “bất khả tư nghị giải thoát”. Lại lấy nước bốn biển lớn cho vào trong lỗ chụm lông, không có khuấy động các loài thủy tộc như cá trạnh, ngoan đà(8), mà các biển lớn kia cũng vẫn y nguyên. Các loài rồng, quỷ thần, A Tu La v.v... đều không hay không biết mình đi vào đấy, và các loài ấy cũng không có loạn động.

Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất? Bồ Tát ở nơi Pháp bất khả tư nghị giải thoát, rút lấy cõi tam thiên đại thiên thế giới nhanh như bàn tròn của thợ gốm, rồi để trong bàn tay hữu quăng ra ngoài khỏi những thế giới như số cát sông Hằng, mà chúng sanh trong đó không hay không biết mình có đi đâu, lại đem trở về chỗ cũ, mà người không biết có qua có lại, và thế giới ấy cũng vẫn y nguyên.

Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất? Hoặc có chúng sanh nào ưa ở lâu trong đời mà có thể độ được. Bồ Tát liền kéo dài bảy ngày ra làm một kiếp (7) để cho chúng sanh kia gọi là một kiếp; hoặc có

chúng sanh nào không ưa ở lâu trong đời mà có thể độ được, Bồ Tát liền khâu một kiếp lại làm bảy ngày, để cho chúng sanh kia gọi là bảy ngày.

Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát trụ nơi pháp bất khả tư nghị giải thoát, đem những việc tốt đẹp của tất cả cõi Phật gom về một nước chỉ bày cho chúng sanh. Lại nữa, Bồ Tát đem tất cả chúng sanh ở tất cả cõi Phật để trên bàn tay hữu của mình rồi bay đến mười phương bày ra cho ai cũng thấy tất cả mà bản xứ không lay động. – Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất! Những đồ cúng dường chư Phật của chúng sanh trong mười phương, Bồ Tát làm cho tất cả đều thấy nơi một lỗ chơn lông. Lại nữa, bao nhiêu nhứt nguyệt, tinh tú trong các cõi nước ở mười phương, Bồ Tát đều làm cho mọi người thấy rõ nơi một lỗ chơn lông.

Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất! Bao nhiêu thứ gió ở các cõi nước trong mười phương, Bồ Tát có thể hút vào trong miệng mà thân không hề tổn hại, những cây cối ở bên ngoài cũng không xiêu, ngã, trốc, gãy. Lại khi kiếp lửa cháy tan cõi nước ở mười phương, Bồ Tát đem tất cả lửa để vào trong bụng, lửa cũng vẫn y nguyên mà không chút gì làm hại. Lại quá số cát sông Hằng thế giới Phật về phương dưới, lấy một cõi Phật đem để cách khỏi số cát sông Hằng thế giới ở phương trên như cầm mũi kim nhọn ghim lấy một lá táo mà không có tổn hại.

Lại nữa, Ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát trụ cảnh “bất khả tư nghị giải thoát” hay dùng thần thông hiện làm thân Phật hoặc hiện thân Bích Chi Phật, thân Thanh Văn, thân Đế Thích, thân Phạm Vương, thân Thế chúa(8), hoặc thân Chuyển luân thánh vương. Các thứ tiếng to, tiếng vừa; tiếng nhỏ ở các cõi nước mười phương đều biến thành tiếng Phật diễn nói pháp vô thường, khổ,

không, vô ngã và những pháp của chư Phật ở mười phương nói ra làm cho khắp tất cả đều được nghe.

Ngài Xá Lợi Phất! Nay tôi chỉ nói qua thần lực giải thoát bất khả tư nghị của Bồ Tát như thế, nếu nói cho đủ đến cùng kiếp cũng không hết được.

Khi đó Ngài Đại Ca Diếp nghe nói pháp môn “Bất khả tư nghị giải thoát” của Bồ Tát, ngợi khen chưa từng có, mới bảo Ngài Xá Lợi Phất rằng: “Ví như có người ở trước người mù phô bày các thứ hình sắc, người mù kia đâu thể thấy được. Nay tất cả hàng Thanh Văn nghe pháp môn “bất khả tư nghị giải thoát” này cũng đâu thể hiểu được. Người trí nghe pháp môn này ai mà chẳng phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tại sao chúng ta mất hẳn giống ấy, đối với Pháp Đại thừa này đã như hột giống thúi? Tất cả hàng Thanh Văn nghe pháp môn “bất khả tư nghị giải thoát” này đều phải than khóc tiếng vang động cõi Tam thiên đại thiên thế giới, còn tất cả Bồ Tát nên hết sức vui mừng mà vưng lãnh pháp ấy. Nếu có Bồ Tát nào tin hiểu pháp môn “bất khả tư nghị giải thoát” này thì tất cả chúng ma không thể làm gì được.

Khi Ngài Đại Ca Diếp nói như thế rồi có ba vạn hai nghìn vị thiên tử đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ ông Duy Ma Cật nói với Ngài Đại Ca Diếp rằng:

- Ngài Đại Ca Diếp! Các vị làm ma vương trong vô lượng vô số cõi nước ở mười phương phần nhiều là bực Bồ Tát trụ nơi pháp bất khả tư nghị giải thoát, vì dùng sức phương tiện giáo hóa chúng sanh nên thị hiện làm ma vương.

Lại nữa, Ngài Ca Diếp! Vô lượng Bồ Tát ở mười phương, hoặc có người đến xin tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy não, huyết, thịt, da xương, xóm làng, thành ấp, vợ con, tôi tớ, voi ngựa, xe cộ, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, đồi mồi, y phục và các món ăn uống, mà người xin đó phần nhiều là bực Bồ Tát trụ pháp bất khả tư nghị giải thoát dùng sức phương tiện đến thử thách để làm cho các Bồ Tát kia thêm kiên cố. Vì sao? Bồ Tát trụ pháp Bất khả tư nghị giải thoát có thần lực oai đức nên mới dám làm việc bức ngặt để chỉ bày cho chúng sanh những việc khó làm như thế. Còn kẻ phàm phu hạ liệt không có thế lực, không thể làm bức ngặt được Bồ Tát, ví như con long tượng dày đạp, không phải sức lừa kham chịu nổi. Đó là môn trí tuệ phương tiện của Bồ Tát ở nơi pháp “bất khả tư nghị giải thoát” vậy.

## Chú thích của phẩm VI

1. Bất tư nghị: Cõi theo nghĩa số 3 ở phẩm I.
2. Hý luận: Những lời biện luận vô nghĩa, không đúng lý như thật. Trong Trung Luận nói: “Hý luận có 2 cách: 1) Ái luận, nghĩa là: Đối với tất cả pháp có tâm chấp đắm; 2) Kiến luận, là đối với tất cả pháp, khởi ra tri kiến cho là quyết định đúng lý”. Do ái kiến như thế làm mê mờ tâm tánh, mà sanh ra các thứ ngôn luận bất chánh gọi là hý luận.
3. A tăng kỳ: (Asamkhyā) Tàu dịch là vô số, nghĩa là một số rất nhiều không tính đếm đặng. A tăng kỳ là số đứng đầu trong 10 số lớn: 1) A tăng kỳ, 2) Vô lượng, 3) Vô biên, 4) Vô đẳng, 5) Bất khả số, 6) Bất khả xưng, 7) Bất khả tư, 8) Bất khả lượng, 9) Bất khả thuyết, 10) Bất khả thuyết Bất khả thuyết.
4. Hằng hà sa: Cát sông Hằng, dụ cho số rất nhiều không thể lường tính đặng. Sông Hằng (Gange) là một con sông rất lớn ở nước Thiên Trúc, phát nguyên từ ao vô nhiệt nảo ở Hy mã Lạp sơn bên Ấn độ chảy ra Ấn Độ dương (Océan Indien). Lòng sông và hai bên bờ có cát rất nhiều và mịn. Đương thời đức Phật nói pháp, gặp số gì quá nhiều đều mượn đó mà thí dụ.
5. Do tuần: Có 3 hạng: 1) 40 dặm tàu, 2) 60 dặm, 3) 80 dặm.
6. Ngoan Đà: Ngoan là con giải. Đà là một loại cá sấu dài hơn hai trượng, bốn chân, da nó dùng để bịt trống.
7. Một kiếp: Nghĩa là một khoảng thời gian rất lâu dài. Một kiếp lớn có 4 kiếp trung, 1 kiếp trung có 20 kiếp nhỏ. Trong một kiếp nhỏ có 16.800.000 năm; một kiếp trung có  $16.800.000 \times 20 =$

336.000.000 năm. Một kiếp lớn có  $336.000.000 \times 4 = 1.344.000.000$  năm.

8. Thế chúa: Có chỗ chỉ Tứ Thiên Vương, hay là vị Phạm Thiên, hoặc là vị Đại Tự Tại Thiên, tức là vị làm chủ trong cõi thế gian.



## VII. PHẪM QUÁN CHÚNG SANH (1)

Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

- Bồ Tát quán sát chúng sanh phải thế nào?

Ông Duy Ma Cật đáp:

- Ví như nhà huyền thuật thấy người huyền của mình hóa ra, Bồ Tát quán sát chúng sanh cũng như thế. Như người trí thấy trăng dưới nước, thấy mặt trong gương, như ánh nắng đọng, như vang của tiếng, như mây giữa hư không, như bọt nước, như bóng nổi, như cây chuối bền chắc, như chớp dừng lâu, như đại thứ năm(2), như âm thứ sáu(3), như tình (căn) thứ bảy(4), như nhập thứ mười ba(5), như giới thứ mười chín(6). Bồ Tát quán sát chúng sanh cũng như thế. Như sắc chất cõi vô sắc(7), như mộng lúa hư, như thân kiến của Tu đà hoàn(8), như sự nhập thai của A na hàm(9), như tam độc của A la hán (10), như tham giận phá giới của Bồ Tát chứng vô sanh nhẫn, như tập khí phiền não của Phật, như người mù thấy sắc tượng, như hơi thở ra vào của người nhập diệt tận định(11), như dấu chim giữa hư không, như con của đàn bà không sanh đẻ (Thạch nữ)(12), như phiền não của người huyền hóa, như cảnh chiêm bao khi đã thức, như người diệt độ thọ lấy thân, như lửa không khói. Bồ Tát quán sát chúng sanh cũng như thế đó.

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Nếu Bồ Tát quán sát như thế phải thật hành lòng từ thế nào?

Ông Duy Ma Cật đáp rằng:

- Bồ Tát quán sát như thế rồi phải tự nghĩ rằng: “Ta phải vì chúng sanh nói pháp như trên, đó là lòng từ chân thật. Thật hành lòng từ tịch diệt, bởi vì không sanh. Thật hành lòng từ không nóng bức, bởi vì không có phiền não. Thật hành lòng từ bình đẳng, bởi ba đời như nhau. Thật hành lòng từ không đua tranh, bởi vì không có khởi. Thật hành lòng từ không hai, bởi trong ngoài (căn trần) không hiệp. Thật hành lòng từ không hoại, bởi hoàn toàn không còn. Thật hành lòng từ kiên cố, bởi lòng không hủy hoại. Thật hành lòng từ thanh tịnh, bởi tánh các pháp trong sạch. Thật hành lòng từ vô biên, vì như hư không. Thật hành lòng từ A la hán, vì phá các giấc kiết sử(13). Thật hành lòng từ Bồ Tát, vì an vui chúng sanh. Thật hành lòng từ Như Lai, vì đặng tướng như như. Thật hành lòng từ của Phật, vì giác ngộ chúng sanh. Thật hành lòng từ tự nhiên, vì không nhưn đâu mà đặng. Thật hành lòng từ Bồ Đề, chỉ có một vị. Thật hành lòng từ vô đẳng (không chi sánh bằng), vì đoạn các ái kiến. Thật hành lòng từ đại bi, dẫn dắt cho pháp Đại thừa. Thật hành lòng từ không nhằm mỗi, quán không, vô ngã. Thật hành lòng từ pháp thí, không có luyến tiếc. Thật hành lòng từ trì giới, để hóa độ người phá giới. Thật hành lòng từ nhẫn nhục, để ủng hộ người và mình. Thật hành lòng từ tinh tấn, để gánh vác chúng sanh. Thật hành lòng từ thiên định, không thọ mùi thiên. Thật hành lòng từ trí tuệ, đều biết đúng nhịp. Thật hành lòng từ phương tiện, thị hiện tất cả. Thật hành lòng từ không ẩn dấu, lòng ngay trong sạch. Thật hành lòng từ thâm tâm, không có hạnh xen tạp. Thật hành lòng từ không phỉnh dối, không có lừa gạt. Thật hành lòng từ an vui, làm cho tất cả được sự an vui của Phật. Lòng từ của Bồ Tát là như thế đó.

Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Sao gọi là lòng bi?
- Bồ Tát làm công đức gì cốt để cho chúng sanh.
- Sao gọi là lòng hỷ?
- Có lợi ích đều hoan hỷ, không hối hận.
- Sao gọi là lòng xả?
- Những phước báu đã làm, không có lòng hy vọng.

Ngài Văn Thù Sư Lợi lại hỏi:

- Sự sanh tử đáng sợ, Bồ Tát phải y nơi đâu?

Ông Duy Ma Cật đáp:

- Bồ Tát ở trong sanh tử đáng sợ đó, phải y nơi sức công đức của Như Lai.

Ngài Văn Thù Sư Lợi lại hỏi:

- Bồ Tát muốn y sức công đức của Như Lai, phải trụ nơi đâu?
- Bồ Tát muốn y sức công đức của Như Lai, phải trụ nơi chỗ độ thoát tất cả chúng sanh.

Lại hỏi:

- Muốn độ chúng sanh phải trừ những gì?
- Muốn độ chúng sanh phải trừ phiền não.
- Muốn trừ phiền não phải thật hành những gì?
- Phải thật hành chánh niệm.
- Thế nào là thật hành chánh niệm?

- Phải thật hành pháp không sanh không diệt.
- Pháp gì không sanh, pháp gì không diệt?
- Pháp bất thiện không sanh, pháp thiện không diệt.
- Pháp thiện và pháp bất thiện lấy gì làm gốc?
- Thân là gốc.
- Thân lấy gì làm gốc?
- Tham dục là gốc.
- Tham dục lấy gì làm gốc?
- Hư vọng phân biệt là gốc.
- Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?
- Tưởng điên đảo là gốc.
- Tưởng điên đảo lấy gì làm gốc?
- Không trụ(14) là gốc.
- Không trụ lấy gì làm gốc?
- Không trụ thì không gốc.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi, ở nơi “gốc không trụ mà lập tất cả pháp”.

Bấy giờ trong nhà ông Duy Ma Cật có một Thiên nữ thấy các vị trời, người đến nghe pháp, liền hiện thân ra tung rải hoa trời trên mình các vị Bồ Tát và Đại đệ tử. Khi hoa đến mình các vị Bồ Tát đều rơi hết, đến các vị Đại đệ tử đều mắc lại. Các vị Đại đệ tử dùng hết thần lực phủi hoa mà hoa cũng không rơi.

Lúc ấy, Thiên nữ hỏi Ngài Xá Lợi Phất:

- TỰ sao mà phỉ hoa?

Xá Lợi Phất nói:

- Hoa này không như pháp nên phỉ.

- Chớ bảo hoa này là không như pháp. Vì sao? Hoa này nó không có phân biệt, tự Nhân giả phân biệt đó thôi! Nếu người xuất gia ở trong Phật pháp có phân biệt là không như pháp, nếu không phân biệt là như pháp. Đấy, xem các vị Bồ Tát, hoa có dính đâu? Vì đã đoạn hết tướng phân biệt. Ví như người lúc hội họp sợ, thời phi nhơn mới thừa cơ hại đặng. Như thế, các vị Đại đệ tử vì sợ sanh tử nên sắc thính, hương, vị, xúc mới thừa cơ được, còn người đã lìa được sự sợ sệt thì tất cả năm món dục không làm chi đặng. Do tập khí kiết sử chưa dứt hết nên hoa mới mắc nơi thân thôi, còn người kiết tập(15) hết rồi, hoa không mắc được.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Thiên nữ ở nhà này đã được bao lâu?

- Tôi ở nhà này như Ngài được giải thoát.

- Ở đây đã lâu ư?

- Ngài giải thoát cũng lâu như thế nào?

Ngài Xá Lợi Phất nín lặng không đáp.

Thiên nữ nói:

- Tại sao bực kỳ cữu(16) đại trí lại nín lặng?

- Giải thoát không có ngôn thuyết, nên ở nơi đó ta không biết nói làm sao!

Thiên nữ nói:

- Ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát. Vì sao? Vì giải thoát không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên, văn tự cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên. Thế nên, Ngài Xá Lợi Phất, chớ rời văn tự mà nói giải thoát. Vì sao? Vì tất cả pháp là tướng giải thoát.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

- Không cần ly dâm, nộ, si, được giải thoát ư?

Thiên nữ nói:

- Phật vì kẻ tăng thượng mạn nói ly dâm, nộ, si là giải thoát thôi, nếu kẻ không tăng thượng mạn thời Phật nói tánh của dâm nộ, si là giải thoát.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Hay thay, hay thay, Thiên nữ! Nàng được cái gì, chứng cái gì mà biện tài như thế?

Thiên nữ nói:

- Tôi không được, không chứng, mới được biện tài như thế. Vì sao? -Nếu có được, có chứng thời ở trong Phật pháp là kẻ tăng thượng mạn(17).

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ:

- Ở trong ba thừa(18), ý nàng cầu thừa nào?

Thiên nữ nói:

- Cần pháp Thanh Văn để hóa độ chúng sanh, tôi làm Thanh Văn; cần pháp nhưn duyên để hóa độ chúng sanh, tôi làm Bích Chi Phật, cần pháp đại bi để hóa độ chúng sanh, tôi làm Đại thừa. Thừa Ngài Xá Lợi Phất! Như người vào rừng chiêm bặc(19), chỉ người có mùi chiêm bặc, chứ không còn mùi hương nào khác. Cũng như người vào nhà này chỉ người mùi hương công đức của Phật chứ không ưa người mùi hương công đức của Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Có những vị Đế Thích Phạm Vương, Tứ Thiên Vương và chư Thiên, long thần, quỷ cả thả vào trong nhà này nghe Thượng nhân đây giảng nói chánh pháp, đều ưa mùi hương công đức của Phật phát tâm rồi ra.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất, tôi ở nhà này đã mười hai năm chưa từng nghe nói pháp Thanh Văn, Bích chi Phật, Chỉ nghe đại từ đại bi của Bồ Tát và những pháp bất khả tư nghị của chư Phật. Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Nhà này thường hiện ra tám pháp “chưa từng có, khó đặng”. Tám pháp là gì?

Nhà này thường dùng ánh sáng sắc vàng soi chiếu ngày đêm không khác, chẳng cần ánh sáng của nhật nguyệt soi chiếu, đó là pháp “chưa từng có, khó đặng” thứ nhất, – Nhà này hễ ai vào rồi không còn bị các thứ cấu nhiễm làm não loạn, đó là pháp “chưa từng có khó đặng” thứ hai. – Nhà này thường có các vị Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương và các Bồ Tát ở phương khác nhóm họp không ngớt, đó là pháp “chưa từng có, khó đặng” thứ ba. – Nhà này thường nói sáu pháp Ba la mật và pháp bất thối chuyển, đó là pháp “chưa từng có, khó đặng” thứ tư. Nhà này

thường trỗi âm nhạc bực nhứt của trời, người, vang ra vô lượng tiếng pháp, đó là pháp “chưa từng có, khó đặng” thứ năm. – Nhà này có bốn kho tàng lớn chứa đầy các món báu, giúp khắp cho kẻ nghèo thiếu, hễ cầu liền được không bao giờ hết, đó là pháp “chưa từng có, khó đặng” thứ sáu. – Nhà này Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật A Súc, Phật Bửu Đức, Phật Bửu Diệm, Phật Bửu Nguyệt, Phật Bửu Nghiêm, Phật Nan Thắng, Phật Sư Tử Hương, Phật Nhứt Thiết Lợi Thành, vô lượng chư Phật trong 10 phương, khi Thượng Nhân đây niệm đến liền hiện tới rộng nói tạng pháp bí yếu của chư Phật, khi nói xong các Ngài đều trở về, đó là pháp “chưa từng có, khó đặng” thứ bảy. – Nhà này tất cả cung điện tốt đẹp của chư Thiên và các cõi Tịnh độ của chư Phật đều hiện ở trong đây, đó là pháp “chưa từng có, khó đặng” thứ tám.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Nhà này thường hiện ra 8 pháp “chưa từng có, khó đặng” như thế, ai thấy được việc không thể nghĩ bàn đó mà lại còn ham ưa pháp Thanh Văn ư? Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Vì sao người không chuyển thân nữ kia đi?

Thiên nữ nói:

- Mười hai năm nay tìm kiếm mãi cái tướng nữ hơn hẳn không thể đặng, phải chuyển đổi cái gì? Ví như nhà huyền thuật hóa ra một người nữ huyền, nếu có người hỏi rằng: Sao không chuyển thân nữ đó đi? Vậy người hỏi đó có đúng chăng?

Ngài Xá Lợi Phất nói:



- Không đúng. Huyền hóa không có tướng nhưt định còn phải chuyển đổi gì nữa.

Thiên nữ nói:

- Tất cả pháp cũng như thế, không có tướng nhưt định, tại sao lại hỏi không chuyển thân nữ?

Tức thời Thiên nữ dùng sức thần thông biến Ngài Xá Lợi Phất thành ra Thiên nữ, Thiên nữ lại tự hóa mình giống như Ngài Xá Lợi Phất mà hỏi rằng: Tại sao Ngài không chuyển thân nữ đi?

Ngài Xá Lợi Phất mang lấy hình tướng thân nữ mà đáp rằng:

- Ta nay không biết tại sao lại biến thành thân đàn bà này?

Thiên nữ nói:

- Thừa Ngài Xá Lợi Phất? Nếu Ngài chuyển được thân đàn bà đó, thời tất cả người nữ cũng sẽ chuyển được. Như Ngài Xá Lợi Phất không phải người nữ mà hiện thân nữ, thời tất cả người nữ cũng lại như thế, tuy là hiện thân nữ mà không phải người nữ đâu. Vì thế, Phật nói: tất cả các pháp không phải đàn ông, không phải đàn bà.

Bấy giờ Thiên nữ thu nhiếp thần lực, thân Ngài Xá Lợi Phất trở lại như cũ. Thiên nữ hỏi Ngài Xá Lợi Phất:

- Tướng đàn bà bây giờ ở đâu?

Ngài Xá Lợi Phất đáp:

- Tướng đàn bà không ở đâu, mà ở tất cả.

Thiên nữ nói:

- Tất cả pháp lại cũng như thế, không ở đâu mà ở tất cả. Vả lại không ở đâu mà ở tất cả là lời Phật nói.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ:

- Nàng ở nơi đây chết rồi sẽ sanh nơi đâu?

Thiên nữ đáp:

- Phật hóa sanh thế nào, tôi cũng hóa sanh thế ấy.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Phật hóa sanh không phải chết rồi mới sanh.

Thiên nữ nói:

- Chúng sanh cũng thế, không phải chết rồi mới sanh.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ:

- Người bao lâu sẽ chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?

Thiên nữ đáp:

- Khi nào Ngài Xá Lợi Phất trở lại phàm phu, tôi sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ngài Xá Lợi Phất nói:

- Có khi nào ta trở lại phàm phu.

Thiên nữ nói:

- Có khi nào tôi lại được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao? – Vì Bồ Đề không xứ sở nên không có được.

Ngài Xá Lợi Phát nói:

- Hiện nay các Phật chứng Bồ Đề vô thượng (A nậu đa la tam miệu tam bồ đề), các Phật đã chứng, sẽ chứng nhiều như số cát sông Hằng thời gọi là gì?

Thiên nữ đáp:

- Đây là theo số mục văn tự ở đời mà nói có 3 đời, chớ không phải nói Bồ Đề có quá khứ, vị lai và hiện tại.

- Thưa Ngài Xá Lợi Phát! Ngài đặng đạo A la hán ư?

Đáp: Không có đặng mà đặng.

Thiên nữ nói:

Các Phật, Bồ Tát cũng như thế, không đặng mà đặng.

Bấy giờ ông Duy Ma Cật bảo ngài Xá Lợi Phát:

- Thiên nữ này đã từng cúng dường 92 ức Đức Phật, đã được thần thông du hý của Bồ Tát, nguyện lực đầy đủ, chứng vô sanh nhẫn không có thoái lui, vì theo bốn nguyện nên tùy ý mà hiện ra để giáo hóa chúng sanh.

## Chú thích của phẩm VII

1. Chúng sanh: Có ba nghĩa:

1) Tất cả loài có sự sống đều gọi là chúng sanh, như các loài động vật và thực vật, hữu tình và vô tình.

2) Chúng có nghĩa là rất nhiều; Sanh nghĩa là sanh khởi: do năm âm, các duyên hòa hợp thành những vật có sự sống tương tục, gọi là chúng sanh.

3) Trải qua nhiều phen sống chết luân hồi trong cảnh giới các loài hữu tình.

2. Đại thứ năm: Là vật không có. Chỉ có 4 đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong.

3. Âm thứ sáu: Là vật không có. Chỉ có 5 âm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

4. Tình thứ bảy: Là vật không có, chỉ có sáu căn tình thức cảm giác là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

5. Nhập thứ 13: Là vật không có, chỉ có 12 nhập là 6 căn xung nhập 6 trần.

6. Giới thứ 19: Là vật không có. Chỉ có 18 giới là 6 căn nội giới, 6 trần ngoại giới và 6 thức trung giới.

7. Sắc thân cõi Vô Sắc: Là vật không có. Cõi Vô Sắc chỉ có 4 âm: Thọ, tưởng, hành, thức về tâm pháp hợp thành loài hữu tình nơi đó, không có hình chất như cõi Sắc giới và Dục giới.

8. Thân kiến của Tu đà hoàn: Là việc không có. Tu đà hoàn là quả thứ nhất trong 4 quả Thánh của Thanh Văn Tiểu thừa; Tà

dịch là Dự lưu, nghĩa là dự vào giòng Thánh. Bực này đã phá được kiến hoặc (sự thấy biết mê lầm) ở trong 3 cõi, nên không còn quan niệm chấp thân là thật nữa.

9. Sự nhập thai của A na hàm: Là việc không có. A na hàm là quả thứ ba của Thanh Văn. Tàu dịch là Bất lai, nghĩa là bực này tu hành đã dứt hết chín phẩm tư hoặc (tư tưởng sai lầm) ở Dự giới, nên không còn thọ sanh trở lại cõi Dự nữa.

10. Tam độc của A la hán: Là việc không có. A la hán là quả thứ tư trong 4 quả Thanh Văn, Tàu dịch là Vô sanh. Bực này đã dứt hết phiền não mê lầm trong 3 cõi, nên không còn 3 thứ độc: Tham, Sân, Si nữa.

11. Hơi thở ra vào của người nhập Diệt tận định: Là việc không có. Vì người nhập Diệt tận định đã dứt hết hiện hành của 6 thức trước, nên không còn thở nữa.

12. Thạch nữ: Là người nữ không có sanh con. Nói con của Thạch nữ là thí dụ cho việc không có, cũng như nói lông rùa sừng thỏ.

13. Kiết sử: Các thứ phiền não ràng buộc thân tâm kết thành quả khổ gọi là kiết; đeo đuổi xui dục chúng sanh không ra khỏi sanh tử gọi là sử. Kiết có 9 món:

- 1) Ái kiết: say đắm cảnh ngũ dục không rời.
- 2) Nhuế kiết: giận dữ bất bình đối với nghịch cảnh.
- 3) Mạn kiết: kiêu căng ngạo nghễ.
- 4) Vô minh kiết: ngu si mờ ám đối với lẽ chơn chánh.
- 5) Kiến kiết: tà kiến không tin như quả.
- 6) Thủ kiết: vọng chấp sự hiểu biết không chơn chánh, và giới

pháp sai lầm, làm lắm điều ác.

7) Nghi kiết: dụ dự không tin chơn lý, không tu hành theo hạnh chơn lý, làm nhiều điều không chơn chánh.

8) Tật kiết: ghen ghét những bậc hiền đức.

9) Xan kiết: keo sến không chịu bố thí, lại làm nhiều điều ác.

Chín điều này ràng buộc chúng sanh trong đường sanh tử, vì nó khiến chúng sanh gây nhiều tội lỗi.

Sử có 10 món, tức là 5 món Độn sử và 5 Lợi sử.

5 món Độn sử: 1) Tham dục sử, 2) Sân nhuế sử, 3) Vô minh sử, 4) Mạn sử, 5) Nghi sử.

5 món Lợi sử: 1) Thân kiến sử, 2) Biên kiến sử, 3) Tà kiến sử, 4) Kiến thủ sử, 5) Giới thủ sử.

Độn sử do sự chấp đắm mà có. Lợi sử do sự nhận thức sai lầm mà có. Cả hai đều gây nên phiền não xúi dục chúng sanh tạo nghiệp không ra khỏi ba cõi sanh tử.

14. Không trụ: Là dịch nghĩa của danh từ: “Vô trụ”. Các pháp toàn không có tự tánh, nên không có chỗ trụ trước, chỉ tùy theo duyên mà sanh khởi, nên gọi là vô trụ. Do vô trụ không có chỗ trụ trước, nên chẳng phải có, chẳng phải không; vì chẳng phải có, không, nên mới làm được cái gốc cho hiện tượng có, không của vạn hữu. Theo ý Ngài Huệ Công thì vô trụ tức là thật tướng, thật tướng tức là tánh không, chỉ là khác tên mà thôi.

15. Kiết tập: Tập khí phiền não kiết sử.

16. Kỳ cự: Bực tuổi tác lão thành.

17. Tăng thượng mạn: Tự mình chứa đựng những pháp tăng thượng của bậc thánh, chưa chứng quả thánh mà tự xưng là đã chứng, khởi lòng ngã mạn, nên gọi là tăng thượng mạn.

18. Ba thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát.

19. Chiêm bạc: Tàu dịch là Kim sắc hoa thọ, hay huỳnh hoa thọ: nghĩa là cây hoa sắc vàng, có mùi hương bay rất xa.

## VIII. PHẪM PHẬT ĐẠO (1)

Bấy giờ Ngài văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

- Bồ Tát thế nào là thông đạt Phật đạo?
- Bồ Tát thật hành phi đạo(2) (trái đạo) là thông đạt Phật đạo.
- Lại hỏi: Thế nào là Bồ Tát thật hành Phi đạo?
- Nếu Bồ Tát gây năm tội vô gián(3) mà không buồn giận, đến ở trong địa ngục mà không có tội cấu; đến trong loài súc sanh mà không có những lỗi vô minh kiêu mạn; đến trong ngạ quỷ mà vẫn đầy đủ công đức; đến cảnh Sắc và Vô Sắc giới mà không cho là thù thắng; hiện làm tham dục mà không nhiễm đắm; hiện làm giận dữ mà đối với chúng sanh không có ngại gì; hiện cách ngu si mà dùng trí tuệ điều phục tâm mình; hiện làm hạnh tham lam bôn sèn mà bỏ tất cả của cải, không tiếc thân mạng; hiện phá giới cấm mà ở trong tịnh giới, đến như tội bé nhỏ cũng hết lòng sợ sệt; hiện làm giận dữ mà thường từ bi, nhẫn nhục; hiện làm lười biếng mà siêng tu các công đức; hiện làm loạn ý mà thường niệm định; hiện làm ngu si mà thông đạt trí tuệ thế gian và xuất thế gian; hiện làm dua dối mà phương tiện thuận theo nghĩa các kinh; hiện làm kiêu mạn mà đối với chúng sanh mình cũng như cầu, đò(4); hiện làm tất cả phiền não mà lòng thường thanh tịnh; hiện vào trong chúng ma mà thuận theo trí tuệ của Phật, không theo đạo giáo khác; hiện làm hàng Thanh Văn mà nói các pháp chưa từng nghe cho chúng sanh; hiện vào hàng Bích Chi Phật mà thành tựu lòng đại bi, giáo hóa chúng sanh; hiện vào hạng nghèo nàn mà có tay đầy đủ của công đức; hiện vào hạng tàn tật mà đủ tướng tốt để trang nghiêm thân mình; hiện vào hạng hèn hạ mà sanh trong giòng giống Phật, đầy đủ các công đức; hiện vào hạng



người ốm yếu xấu xa mà được thân Na-la-diên (kim cang), tất cả chúng sanh đều muốn xem; hiện vào hạng già bệnh mà đoạn hẳn gốc bệnh, không còn sợ chết; hiện làm hạng giàu có mà xem là vô thường, không có tham đắm; hiện có thể thiếp, thể nữ mà tránh xa bùn lầy ngũ dục; hiện nơi hạng đàn độn mà thành tựu biện tài, vẫn giữ tổng trì; hiện vào tà tế(5) mà dùng chánh tế độ chúng sanh; hiện vào khắp các đạo, để đoạn dứt nhơn duyên; hiện vào Niết bàn mà không bỏ sanh tử. Thừa Ngài Văn Thù Sư Lợi? Nếu Bồ Tát làm được những việc trái đạo như thế, đây là thông suốt Phật đạo.

Bấy giờ, ông Duy Ma Cật hỏi Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng:

- Thế nào là hột giống Như Lai?

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói:

- Có thân là hột giống; vô minh có ái là giống; tham, sân, si là giống; 4 món điên đảo(6) là giống; 5 món che ngăn là giống; 6 nhập là giống; 7 chỗ thức(7) là giống; 8 pháp tà(8) là giống; 9 món não(9) là giống; 10 điều bất thiện là giống; nói tóm lại 62 món tà kiến và tất cả phiền não đều là giống Phật cả.

Ông Duy Ma Cật hỏi:

- Tại sao thế?

- Nếu người thấy vô vi mà vào chánh vị (Niết bàn) thì không thể còn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nữa. Ví như chỗ gò cao không thể sinh hoa sen, mà nơi bùn lầy thấp ướt mới có hoa sen. Như thế, người thấy vô vi, vào chánh vị không còn sanh trong Phật pháp được, mà ở trong bùn lầy phiền não mới có chúng sinh nghĩ đến Phật pháp mà thôi. Lại như gieo hột giống

trên hư không thì không sinh được, ở đất phân bùn mới tốt tươi được. Như thế, người đã vào vô vi chánh vị không sanh được trong Phật pháp, kẻ khởi ngã kiến như núi Tu Di còn có Thể phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà sinh trong Phật pháp. Cho nên phải biết tất cả phiền não là giống Như Lai. Ví như không xuống bể cả, không thể đựng bảo châu vô giá, cũng như không vào biển cả phiền não thời làm sao mà có ngọc báu “nhứt thiết trí”.

Lúc bấy giờ Ngài Đại Ca Diếp khen rằng:

- Hay thay! Hay thay! Ngài Văn Thù Sư Lợi, lời nói thích quá. Thật đúng như lời Ngài nói những bọn trần lao là giống Như Lai. Hôm nay, chúng tôi không còn kham phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đến như người đủ 5 tội vô gián còn có thể phát ý mong sanh trong Phật pháp, mà nay chúng tôi hoàn toàn không phát được. Ví như những người 5 căn(10) đã hư, đối với 5 món dục lạc chẳng còn cảm xúc. Cũng như hàng Thanh Văn đã đoạn hết kiết sử, ở trong Phật pháp không còn có lợi ích gì mấy, bởi không còn có chí nguyện.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Vì thế nên phàm phu ở trong Phật pháp còn có ảnh hưởng, mà hàng Thanh Văn thời không. Vì sao? Vì phàm phu nghe Phật nói pháp khởi được đạo tâm vô thượng, chẳng đoạn Tam bảo, còn chính như Thanh Văn trọn đời nghe Phật pháp: 10 lực, 4 món vô úy v.v... mà hoàn toàn cũng không phát được đạo tâm vô thượng.

Trong chúng hội có Bồ Tát tên Phổ Hiện Sắc Thân hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

- Cư sĩ! Cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc, những người tri thức là ai? Tôi tớ, trai bạn, voi ngựa, xe cộ ở đâu?

Ông Duy Ma Cật dùng bài kệ đáp rằng:

Trí độ(11) mẹ Bồ Tát,  
Phương tiện ấy là cha,  
Đạo sư tất cả chúng,  
Đều do đấy sanh ra.  
Pháp hỷ(12) Chính là vợ,  
Tâm từ bi là gái,  
Tâm thành thực là trai,  
Rốt ráo vắng lặng: nhà.  
Trần lao(13) là đệ tử,  
Tùy ý mà sai sử,  
Đạo phẩm (14) vốn bạn lành.  
Do đấy thành chánh giác.  
Các độ(15) là pháp lữ,  
Tứ nhiếp là kỹ nữ.  
Ca ngâm tụng lời pháp,  
Lấy đó làm âm nhạc,  
Vườn tược ấy tổng trì(16),  
Cây rừng, pháp vô lậu,  
Hoa, giác ý(17) sạch màu,  
Trái, giải thoát trí tuệ.  
Bát giải (thoát)(18) là ao tắm,  
Nước định lặng trong đầy,  
Rải bảy thứ tịnh hoa(19),  
Để tắm người không nhớ.  
Ngũ thông (20), voi, ngựa chạy,

Đại thừa là xe cộ,  
Cầm cương là nhất tâm,  
Đạo chơi đường bát chánh(21).  
Tướng đủ nghiêm mặt mày,  
Các tốt trau hình dáng,  
Hỗ thẹn làm thượng phục(22),  
Thâm tâm làm tràng hoa.  
Giàu có bầy cửa báu(23)  
Dạy bảo để thêm lợi,  
Như lời nói tu hành,  
Hồi hướng làm lợi lớn.  
Tứ thiên làm giường ghế,  
Từ tịnh mạng sanh ra,  
Học rộng thêm trí tuệ,  
Đó là tiếng tự giác.  
Món ăn: pháp cam lồ,  
Nước uống: vị giải thoát,  
Tắm rửa sạch tịnh tâm,  
Hương thoa là giới phẩm.  
Trừ dẹp giặt phiền não,  
Mạnh mẽ không ai hơn,  
Hàng phục bốn thứ ma(24)  
Phước tốt dựng đạo tràng.  
Tuy biết không sanh diệt,  
Vì dạy chúng, có sanh,  
Khắp hiện vào các cõi,  
Như mặt nhật, đều thấy.  
Cúng dường khắp mười phương,  
Không lường ước Như Lai,

Chư Phật và thân mình,  
Không có tướng phân biệt.  
Dầu biết các cõi Phật,  
Vớì chúng sanh đều không,  
Mà thường tu Tịnh độ,  
Dạy dỗ cho quần sanh.  
Bao nhiêu loài hữu tình,  
Oai nghi cùng hình, tiếng,  
Bồ Tát lực, vô úy,  
Đồng thời đều khắp hiện.  
Rõ biết các việc ma,  
Mà hiện theo hạnh nó.  
Dùng trí phương tiện khéo,  
Tùy ý đều hay hiện,  
Hoặc hiện già, bệnh, chết,  
Thành tựu cho chúng sanh.  
Rõ biết như huyễn hóa,  
Thông suốt không ngăn ngại.  
Hoặc hiện kiếp cháy tan,  
Đại địa đều trống rỗng,  
Những người có tướng “thường”,  
Soi thấy rõ vô thường.  
Vô số ức chúng sanh,  
Đều đến thỉnh Bồ Tát,  
Đồng thời đến nhà kia,  
Dạy cho về Phật đạo.  
Kinh sách, cấm, chú thuật.  
Các nghề nghiệp khéo léo,  
Đều hiện làm việc ấy,

Lợi ích cho quần sanh.  
Các đạo pháp thế gian,  
Nương đầy mà xuất gia,  
Để giải mê cho người,  
Mà chẳng đọa tà kiến  
Làm Nhứt, Nguyệt thiên tử,  
Làm Phạm Vương, chủ, chúa,  
Hoặc khi làm đất nước,  
Hoặc lại làm gió lửa.  
Vào kiếp có tật dịch,  
Hiện làm các cây thuốc,  
Nếu người nào uống đến,  
Các bệnh ác tiêu trừ.  
Vào kiếp có đói khát,  
Hiện làm đồ uống ăn,  
Trước là cứu đói khát,  
Sau giảng dạy chính pháp.  
Vào kiếp có đao binh,  
Duyên khởi lòng từ bi,  
Giáo hóa cho chúng sanh,  
Tâm đừng còn tranh đấu.  
Nếu có chiến trận lớn,  
Làm cho sức ngang nhau,  
Bồ Tát hiện oai thể,  
Hàng phục để yên hòa.  
Trong tất cả cõi nước,  
Chỗ nào có địa ngục,  
Đi ngay đến nơi đấy,  
Cứu vớt người khổ não.

Trong tất cả cõi nước,  
Súc sanh ăn lẫn nhau,  
Đều hiện sanh ra nó,  
Làm cho được lợi ích.  
Thị hiện trong ngũ dục,  
Lại cũng hiện tu thiền,  
Để tâm ma rối loạn,  
Không thừa dịp hại đặng.  
Hoa sen sanh trong lửa,  
Thật đáng gọi ít có,  
Cõi Dục mà tu thiền,  
Ít có cũng như thế.  
Hoặc hiện làm dâm nữ,  
Dắt dẫn kẻ háo sắc,  
Trước lấy dục dụ người,  
Sau khiến vào trí Phật.  
Hoặc làm chủ trong ấp,  
Hoặc làm thầy khách buôn,  
Quốc sư và Đại thần,  
Để lợi ích chúng sanh.  
Các chỗ có kẻ nghèo,  
Hiện làm kho vô tận,  
Nhân đó khuyến dạy người,  
Cho phát tâm vô thượng.  
Kẻ kiêu căng ngã mạn,  
Hiện làm những lực sĩ,  
Tiêu phục lòng cống cao,  
Quay về đạo Vô thượng.  
Những người hay sợ sệt,

Đến nơi để an ủi,  
Trước thí pháp “không sợ”,  
Sau dạy phát đạo tâm.  
Hoặc hiện lìa dâm dục,  
Làm vị tiên ngũ thông,  
Chỉ dạy cho chúng sanh,  
Để được giới, nhẫn, từ.  
Thấy người cần hầu hạ,  
Hiện làm kẻ tôi tớ,  
Vừa đẹp ý người kia,  
Vừa phát được đạo tâm.  
Tùy theo việc cần dùng,  
Mà vào trong Phật đạo,  
Dùng sức phương tiện khéo,  
Đều giúp cho đầy đủ.  
Đạo pháp nhiều không lường,  
Việc làm không bờ mé,  
Trí tuệ không hạn lượng,  
Độ thoát vô số chúng.  
Dầu cho tất cả Phật,  
Trong vô số ức kiếp,  
Khen ngợi công đức kia,  
Cũng không thể hết được.  
Ai nghe pháp như thế,  
Chẳng phát tâm Bồ Đề,  
Trừ những người bất tiểu,  
Ngu si không trí tuệ.



## Chú thích của phẩm VIII

1. Phật đạo: Tiếng Phạn là Phật đà Bồ đề, nghĩa là đạo giác ngộ như thật. Lại chỉ tất cả các điều phước huệ thanh tịnh thuần thiện của Phật đã thành tựu viên mãn, đều gọi là Phật đạo.

2. Phi đạo: Chẳng phải Phật đạo, nghĩa là những phiền não tạp nhiễm, tập nghiệp của tất cả chúng sanh trong ba cõi, ba đời và đạo pháp của Nhị thừa đều chẳng phải Phật đạo. Nhưng nếu thông đạt Phật đạo thì phi đạo toàn là Phật đạo. Tỷ như thật hành các việc trong đời, mà không sa mắc vào đời, cho đến thật hành hiện nhập Niết Bàn của Nhị thừa, mà chẳng dứt sự sanh tử, độ sanh. Đó là ở nơi phi đạo mà tự tại siêu xuất phi đạo, nên tức nơi phi đạo mà thông đạt Phật đạo.

3. Năm tội vô gián: 1) Giết cha, 2) Giết mẹ, 3) Giết A La Hán, 4) Phá hòa hiệp của chúng Tăng, 5) Làm cho thân Phật ra máu. Người tạo ra năm tội này, phải đọa vào địa ngục Vô gián (A tỳ), chịu các sự khổ bức, không khi nào hở dứt, nên gọi là Vô gián.

4. Như cầu, đò: ý nói rất khiêm nhượng hạ mình, nghĩa là dù bị người đời lấn lướt khinh khi, nhưng vẫn nhẫn chịu không khinh mạn lại, cũng như cầu đò cứ chịu họ dầy đạp qua lại.

5. Tà tế, Chánh tế: Ngoại đạo gọi là tà tế, ví như chỗ hiểm nạn đối gạt người. Phật đạo gọi là chánh tế, ví như chỗ bến đò có thể đưa người qua được.

6. Bốn món điên đảo:

- 1) Sự vật trong thế gian là vô thường mà chấp là thường,
- 2) Ngũ dục lạc, không phải vui mà chấp là vui,
- 3) Thân này không phải ta mà chấp là ta,

4) Thân này như chớp mà chớp là sạch.  
Đây là 4 món chấp của phàm phu.

7. Bảy chỗ thức:

- 1) Sơ thiên,
- 2) Nhị thiên,
- 3) Tam thiên,
- 4) Tứ thiên.
- 5) Vô biên xứ thiên,
- 6) Thức biên xứ thiên,
- 7) Vô sở hữu xứ thiên,

là bảy cảnh giới không có thống khổ bức não, thần thức được an trú. Trừ cõi Vô tưởng và cõi Phi phi tưởng không kể, là vì cõi này tâm tưởng quá vi tế, muội lược, tư niệm không rõ ràng.

8. Tám pháp tà: Đã giải ở phẩm III số 14.

9. Chín món não: Về quá khứ ai quấy nhiều mình, quấy nhiều thân thích mình, thì sanh não, ai khen ngợi kẻ oán của mình, mình cũng sanh não. Quá khứ như thế thì hiện tại và vị lai cũng thế, nên gọi là chín chỗ não.

10. Năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân.

11. Trí độ: Một độ trong 6 độ, nghĩa là trí tuệ viên mãn hay vượt qua biển sanh tử đến bờ Niết bàn rốt ráo.

12. Pháp hỷ: Nghe pháp lãnh hội được, sanh lòng vui mừng gọi là pháp hỷ.

13. Trần lao: Trần là nhiễm ô, nghĩa là các thứ tà kiến phiền não hay làm nhiễm ô chơn tánh. Lao là nhọc nhằn, nghĩa là các tà kiến phiền não làm cho chúng sanh trôi lăn mệt nhọc trong đường sanh tử.

14. Đạo phẩm: Tức phương pháp giúp người tu hành, thành tựu đạo quả Bồ đề, như 37 phẩm trợ đạo v v

15. Các độ: 6 độ, 10 độ.

16. Tổng trì: Gồm nhiếp các pháp.

17. Giác ý: ý niệm giác sát cho tâm điều hòa thích trung, không cao không thấp, không phóng tán, không hôn trầm.

18. Bát giải: Tức Bát giải thoát đã giải ở phẩm III số 14.

19. Bảy thứ tịnh hoa:

- 1) Giới tịnh: động tác của thân, khẩu ý thanh tịnh;
- 2) Tâm tịnh: tâm thanh tịnh không còn nhiễm trược;
- 3) Kiến tịnh: thấy được chơn tánh các pháp không còn khởi vọng chấp;
- 4) Độ nghi tịnh: Hiểu biết thấu đáo không còn ngờ vực;
- 5) Phân biệt đạo tịnh: Phân biệt rõ ràng tà đạo, chánh đạo;
- 6) Hành đoạn tri kiến tịnh: Tri kiến thật, hành thiện pháp, các ác pháp bị đoạn trừ, được thanh tịnh sáng suốt;
- 7) Niết Bàn tịnh: Chứng được Niết Bàn xa lìa mọi cấu nhiễm.

20. Ngũ thông: Lục thông trừ lậu tận thông. Đã giải nơi phẩm II số 24.

21. Bát chánh: Giải ở phẩm II số 26 trong mục 37 phẩm trợ đạo phần sau.

22. Thượng phục: Đồ y phục quý đẹp. Đoạn này, ý nói lấy sự hổ thẹn để ngăn ngừa lỗi quấy, cũng như đồ y phục che được gió lạnh vậy.

23. Bảy cửa báu: 1) Tín, 2) Giới, 3) Văn, 4) Xả, 5) Tuệ, 6) Tàm, 7) Quý. Do tin pháp lành nên mới giữ giới. Do giữ giới thì ngăn được các việc ác, việc ác đã dứt, việc lành mới tinh tấn làm thêm. Nhưng tinh tấn làm việc lành cốt do sự học rộng nghe nhiều. Có nghe nhiều đạo pháp, thì tâm niệm mới xả bỏ không còn chấp trước: Do xả bỏ nên trí tuệ phát sanh. Còn tàm và quý cũng như hai người phụ lực để thành tựu 5 pháp trên.

24. Bốn thứ ma:

- 1) Phiền não ma: tham, sân, si v.v... hay làm não hại thân tâm.
- 2) Ám ma: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, 5 ám đó thường sanh các thứ khổ não.
- 3) Tử ma: chết hay đoạn tuyệt mạng căn của người.
- 4) Thiên ma: Ma Vương ở trên tầng trời Tha hóa tự tại thứ 6 của Dục giới, hay làm hại mất việc phúc thiện của người đời.

## IX. PHẪM VÀO “PHÁP MÔN KHÔNG HAI” (1)

Bấy giờ ông Duy Ma Cật bảo các vị Bồ Tát rằng:

- Các Nhân giả! Thế nào là Bồ Tát vào “pháp môn không hai”? Cứ theo chỗ thích của mình mà nói.

Trong Pháp hội có Bồ Tát tên là Pháp Tụ Tại nói:

- Các Nhân giả! “Sanh”, “diệt” là hai. Pháp vốn không sanh, cũng không diệt, đặng vô sanh pháp nhẫn, đó là vào “pháp môn không hai”.

Bồ Tát Đức Thủ nói:

- “Ngã”, “ngã sở” là hai. Nhân có ngã mới có ngã sở, nếu không có ngã thời không có ngã sở đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Bất Thuần nói:

- “Thọ”, “không thọ”(2) là hai. Nếu các pháp không thọ thời không có “được”, vì không có “được”, nên không thủ xả, không gây không làm đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Đức Đánh nói:

- “Nhơ”, “sạch” là hai. Thấy được tánh chơn thật của nhơ, thời không có tướng sạch, thuận theo tướng diệt, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Thiện Túc nói:

- “Động”, “niệm” là hai. Không động thời không niệm, không niệm thời không phân biệt; thông suốt lý ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Thiện Nhãn nói:

- “Một tướng”, “Không tướng”(3) là hai. Nếu biết một tướng tức là không tướng, cũng không chấp không tướng mà vào bình đẳng, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Diệu Tý nói:

- Tâm Bồ Tát, tâm Thanh Văn là hai. Quán tướng của tâm vốn không, như huyễn như hóa, thời không có tâm Bồ Tát, không có tâm Thanh Văn, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Phát Sa nói:

- “Thiện”, “bất thiện” là hai. Nếu không khởi thiện và bất thiện, vào gốc không tướng mà thông suốt được, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Sư Tử nói:

- “Tội”, “phước” là hai. Nếu thông đạt được tánh của tội, thì tội cùng phước không khác, dùng tuệ kim cương quyết liễu tướng ấy, không buộc không mở, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Sư Tử Ý nói:

-“Hữu lậu”, “vô lậu” là hai. Nếu chứng được các pháp bình đẳng thời không có tướng hữu lậu và vô lậu, không chấp có tướng cũng không chấp vô tướng, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Tịnh Giải nói:

- “Hữu vi”, “vô vi” là hai. Nếu liả tất cả số thời tâm như hư không, dùng tuệ thanh tịnh không có chướng ngại, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Na La Diên nói:

- “Thế gian”, “xuất thế gian” là hai. Tánh thế gian không tức là xuất thế gian, trong đó không vào không ra, không đầy không vơi, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Thiện ý nói:

- “Sanh tử”, “Niết bàn” là hai. Nếu thấy được tánh sanh tử thời không có sanh tử, không buộc không mở, không sinh không diệt, hiểu như thế đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Hiện Kiến nói:

- “Tận”, “không tận” là hai. Pháp đến chỗ rốt ráo thời tận hoặc không tận đều là tướng “vô tận”. Tướng “vô tận” tức là không, không thời không có tướng tận và không tận, được như thế đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Phổ Thủ nói:

- “Ngã”, “vô ngã” là hai. “Ngã” còn không có, thời “phi ngã” đâu có được. Thấy được thật tánh của ngã không còn có hai tướng, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Điền Thiên nói:

- “Minh”, “vô minh” là hai. Thật tánh vô minh tức là minh, minh cũng không thể nhận lấy, lìa tất cả số, ở đó bình đẳng không hai, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Hỷ Kiến nói:

- “Sắc”, “Không” là hai. Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt rồi mới không, tánh sắc tự không; thọ, tưởng, hành, thức cũng thế.

Thức và không là hai. Thức tức là không, chẳng phải thức diệt rồi mới không, tánh thức tự không. Thông hiểu lý đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Minh Tướng nói:

- “Tứ đại” khác (4) “không đại” khác là hai. Tánh tứ đại tức là tánh không đại, như lớp trước lớp sau không, thời lớp giữa cũng không. Nếu biết được thật tánh các đại thời đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Diệu Ý nói:

- “Con mắt”, “sắc trần” là hai. Nếu biết được tánh của mắt thời đối với sắc không tham, không sân, không si, tức là tịch diệt. Tai với tiếng, mũi với hương, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp cũng là hai. Nếu biết được tánh của ý thời đối với pháp không tham, không sân, không si tức là tịch diệt. Nhận như thế đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Vô Tận Ý nói:

- “Bồ thí”, “hồi hướng nhưэт thiết trí” là hai. Tánh bồ thí tức là tánh hồi hướng nhưэт thiết trí. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, hồi hướng nhưэт thiết trí cũng là hai. Tánh trí tuệ tức là tánh hồi hướng nhưэт thiết trí, ở trong đó vào “một tướng” là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Thâm Tuệ nói:

- “Không”, “vô tướng”, “vô tác” là hai. Không tức là vô tướng, vô tướng tức là vô tác. Nếu không vô tướng, vô tác thời không có



tâm, ý thức. Một món giải thoát là ba món giải thoát, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Tịch Căn nói:

- “Phật”, “Pháp”, “Chúng” (Tăng) là hai. Phật tức là Pháp, Pháp tức là Chúng. Ba ngôi báu ấy đều là tướng vô vi, cũng như hư không. Tất cả pháp cũng vậy, theo được hạnh ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Tâm Vô Ngại nói:

- “Thân”. “thân diệt” là hai. Thân tức là thân diệt. Vì sao? Thấy thật tướng của thân thời không thấy thân và thân diệt. Thân và thân diệt không hai, không khác, theo đó chẳng kinh chẳng sợ là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Thượng Thiện nói:

- “Thân thiện”, “khẩu thiện”, “ý thiện” là hai. Ba nghiệp này là tướng “vô tác”. Tướng vô tác của thân tức là tướng vô tác của khẩu, tướng vô tác của khẩu tức là tướng vô tác của ý. Tướng vô tác của ba nghiệp này tức là tướng vô tác của tất cả pháp. Tùy thuận trí tuệ vô tác như thế là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Phước Điền nói:

- Làm phước (5) làm tội (6), làm bất động là hai. Thật tánh của ba việc làm tức là “không”, “không” thời không làm phước, không làm tội, không làm bất động. Ở ba việc làm này mà không khởi là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Hoa Nghiêm nói:

- Do “ngã” mà khởi ra hai là hai. Thấy được thật tướng của “ngã”, thời không khởi ra hai pháp. Nếu không trụ hai pháp thời không có “thức”. Không có thức là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Đức Tạng nói:

- Có tướng “sở đắc” là hai. Nếu không có sở đắc thời không có lấy bỏ. Không lấy bỏ là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Nguyệt Thượng nói:

- “Tối”, “sáng” là hai. Không tối, không sáng thời không có hai. Vì sao? Như vào định diệt thọ tưởng thời không có tối, không có sáng. Tất cả pháp tướng cũng như thế; bình đẳng vào chỗ ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Bảo ấn Thủ nói:

- Ưa Niết bàn, không ưa thế gian là hai. Nếu không ưa Niết bàn, không chán thế gian thời không có hai. Vì sao? Nếu có buộc thời có mở, nếu không buộc thì nào có cầu mở. Không buộc, không mở, thời không ưa, không chán, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ Tát Châu Đảnh Vương nói:

- “Chánh đạo”, “tà đạo” là hai, ở chánh đạo thời không phân biệt thế nào là Tà, thế nào là Chánh, lìa hai môn phân biệt đó là vào Pháp môn không hai.

Bồ Tát Nhạo Thật nói:

- “Thực”, “Không thực” là hai. Thực thấy còn không thấy thực, hưởng là không thực thấy. Vì sao? Không phải mắt thịt mà thấy

được, chỉ có mắt tuệ mới thấy được. Nhưng mắt tuệ không có thấy mà chỗ nào cũng thấy cả, đó là vào pháp môn không hai.

Các Bồ Tát nói như thế rồi, hỏi Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng:

- Thế nào là Bồ Tát vào pháp môn không hai?

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói:

- Như ý tôi đối với tất cả pháp không nói, không rằng, không chỉ, không biết, xa lìa các vấn đáp, đó là vào pháp môn không hai.

Khi đó Ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

- Chúng tôi ai ai cũng nói rồi, đến lượt Nhân giả nói thế nào là Bồ Tát vào pháp môn không hai?

Ông Duy Ma Cật im lặng không nói. Ngài Văn Thù Sư Lợi khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Cho đến không có văn tự ngữ ngôn, đó mới thật là vào pháp môn không hai.

Khi nói phạm vào Pháp Môn Không Hai này, trong chúng có năm nghìn Bồ Tát đều vào pháp môn không hai, chúng Vô sanh Pháp nhẫn.

## Chú thích của phẩm IX

1. Pháp môn không hai: “Không hai” là lý thể chơn thật duy nhất, ly tướng vắng lặng như như bĩnh đẳng, không có kia, đây, sai khác. Pháp môn: là pháp tắc khuôn mẫu của Phật đạo, các bậc Hiền Thánh đều nương theo đó mà nhập đạo. Bồ tát ngộ vào lý nhất thật bĩnh đẳng, gọi là vào “pháp môn không hai”.

2. Thọ, không thọ: Thọ là có xúc đối lãnh thọ chấp tướng thuộc hữu lậu. Không thọ là không lãnh thọ chấp tướng thuộc vô lậu.

3. Một tướng, không tướng: Một tướng là đối với 2, 3 mà nói. Hai, ba, là những cái sai khác, một là nghĩa không sai khác. Thật tướng của vũ trụ là một chứ không hai; sở dĩ nói “một” cũng chỉ là mượn mà nói, chứ thật “một” ấy cũng là tuyệt đối, là không, nên cũng tức là không tướng. Nhưng nếu nghe nói “một” nói “không” mà không biết là lời nói để phá chấp hai, chấp có, trở lại chấp có một tướng cũng thành ra hai vậy.

4. Tứ đại khác: Tức là bốn đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong khác với hư không, vì 4 đại có chất ngại, hư không không chất ngại nên khác nhau.

5. Làm phước: Làm những công hạnh phước thiện trong cõi dục.

6. Làm tội: Làm 10 nghiệp chẳng lành. Thân có ba nghiệp chẳng lành: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm; Miệng có 4: Nói dối, nói thêu dệt, nói lời chia rẽ, nói lời thô ác; Ý có 3: Tham lam bôn sẻn, hờn giận ganh ghét, si mê tà kiến.

7. Làm bất động: Tu những hạnh nghiệp thiên định theo cõi trời Sắc và Vô Sắc giới.

## X. PHẨM PHẬT HƯƠNG TÍCH

Ông Xá Lợi Phát tâm nghĩ rằng: “Giờ ăn gần đến, các Bồ Tát đây sẽ thọ thực nơi đâu?”

Ông Duy Ma Cật biết ý đó bảo ngay rằng:

- Phật nói 8 món giải thoát, Nhân giả đã vâng làm, đâu có xen cái tâm muốn ăn mà nghe pháp ư? Nếu muốn ăn, hãy đợi giây lát, tôi sẽ hiến Ngài bữa ăn chưa từng có. Ông Duy Ma Cật liền nhập chánh định, dùng sức thần thông hiện bày cho đại chúng thấy rõ cảnh giới phương trên, qua khỏi 42 số cát sông Hằng cõi Phật có nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích nay vẫn hiện tại. Mùi hương ở nước ấy so với mùi hương của Trời, người và các cõi Phật ở mười phương nó thơm hơn hết. Nước ấy không có tên Thanh Văn và Bích Chi Phật, chỉ có chúng Đại Bồ Tát thanh tịnh được Phật nói pháp cho nghe. Nước ấy tất cả đều dùng chất hương làm lâu các hoa viên, đi kinh hành trên đất hương, mùi hương của cơm lan khắp 10 phương vô lượng thế giới.

Lúc đó Phật Hương Tích cùng các Bồ Tát đang ngồi ăn, có các vị Thiên tử đồng tên là Hương Nghiêm đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cúng dường Phật và các Bồ Tát. Cả đại chúng bên cõi (Ta bà) này đều thấy rõ tận mặt.

Khi ấy ông Duy Ma Cật hỏi các Bồ Tát rằng:

- Thưa các Nhân giả, vị nào có thể đến thỉnh cơm của Phật kia được?

Vì nương theo sức oai thần của Văn Thù Sư Lợi mà các vị Bồ Tát thấy đều lặng thinh. Ông Duy Ma Cật nói rằng:

- Các Nhân giả không hổ thẹn sao?

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói:

- Theo như lời Phật nói: “Chớ nên khinh người chưa học”.

Khi đó ông Duy Ma Cật ngồi yên một chỗ, trước chúng hội hóa ra một vị Bồ Tát tướng tốt rực rỡ, oai đức thù thắng hơn cả đại chúng. Ông bảo vị Hóa Bồ Tát ấy rằng:

- Ông hãy qua cảnh giới phương trên, khỏi 42 số cát sông Hằng cõi Phật, có nước tên là Chúng Hương, Phật hiệu là Hương Tích và các Bồ Tát đang ngồi ăn, ông qua đó y theo lời tôi mà thưa rằng: “Duy Ma Cật xin cúi đầu lễ dưới chơn Thế Tôn, cung kính không cùng và thăm hỏi Thế Tôn hằng ngày khởi cư ít bệnh, ít não, sức khỏe được an chăng? Nguyện được món cơm thừa của Thế Tôn đem về cõi Ta bà làm việc Phật, để cho những người ưa pháp nhỏ được pháp lớn và để cho tiếng tăm của Như Lai được khắp tất cả”.

Lúc đó Hóa Bồ Tát liền ở trước hội bay lên phương trên, cả đại chúng đều thấy Hóa Bồ Tát ấy đi đến nước Chúng Hương lễ dưới chơn Phật và nghe tiếng thưa rằng: “Duy Ma Cật xin cúi đầu lễ dưới chơn Thế Tôn, cung kính không cùng và thăm hỏi Thế Tôn hằng ngày khởi cư ít bệnh, ít não, sức khỏe được an chăng? Nguyện được món cơm thừa của Thế Tôn đem về cõi Ta bà làm việc Phật, để cho những người ưa pháp nhỏ được pháp lớn và để cho tiếng tăm của Như Lai được khắp tất cả”.

Các Đại Sĩ nước Chúng Hương thấy vị Hóa Bồ Tát đều ngợi khen chưa từng có và nghĩ rằng: “Thượng nhơn này từ đâu mà

đến? Cõi Ta bà ở đâu? Sao gọi là ư pháp nhỏ. Liền đem việc ấy hỏi Phật”.

Phật bảo rằng:

- Phương dưới, qua khỏi 42 số cát sông Hằng cõi Phật, có cõi nước tên là Ta bà, Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, nay hiện tại ở đời ác năm trước vì những chúng sanh ư pháp nhỏ mà diễn nói đạo giáo. Cõi Ta bà có Bồ Tát tên Duy Ma Cật ở cảnh giới giải thoát bất khả tư nghị đang nói pháp cho các vị Bồ Tát, nên sai vị Hóa Bồ Tát này đến khen ngợi danh hiệu Ta và tán thán cõi này để làm cho các Bồ Tát kia được thêm nhiều công đức.

Các Bồ Tát nước Chúng Hương thưa rằng:

- Vị đó như thế nào mà biến hiện ra vị Hóa Bồ Tát này có đức lực vô úy, thần túc như thế?

Phật nói:

- Thật lớn. Ông thường sai Hóa Bồ Tát đi đến khắp mười phương làm việc Phật, lợi ích chúng sanh.

Khi đó Phật Hương Tích lấy cái bát ở nước Chúng Hương đựng đầy cơm thơm trao cho Hóa Bồ Tát. Bảy giờ chín trăm vạn Bồ Tát ở nước Chúng Hương đồng thanh thưa rằng:

- Chúng con muốn đến cõi Ta bà để cúng dường Phật Thích Ca Mâu Ni và ra mắt ông Duy Ma Cật cùng các hàng Bồ Tát.

Phật bảo:

- Được, nên đi. Nhưng phải giữ thân hương của các ông, chớ để cho chúng sanh cõi kia sanh tâm mê đắm, và phải bỏ hình thể cũ

của các ông, chớ để những người cầu đạo Bồ Tát ở nước kia phải tự hổ thẹn. Các ông đến cõi Ta bà chớ đem lòng khinh chê mà tâm có ngại. Vì sao? Mười phương cõi nước đều như hư không, Chư Phật vì muốn hóa độ những người ưa pháp nhỏ nên không hiện ra toàn cõi thanh tịnh.

Khi ấy, Hóa Bồ Tát đã lãnh bát cơm rồi, cùng với chín trăm vạn Bồ Tát thừa oai thần của Phật và thần lực của ông Duy Ma Cật đang ở nước Chúng Hương bỗng nhiên biến mất, trong khoảnh khắc về đến nhà ông Duy Ma Cật.

Lúc ấy, ông Duy Ma Cật hóa ra chín trăm vạn tòa sư tử trang nghiêm tốt đẹp như trước, các Bồ Tát đều đến ngồi nơi tòa ấy. Hóa Bồ Tát liền đem cái bát đựng đầy cơm thơm dâng lên cho ông Duy Ma Cật, mùi thơm xông khắp thành Tỳ Da Ly và cõi tam thiên đại thiên thế giới.

Lúc đó trong thành Tỳ Da Ly, các Bà la môn, cư sĩ nghe mùi hương này, thân tâm thư thối ngợi khen chưa từng có. Khi ấy Trưởng giả chủ(1) Nguyệt Cái đem theo tám vạn bốn nghìn người đi đến nhà ông Duy Ma Cật, thấy trong nhà các Bồ Tát rất đông và những tòa sư tử cao rộng trang nghiêm ai nấy thấy đều vui mừng, đánh lễ các Bồ Tát và đại đệ tử rồi đứng qua một phía. Các vị thần ở đất, thần ở hư không và các vị trời ở cõi Dục, cõi Sắc nghe mùi thơm này cùng đều đến nhà ông Duy Ma Cật.

Bấy giờ ông Duy Ma Cật bảo ông Xá Lợi Phất và các vị Đại Thanh Văn rằng:

- Nay các Nhân giả, dùng cơm vị cam lồ của Như Lai do đại bi huân tập, đừng đem ý có hạn lượng mà ăn thì không tiêu được.



Có các Thanh Văn khác nghĩ rằng: “Cơm này ít lắm mà đại chúng người nào cũng phải ăn!”.

Hóa Bồ Tát nói:

- Chớ đem trí hẹp đức nhỏ của Thanh Văn mà đo lường phúc tuệ vô lượng của Như Lai. Bốn bể còn có thể cạn, chớ cơm này không khi nào hết. Dầu cho tất cả người đều ăn mỗi vắt lớn như núi Tu di cho đến một kiếp cũng không hết được. Vì sao? – Vì là món ăn dư của đấng đầy đủ công đức, vô tận giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, không bao giờ hết được.

Khi đó, với bát cơm ấy chúng hội đều no đủ mà cũng vẫn còn. Các Bồ Tát, Thanh Văn, Trời, người ăn cơm đó rồi thân thể nhẹ nhàng vui vẻ ví như các Bồ Tát ở cõi nước Nhứt thiết lạc trang nghiêm, và các lỗ chun lông thoảng ra mùi hương bát ngát cũng như mùi hương các cây ở nước Chúng Hương.

Bấy giờ ông Duy Ma Cật hỏi các vị Bồ Tát ở nước Chúng Hương rằng:

- Phật Hương Tích lấy chi để nói pháp?

Các Bồ Tát kia đáp:

- Phật cõi tôi không dùng văn tự để nói, chỉ dùng các mùi hương làm cho các Trời, người được luật hạnh. Các Bồ Tát đều ngồi dưới cây hương, nghe mùi hương màu nhiệm ấy đều được tam muội Nhứt thiết đức tạng. Được tam muội ấy đều được đầy đủ tất cả công đức của Bồ Tát.

Các Bồ Tát kia hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

- Còn Phật Thích Ca Mâu Ni lấy gì để nói pháp?

Ông Duy Ma Cật nói:

- Chúng sanh cõi này càng cường khó giáo hóa, cho nên Phật nói những lời càng cường để điều phục họ. Nói đó là địa ngục; đó là súc sanh; đó là ngạ quỷ; đó là chỗ nạn; đó là chỗ người ngu sanh; đó là thân làm việc tà; đó là quả báo của thân làm việc tà; đó là miệng làm việc tà; đó là quả báo của miệng làm việc tà; đó là ý làm việc tà, đó là quả báo của ý làm việc tà; đó là sát sanh, đó là quả báo của sát sanh; đó là không cho mà lấy; đó là quả báo của không cho mà lấy; đó là tà dâm, đó là quả báo của tà dâm; đó là vọng ngữ, đó là quả báo của vọng ngữ; đó là hai lưỡi, đó là quả báo của hai lưỡi; đó là lời nói ác, đó là quả báo của lời nói ác; đó là lời nói vô nghĩa, đó là quả báo của lời nói vô nghĩa; đó là tham lam, ganh ghét, đó là quả báo của tham lam, ganh ghét; đó là tức giận, đó là quả báo của tức giận; đó là tà kiến, đó là quả báo của tà kiến; đó là bòn sẻn, đó là quả báo của bòn sẻn; đó là phá giới, đó là quả báo của phá giới; đó là giận hờn, đó là quả báo của giận hờn; đó là lười biếng, đó là quả báo của lười biếng; đó là ý tán loạn, đó là quả báo của ý tán loạn; đó là ngu si, đó là quả báo của ngu si; đó là kiết giới, đó là giữ giới, đó là phạm giới; đó là nên làm, đó là không nên làm; đó là chướng ngại, đó là không chướng ngại; đó là mắc tội, đó là khỏi tội; đó là tịnh, đó là nhơ; đó là hữu lậu, đó là vô lậu; đó là tà đạo, đó là chánh đạo; đó là hữu vi, đó là vô vi; đó là thế gian, đó là Niết bàn, vì những người khó giáo hóa lòng như khỉ vượn, nên dùng bao nhiêu pháp để chế ngự lòng họ, mới có thể điều phục được. Ví như voi, ngựa ngang trái không điều phục được, phải thêm đánh đập dữ tợn cho đến thấu xương rồi mới điều phục được. Chúng sanh càng cường khó giáo hóa cũng thế, nên phải dùng tất cả những lời khổ thiết mới có thể đưa họ vào khuôn khổ (luật hạnh).

Các Bồ Tát nước Chúng Hương kia nghe rồi nói rằng:

- Thật chưa từng có! Như Phật Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn ẩn cái sức tự tại vô lượng của Ngài mà dùng những phương pháp sở thích của người nghèo hèn để độ thoát chúng sanh. Các Bồ Tát đây cũng chịu khổ sở, nhún nhường, dùng lòng đại bi vô lượng để sanh vào cõi Phật này.

Ông Duy Ma Cật nói:

- Bồ Tát ở cõi này đối với chúng sanh, lòng đại bi bền chắc thật đúng như lời các Ngài đã ngợi khen. Mà Bồ Tát ở cõi này lợi ích cho chúng sanh trong một đời còn hơn trăm nghìn kiếp tu hành ở cõi nước khác. Vì sao? Vì cõi Ta bà này có mười điều lành mà các Tịnh độ khác không có. Thế nào là mười? 1) Dùng bố thí để nhiếp độ kẻ nghèo nàn; 2) Dùng tịnh giới để nhiếp độ người phá giới; 3) Dùng nhẫn nhục để nhiếp độ kẻ giận dữ; 4) Dùng tinh tấn để nhiếp độ kẻ giải đãi; 5) Dùng thiền định để nhiếp độ kẻ loạn ý; 6) Dùng trí tuệ để nhiếp độ kẻ ngu si; 7) Nói pháp trừ nạn để độ kẻ bị tám nạn; 8) Dùng pháp đại thừa để độ kẻ ưa pháp tiểu thừa; 9) Dùng các pháp lành để cứu tế người không đức; 10) Thường dùng tứ nhiếp để thành tựu chúng sanh.

Các Bồ Tát kia hỏi:

- Bồ Tát phải thành tựu mấy pháp ở nơi cõi này làm không làm lỗi, được sanh về cõi Tịnh độ?

Ông Duy Ma Cật đáp:

- Bồ Tát thành tựu 8 pháp thời ở cõi này làm không làm lỗi, được sanh về cõi Tịnh độ – Tám pháp là gì? 1.- Lợi ích chúng sanh mà không mong báo đáp. 2.- Thay thế tất cả chúng sanh chịu mọi

điều khổ não. 3.- Bao nhiêu công đức mình làm đều ban cho tất cả chúng sanh. 4.- Lòng bình đẳng đối với chúng sanh khiêm nhường không ngại, đối với Bồ Tát xem như Phật. 5.- Những kinh chưa nghe, nghe không nghi. 6.- Không chống trái với hàng Thanh Văn. 7.- Thấy người được cúng dường cũng không tật đố, không khoe những lợi lộc của mình, ở nơi đó mà điều phục tâm mình. 8.- Thường xét lỗi mình, không nói đến lỗi của người, hằng nhứt tâm cầu các công đức.

Ông Duy Ma Cật và Ngài Văn Thù Sư Lợi nói pháp này rồi, ở trong đại chúng có cả trăm nghìn Trời, người đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mười nghìn Bồ Tát chứng đặng Vô sanh pháp nhẫn.

## Chú thích của phẩm X

1. Trưởng giả chủ: Vị trưởng giả này được công chúng suy tôn làm chủ tể quản trị trong nước. Theo ngài Tăng Triệu giải: vì ở thời kỳ đó trong nước không có vua chúa, nên 500 vị trưởng giả kia mới suy tôn ông Nguyệt Cái làm chủ trong nước, nên gọi là Trưởng giả chủ.

## XI. PHẨM HẠNH BỒ TÁT

Khi đó, Phật nói pháp nơi vườn cây Am la, vườn ấy bỗng nhiên rộng rãi trang nghiêm, tất cả đại chúng trong pháp hội đều trở thành sắc vàng.

Ông A Nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn? Vì nhơn duyên gì mà có điềm lành này, vườn đây bỗng nhiên rộng rãi trang nghiêm, tất cả chúng hội đều trở thành sắc vàng?

Phật bảo:

- Nay A Nan! Đây là Duy Ma Cật, Văn Thù Sư Lợi cùng cả đại chúng cung kính vây quanh phát tâm muốn đến, nên trước hiện điềm lành này.

Lúc đó ông Duy Ma Cật nói với Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng:

- Chúng ta nên cùng nhau đến ra mắt Phật để cho các Bồ Tát đánh lễ cúng dường Thế Tôn.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói:

- Hay thay! Nay chính là lúc nên đi.

Ông Duy Ma Cật dùng sức thần thông đem cả đại chúng và các tòa sư tử để trên tay hữu đi đến chỗ Phật. Khi đến rồi ông để xuống đất, cúi đầu lễ dưới chơn Phật, đi quanh phía hữu bảy vòng, một lòng chấp tay đứng sang một bên. Các Bồ Tát kia liền xuống toà đến cúi đầu lễ dưới chơn Phật, cũng đi quanh bảy vòng rồi đứng sang một bên. Các Đại đệ tử, Đế Thích, Phạm

Thiên, Tứ Thiên Vương cả thầy cũng đều xuống tòa cúi đầu lễ dưới chơn Phật đứng qua một bên.

Bấy giờ Thế Tôn như pháp an ủi hỏi thăm các Bồ Tát rồi, bảo ngồi lại chỗ cũ. Cả chúng đều vâng lời dạy.

Khi chúng ngồi xong, Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất rằng:

- Ông có thấy thần lực tự tại của Bồ Tát đại sĩ làm đó chăng?
- Dạ con đã thấy.
- Ý ông nghĩ sao?
- Bạch Thế Tôn! Con thấy các việc làm ấy không thể nghĩ bàn, không phải lấy ý mà tính được, không phải suy nghĩ mà lường được.

Ông A Nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Mùi hương con nghe đây từ xưa chưa từng có, đó là mùi hương chi?

Lúc đó ông Xá Lợi Phất nói với ông A Nan rằng:

- Lỗ churen lông của chúng tôi cũng có mùi hương ấy!

Ông A Nan nói:

- Mùi hương ấy ở đâu đến?

Ông Xá Lợi Phất nói:

- Đây là Trưởng giả Duy Ma Cật xin cơm thừa của Phật ở nước Chúng Hương đem về ăn nơi nhà ông, nên tất cả lỗ churen lông đều ra mùi hương như thế.

Ông A Nan hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

- Mùi hương đó còn được bao lâu?

Ông Duy Ma Cật nói:

- Đến khi cơm đó tiêu.

- Cơm đó bao lâu mới tiêu?

- Thế lực cơm đó đến bảy ngày mới tiêu - Lại nữa A Nan! Những Thanh Văn chưa vào chánh vị, ăn cơm đó đến khi vào chánh vị rồi mới tiêu. Đã vào chánh vị, ăn cơm đó đến khi tâm giải thoát rồi mới tiêu. Chưa phát tâm Đại thừa ăn cơm đó đến khi phát tâm Đại thừa rồi mới tiêu, đã phát tâm Đại thừa ăn cơm đó khi được Vô sanh nhẫn rồi mới tiêu. Đã được Vô sanh nhẫn ăn cơm đó đến khi Nhứt sanh bổ xứ(1) rồi mới tiêu. Ví như có món thuốc tên là thượng vị, người uống vào trừ hết các độc trong thân rồi mới tiêu. Cơm này cũng vậy, khi trừ hết tất cả độc phiền não rồi mới tiêu.

Ông A Nan bạch Phật:

- Thật chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Như món cơm thơm ấy có thể làm Phật sự?

Phật nói:

- Đúng thế, đúng thế! A Nan! Hoặc có cõi Phật lấy ánh sáng của Phật mà làm Phật sự; có cõi lấy Bồ Tát mà làm Phật sự; có cõi lấy người của Phật hóa ra mà làm Phật sự; có cõi lấy cây Bồ Đề mà làm Phật sự; có cõi lấy y phục ngọa cụ của Phật mà làm Phật sự; có cõi lấy cơm ăn mà làm Phật sự; có cõi lấy vườn rừng, lâu đài nhà cửa làm Phật sự; có cõi lấy 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp mà



làm Phật sự; có cỡi lấy thân Phật mà làm Phật sự; có cỡi lấy hư không mà làm Phật sự; chúng sanh theo duyên đó mà vào luật nghi. Có cỡi lấy mộng, huyền, bóng, vang, tượng trong gương, trăng dưới nước, ánh nắng dợn, các thí dụ như thế mà làm Phật sự; có cỡi lấy tiếng tăm, lời nói, văn tự mà làm Phật sự; hoặc có cỡi lấy Phật thanh tịnh vắng lặng, không nói không rằng, không chỉ không biết, không tạo không tác mà làm Phật sự. Như thế A Nan! Những oai nghi tán chỉ, các việc thi vi của chư Phật đều là Phật sự cả.

A Nan! Có bốn ma và tám muôn bốn nghìn phiền não mà chúng sanh phải bị nhọc nhằn mỗi mạt. Chư Phật lại dùng các pháp ấy mà làm Phật sự, đó gọi là vào pháp môn của tất cả chư Phật. Bồ Tát vào môn này hoặc thấy tất cả cỡi Phật nghiêm tịnh không lấy làm mừng, không ham muốn, không cao hãnh; hoặc thấy tất cả cỡi Phật bất tịnh cũng không lo, không ngại, không bỏ qua, chỉ phải ở nơi Chư Phật sanh tâm thanh tịnh, vui mừng cung kính khen ngợi chưa từng có. Chư Phật Như Lai công đức bình đẳng, vì giáo hóa chúng sanh mà hiện ra các cỡi Phật không đồng.

A Nan! Ông thấy cỡi nước của chư Phật, đất có bao nhiêu mà hư không không bao nhiêu? Như thế, thấy sắc thân chư Phật, thân có bao nhiêu mà trí tuệ không ngại thì không có bao nhiêu? A Nan! Sắc thân chư Phật, oai tướng, chủng tánh, giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực, vô sở úy, các pháp bất cộng, đại từ đại bi, giữ oai nghi, thọ mạng, nói pháp giáo hóa thành tựu chúng sanh, nghiêm tịnh cỡi Phật, đủ các pháp Phật, thấy đều đồng đẳng, cho nên gọi là: “Tam Miệu Tam Phật Đà”(2) gọi là “Đa Đà A Đà Độ”(3) gọi là “Phật Đà”(4) – A Nan! Nếu ta nói đủ nghĩa ba câu này, dầu suốt đời của ông cũng không lãnh thọ hết được.

Giả sử chúng sanh đầy dẫy trong cõi tam thiên đại thiên thế giới như A Nan đa văn thứ nhứt, được niệm tổng trì, những người đó suốt cả đời cũng không lãnh thọ được. Như thế A Nan! Chư Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không có hạn lượng, trí tuệ biện tài không thể nghĩ bàn.

A Nan bạch Phật rằng:

- Dạ! Con từ nay về sau không dám tự cho mình là đa văn nữa.

Phật bảo A Nan:

- Chớ nên khởi tâm thối lui, vì sao? – Ta nói ông đa văn hơn hết trong hàng Thanh Văn chớ không phải nói với hàng Bồ Tát. Hãy thôi A Nan! Người có trí không nên so sánh với các hàng Bồ Tát. Biển sâu còn có thể dò được, chớ thiên định, trí tuệ, tổng trì, biện tài, tất cả công đức của Bồ Tát không thể đo lường được. A Nan! Các ông hãy để riêng việc Bồ Tát ra. Duy Ma Cật đây hiện bày sức thần thông trong một lúc mà tất cả hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật trải trăm nghìn kiếp tận lực biến hóa đều không làm được.

Bây giờ các Bồ Tát ở nước Chúng Hương đến đó, chấp tay bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con khi mới thấy cõi này, tâm tưởng cho là hạ liệt, nay chúng con tự hối trách bỏ tâm ấy. Vì sao? Phương tiện chư Phật không thể nghĩ bàn, vì độ thoát chúng sanh nên theo chỗ nhu cầu như thế nào mà hiện ra cõi Phật như thế ấy. Dạ, bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn ban chút ít pháp cho chúng con để trở về cõi kia được nhớ nghĩ đến Như Lai.

Phật bảo các Bồ Tát rằng:

- Có pháp môn “tận, vô tận giải thoát” các ông nên học.

Sao gọi là “tận”? Nghĩa là pháp hữu vi.

Sao gọi là “vô tận”? Nghĩa là pháp vô vi. Như Bồ Tát thời không tận hữu vi, không trụ vô vi.

Sao gọi là “không tận hữu vi”? Nghĩa là không lìa đại từ, không bỏ đại bi, sâu phát tâm cầu nhưt thiết trí mà không khinh bỏ, giáo hóa chúng sanh quyết không nhàm chán; đối pháp tứ nhiếp thường nghĩ làm theo; giữ gìn chánh pháp không tiếc thân mạng; làm các việc lành không hề nhàm mỏi; chí thường để nơi phương tiện hồi hướng; cầu pháp không biếng trễ; nói pháp không lẫn tiếc; siêng cúng dường chư Phật; cố vào trong sanh tử mà không sợ sệt; đối việc vinh nhục lòng không lo không mừng; không khinh người chưa học; kính người học như Phật; người bị phiền não làm cho phát niệm chánh; cái vui xa lìa không cho là quý; không đắm việc vui của mình mà mừng việc vui của người; ở trong thiên đĩnh tưởng như địa ngục; ở trong sanh tử tưởng như vườn nhà; thấy người đến cầu pháp tưởng như thầy lành; bỏ tất cả vật sở hữu tưởng đủ nhưt thiết trí; thấy người phá giới, tâm nghĩ cứu giúp; các pháp ba la mật tưởng là cha mẹ; các pháp đạo phẩm tưởng là quyến thuộc; làm việc lành không có hạn lượng; đem các việc nghiêm sức ở các cõi Tịnh độ trau dồi cõi Phật của mình; thật hành bố thí vô hạn; đầy đủ tướng tốt, trừ tất cả điều xấu, trong sạch thân khẩu ý; nhiều số kiếp sanh tử mà lòng vẫn mạnh mẽ; nghe các Đức Phật quyết chí không mỏi; dùng gươm trí tuệ phá giấc phiền não, ra khỏi ám, giới, nhập(5); gánh vác chúng sanh để được hoàn toàn giải thoát; dùng sức đại tinh tấn phá dẹp quân ma; thường cầu vô niệm, thật tướng trí tuệ(6); thật hành ít muốn, biết đủ mà chẳng bỏ việc đời; không sai

oai nghi mà thuận theo thế tục; khởi tuệ thần thông dắt dẫn chúng sanh; đặng niệm tổng trì đã nghe không quên; khéo biết căn cơ dứt lòng nghi của chúng sanh, dùng nhạo thuyết biện tài(7) diễn nói pháp vô ngại; thanh tịnh mười nghiệp lành hưởng thọ phước trời người; tu bốn món vô lượng mở đường Phạm Thiên; khuyên thỉnh nói pháp, tùy hỷ ngợi khen điều lành, đặng tiếng tốt của Phật, thân, khẩu, ý trọn lành, đặng oai nghi của Phật; công phu tu tập pháp lành sâu dày càng tiến nhiều lên; đem pháp Đại thừa giáo hóa thành tựu Bồ Tát tăng, lòng không buông lung, không mất các điều lành. Làm các pháp như thế gọi là Bồ Tát không tận hữu vi.

Sao gọi là “không trụ vô vi”? Nghĩa là tu học môn “không”; không lấy không làm chỗ chứng; tu học môn “vô tướng”, “vô tác”, không lấy vô tướng, vô tác làm chỗ chứng; tu học pháp “vô sanh” không lấy vô sanh làm chỗ chứng; quán “vô thường” mà không nhằm việc lành; quán “thế gian là khổ” mà không ghét sanh tử; quán “vô ngã” mà dạy dỗ người không nhằm moi; quán “tịch diệt” mà không tịch diệt hẳn; quán xa lìa mà thân tâm tu các pháp lành; quán không chỗ về mà về theo pháp lành; quán vô sanh mà dùng pháp sanh để gánh vác tất cả; quán vô lậu mà không đoạn các lậu; quán không chỗ làm mà dùng việc làm để giáo hóa chúng sanh; quán Không Vô mà không bỏ đại bi; quán Chánh Pháp Vị(8) (chỗ chứng) mà không theo Tiểu thừa; quán các pháp hư vọng, không bền chắc, không nhân, không chủ, không tướng, bốn nguyện chưa mãn mà không bỏ phước đức thiên định trí tuệ. Tu các pháp như thế gọi là Bồ Tát không trụ vô vi.

Lại vì đủ các phước đức mà không trụ vô vi; vì đủ cả trí tuệ mà không tận hữu vi; vì đại từ bi mà không trụ vô vi; vì mãn bốn

nguyện mà không tận hữu vi; vì nhóm thuốc pháp mà không trụ vô vi; vì tùy bệnh cho thuốc mà không tận hữu vi; vì biết bệnh chúng sanh mà không trụ vô vi; vì dứt trừ bệnh chúng sanh mà không tận hữu vi. Các Bồ Tát chánh sĩ tu tập pháp này thời không tận hữu vi, không trụ vô vi, đó gọi là pháp môn “tận, vô tận giải thoát”, các ông cần phải học.

Bấy giờ các Bồ Tát nước Chúng Hương nghe Phật nói pháp này rồi hết sức vui mừng, đem các thứ hoa đủ màu sắc thơm tho rải khắp cõi tam thiên đại thiên cúng dường Phật và kinh pháp này cùng các Bồ Tát, rồi cúi đầu lễ dưới chân Phật ngợi khen chưa từng có, nói rằng: “Phật Thích Ca Mâu Ni mới có năng lực ở cõi này mà làm được phương tiện”. Nói rồi bỗng nhiên biến trở về nước Chúng Hương.

## Chú thích của phẩm XI

1. Nhứt Sanh bồ xứ: Bồ Tát chứng bực Đẳng giác rồi, chỉ còn một thời kỳ nữa là bồ xứ thành Phật. Như Bồ Tát Di Lạc hiện còn ở cung Đâu Suất một thời kỳ nữa sẽ bồ xứ thành Phật độ sanh nơi cõi Ta Bà này vậy.
2. Tam miếu tam Phật đà: Tàu dịch là Chánh biến giác. Trí liễu đạt thật tướng các pháp gọi là “Chánh”; hiểu biết cùng khắp các pháp sai biệt gọi là “Biến”; ra khỏi mộng sanh tử gọi là “Giác”.
3. Đa Đà A Đà Độ: Tàu dịch là Như Lai. Tự thể pháp thân chẳng động chẳng dời là Như. Trí quang chiếu khắp, bi tâm độ sanh là Lai.
4. Phật đà: Tàu dịch là Giác; Giác ngộ cứu cánh chân lý tuyệt đối
5. Âm, giới, nhập: 5 âm, 18 giới, 12 nhập.
6. Trí tuệ thật tướng vô niệm: Trí tuệ chứng thật tướng, lìa tất cả vọng niệm.
7. Nhạo thuyết biện tài: Đã giải nơi phẩm III số 38.
8. Chánh pháp vị: Quả vị chứng đắc đạo lý vô vi (Niết Bàn).

## XII. PHẪM THẦY PHẬT A SÚC(1)

Bấy giờ Thế Tôn hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

- Ông muốn thấy Như Lai thì lấy chi quán sát?

Ông Duy Ma Cật thưa:

- Như con quán thật tướng của thân, quán Phật cũng thế. Con quán Như Lai đời trước không đến, đời sau không đi, hiện tại không ở; không quán sắc, không quán sắc như, không quán sắc tánh; không quán thọ, tưởng, hành, thức, không quán thức như, không quán thức tánh; không phải tứ đại sinh, cũng như hư không; sáu nhập không tích tập, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm đã vượt qua; không ở ba cõi đã lìa ba cấu(2); thuận ba môn giải thoát; có đủ ba minh(3), cùng ngang vô minh, không một tướng, không khác tướng, không có tự tướng, không có tha tướng, không phải không tướng, không phải chấp tướng; không bờ bên này, không bờ bên kia, không giữa giòng mà hóa độ chúng sanh; quán tịch diệt cũng không diệt hẳn; không đây, không kia, không nương nơi đây, không nương nơi kia; không thể dùng trí mà hiểu được, không thể dùng thức mà biết được; không tối không sáng; không danh không tướng; không mạnh không yếu; không phải sạch, không phải nhơ; không ở phương sở, không lìa phương sở; không phải hữu vi, không phải vô vi; không bày không nói; không bố thí, không bỏn sẻn; không giữ giới, không phạm giới; không nhẫn, không giận; không tinh tấn, không giải đãi; không định, không loạn; không trí không ngu; không thật không dối; không đến không đi; không ra không vào; bất đường nói năng; không phải phước điền(4), không phải không phước điền; không phải xứng cúng dường(5), không phải không xứng cúng dường; không

phải thủ, không phải xả; không phải có tướng, không phải không tướng; đồng với chơn tế(6), bình đẳng như pháp tánh; không thể cân, không thể lường, quá các sự cân lường, không lớn không nhỏ; không phải thấy, không phải nghe; không phải giác, không phải tri; lìa các kiết phục, bình đẳng các trí, đồng với chúng sanh; đối các pháp không phân biệt; tất cả không tồn thất, không trước không nã, không tác không khởi, không sanh không diệt, không sợ không lo, không mừng không chán, không đã có, không sẽ có, không hiện có, không thể lấy tất cả lời nói phân biệt chỉ bày được, – Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai như thế, con quán cũng thế, nếu người nào quán theo đây gọi là chánh quán, quán khác gọi là tà quán.

Lúc ấy ông Xá Lợi Phất hỏi ông Duy Ma Cật rằng:

- Ông ở đâu chết rồi sinh nơi đây?

Ông Duy Ma Cật nói:

- Pháp của Ngài chứng đặng có chết rồi sinh không?

Ông Xá Lợi Phất nói:

- Không chết không sinh.

- Nếu các pháp không có tướng chết rồi sinh, tại sao Ngài lại hỏi: ông ở đâu chết rồi sinh nơi đây? - Ý Ngài nghĩ sao? Ví như hình nam nữ của nhà huyền thuật hóa ra có chết rồi sinh không?

Ông Xá Lợi Phất nói:

- Không có chết rồi sinh.

- Ngài không nghe Phật nói các pháp tướng như huyền đó sao?



- Có nghe thế.

- Nếu các pháp tướng như huyền thời tại sao Ngài hỏi rằng: ông ở đâu chết rồi sinh nơi đây? Ngài Xá Lợi Phất! Chết là cái tướng hoại bại của pháp hư dối, sinh là tướng tương tục của pháp hư dối, Bồ Tát dù chết không đứt mắt gốc lành, dầu sống không thêm các điều ác.

Bấy giờ Phật bảo ông Xá Lợi Phất:

- Có cõi nước tên là Diệu Hỷ, Phật hiệu là Vô Động, ông Duy Ma Cật này ở nước đó chết rồi sinh nơi đây.

Ông Xá Lợi Phất thưa:

- Chưa từng có vậy, Bạch Thế Tôn? Người này chịu bỏ cõi thanh tịnh mà thích đến chỗ nhiều oán hại!

Ông Duy Ma Cật nói với ông Xá Lợi Phất rằng:

- Ý Ngài nghĩ sao? Lúc ánh sáng mặt trời chiếu lên có hiệp với tối không?

- Không, ánh sáng mặt trời khi mọc lên thì không còn tối nữa.

Ông Duy Ma Cật hỏi:

- Mặt trời tại sao lại đi qua cõi Diêm Phù Đề?

- Muốn đem ánh sáng soi chiếu sự tối tăm cho cõi Diêm Phù Đề.

Ông Duy Ma Cật nói:

- Bồ Tát cũng thế, dù sanh cõi Phật bất tịnh cốt để hóa độ chúng sanh, chớ không có chung hiệp với kẻ ngu tối, cốt dứt trừ phiền não đen tối của chúng sanh mà thôi. Bấy giờ cả đại chúng khao

khát ngưỡng mong muốn thấy cõi nước Diệu Hỷ, đức Vô Động Như Lai và các hàng Bồ Tát, Thanh Văn kia.

Phật biết tâm niệm của chúng hội liền bảo ông Duy Ma Cật rằng:

- Xin hiện cõi nước Diệu Hỷ, đức Vô Động Như Lai và các hàng Bồ Tát, Thanh Văn cho chúng hội xem, đại chúng ai cũng đang ngưỡng mộ.

Lúc ấy ông Duy Ma Cật tâm nghĩ rằng: “Ta sẽ không rời chỗ ngồi mà tiếp lấy cõi nước Diệu Hỷ, núi, sông, khe, hang, ao hồ, biển lớn, nguồn suối, các núi Thiết vi, Tu di, và nhật nguyệt, tinh tú, các cung điện của Thiên, Long, quỷ thần, Phạm Thiên cùng các hàng Bồ Tát, Thanh Văn, thành ấp, tụ lạc, trai gái lớn nhỏ, cho đến Vô Động Như Lai và cây Bồ Đề, hoa sen quý có thể làm Phật sự trong mười phương, ba đường thêm báu từ cõi Diêm Phù Đề đến cõi trời Đạo Lợi, do thêm báu này chư Thiên đi xuống để làm lễ cung kính đức Vô Động Như Lai và nghe thọ kinh pháp; người ở cõi Diêm Phù Đề cũng lên thêm báu đó mà đi lên cõi trời Đạo Lợi để ra mắt chư Thiên kia. Cõi nước Diệu Hỷ thành tựu công đức vô lượng như thế, trên đến trời Sắc Cứu Cánh, dưới đến thủy tề, dùng tay bên hữu chấn lấy rất nhanh như cái bàn tròn của người thợ gốm, rồi đem về cõi Ta bà này cũng như đặt cái tràng hoa, để đưa cho đại chúng xem”. Ông suy nghĩ như vậy rồi liền nhập tam muội (chánh định) hiện sức thần thông lấy tay bên hữu chấn lấy cõi nước Diệu Hỷ để vào cõi Ta bà này. Các Bồ Tát và chúng Thanh Văn cùng các Thiên, nhưn có thần thông đều cất tiếng thưa rằng:

- Dạ! Bạch Thế Tôn! Ai đem con đi, xin Thế Tôn cứu hộ cho.

Phật Bất Động nói:

- Không phải Ta làm, đó là thần lực của ông Duy Ma Cật làm như thế.

Ngoài ra những người chưa có thần thông không hay không biết mình đi đâu. Cõi nước Diệu Hỷ dù vào cõi Ta bà này mà không thêm không bớt, còn cõi Ta bà này cũng không chật hẹp, vẫn y nguyên như trước.

Bấy giờ Phật Thích Ca Mâu Ni bảo đại chúng rằng:

- Các ông hãy xem cõi nước Diệu Hỷ, Phật Vô Động Như Lai, nước đó trang nghiêm tốt đẹp, chúng Bồ Tát hạnh thanh tịnh, hàng đệ tử toàn trong sạch.

Đại chúng thưa rằng:

- Dạ! Đã thấy.

Phật bảo:

- Các Bồ Tát nếu muốn được cõi Phật thanh tịnh như thế, cần phải học cái đạo của đức Vô Động Như Lai đã làm.

Khi hiện ra cõi nước Diệu Hỷ này, cõi Ta bà có 14 na-do-tha(7) người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều nguyện sanh sang cõi nước Diệu Hỷ. Phật Thích Ca Mâu Ni liền thọ ký cho rằng:

- Sẽ đặng sanh sang nước đó.

Bấy giờ nước Diệu Hỷ ở nơi cõi Ta bà này làm những việc lợi ích xong, liền trở về bản xứ, cả đại chúng đều thấy rõ.

Phật bảo ông Xá Lợi Phất:

- Ông có thấy cõi nước Diệu Hỷ và đức Phật Vô Động đầy chãng?

- Dạ, bạch đã thấy. Bạch Thế Tôn! Nguyên tất cả chúng sanh được cõi thanh tịnh như Đức Phật Vô Động và thần thông như ông Duy Ma Cật. Bạch Thế Tôn! Chúng con được nhiều lợi lành, được thấy người này (Duy Ma Cật) gần gũi cúng dường. Còn những chúng sanh hoặc hiện tại đây, hoặc sau khi Phật diệt độ mà nghe kinh này cũng được lợi lành, hưởng lại nghe rồi tin hiểu, thọ trì, đọc tụng giải nói, đúng như pháp tu hành. Nếu có người tay cầm được kinh điển này thì đã được kho tàng Pháp bảo. Nếu có người đọc tụng giải thích nghĩa lý kinh này, đúng như lời nói tu hành thời được chư Phật hộ niệm. Nếu có ai cúng dường người như thế, tức là cúng dường chư Phật. Nếu có người nào biên chép thọ trì kinh này, chính là trong nhà người đó có Như Lai. Nếu người nghe kinh này mà tùy hỷ thời người đó sẽ được đến bực “Nhứt thiết trí”. Nếu người tin hiểu kinh này cho đến một bài kệ bốn câu rồi giải nói cho người khác nghe, phải biết người đó được thọ ký quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

## Chú thích của phẩm XII

1. A Súc Phật: Tàu dịch là Bất Động. Phật Bất Động nghĩa là Pháp thân chẳng sanh, chẳng diệt, không tới không lui. Như nói “Không” chẳng phải thuộc “ngoan không”, như nói “Có” cũng chẳng phải sắc tướng, ở nơi Chánh Giác chẳng tăng thêm, ở nơi vô minh cũng chẳng kém thiếu, vắng lặng thường còn, không hề động chuyển, nên gọi là “Bất Động”.
2. Ba cầu: Cũng gọi là ba độc: Tham, sân-si, phiền não nhiễm ô trong 3 cõi.
3. Ba môn giải thoát - Ba Minh: Đã giải nơi phẩm IV số 24 và phẩm II số 25.
4. Phước điền: Ruộng phước: Ruộng có nghĩa là sanh trưởng. Đối các bậc đáng cúng dường mà cúng dường cung kính, thì sẽ hưởng được nhiều phước báu, cũng như người nông phu cấy lúa nơi ruộng mẫu, sẽ được cái lợi thu gặt ở mùa thu. Cho nên hai chữ Phước điền là chỉ cho các bậc đáng cúng dường làm chỗ cho chúng sanh gieo trồng quả phước.
5. Xưng cúng dường: Bực đầy đủ phước huệ, dứt hết mê làm tội lỗi, xa khỏi tất cả khổ lụy, đáng thọ sự cúng dường của tất cả phàm thánh.
6. Chơn tế: Chân lý chắc thật, thể tánh của các pháp.
7. Na-do-tha: Tàu dịch là ức, tức là 100 vạn

### XIII. PHẨM PHÁP CÚNG DƯỜNG (1)

Bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhơn (2) ở trong chúng bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con dù theo Phật và Ngài Văn Thù Sư Lợi nghe nói trăm nghìn thứ kinh mà chưa từng nghe kinh điển "Bất khả tư nghị tự tại thần thông quyết định thật tướng". Như con hiểu nghĩa lý của Phật nói, nếu có chúng sinh nào nghe kinh pháp này mà tin hiểu, thọ, trì đọc, tụng thì quyết được pháp này không nghi, hướng chi đúng như lời nói mà tu hành, thời người đó ngăn biết các nẻo ác, mở cửa lành, thường được chư Phật hộ niệm, hàng phục ngoại đạo, dẹp trừ ma oán, tu đạo Bồ Đề, an ở nơi đạo tràng, noi theo dấu vết thật hành của Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người thọ trì đọc tụng, đúng như lời nói tu hành, con sẽ cùng các quyến thuộc cúng dường hầu hạ. Ở nơi tụ lạc, thành ấp, núi rừng, đồng nội, chỗ nào có kinh này, con sẽ cùng các quyến thuộc đồng đến chỗ đó nghe thọ kinh pháp. Những người chưa tin, sẽ làm cho họ sanh lòng tin, người đã tin rồi chúng con sẽ ủng hộ.

Phật nói:

- Hay thay! Hay thay! Thiên đế! Như lời ông nói, ta sẽ giúp cho ông được vui thêm. Kinh này rộng nói đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác bất khả tư nghị của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai. Vì thế Thiên Đế! Nếu có gã thiện nam, người thiện nữ thọ trì, đọc tụng, cúng dường kinh pháp này, thời chính là cúng dường Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai vậy - Thiên đế! Giả sử có các Như Lai đầy khắp cõi tam thiên đại thiên như mía, tre, lau, lúa, mè, rừng bụi, nếu có gã thiện nam, người thiện nữ nào hoặc một kiếp hoặc không đầy một kiếp cung kính tôn trọng, ngợi khen

cúng dường, dựng các món cần dùng cho đến sau khi các đức Phật diệt độ, đem xá lợi toàn thân của mỗi Phật dựng tháp bảy báu, ngang rộng bằng cõi tứ thiên hạ, cao đến trời Phạm thiên, bảo tháp trang nghiêm rực rỡ, dùng tất cả hoa, hương, anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc tốt đẹp bực nhứt, hoặc một kiếp, hoặc ít hơn một kiếp, mà cúng dường. Thiên Đế! Ý ông nghĩ sao, người đó làm việc phước có nhiều chăng?

Thích Đề Hoàn Nhơn thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều, phước đức của người đó dấu cho trăm nghìn ức kiếp nói mãi cũng không hết được.

Phật bảo Thiên Đế:

- Phải biết gã thiện nam, thiện nữ đó nghe kinh điển "Bất khả tư nghị giải thoát" này tin hiểu thọ trì đọc tụng tu hành thì phước đức hơn người làm việc cúng dường kia. Vì sao? - Quả Bồ Đề của chư Phật đều từ kinh này sanh ra, tướng Bồ Đề không có hạn lượng, do nhân duyên đó nên phước đức cũng không có hạn lượng.

Phật bảo Thiên Đế:

- Về quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, lúc ấy ở đời có Phật hiệu là Dược Vương Như Lai (3) Ứng cúng (4), Chánh biến tri (5), Minh hành túc (6), Thiện thế (7), Thế gian giải (8), Vô thượng sĩ (9), Điều ngự trượng phu (10), Thiên Nhơn Sư (11), Phật (12) Thế Tôn. Cõi nước tên Đại Trang Nghiêm, kiếp tên là Trang Nghiêm. Phật sống lâu 20 tiểu kiếp (13), chúng Thanh Văn tăng có 36 ức na do tha, chúng Bồ Tát tăng có 12 ức. Thiên Đế! Lúc đó, có vị Chuyển Luân Thánh Vương tên là Bảo Cái đầy đủ bảy báu, cai trị

cả bốn thiên hạ. Vua có một nghìn người con tốt đẹp mạnh mẽ, hay dẹp trừ các kẻ oán địch.

Lúc đó, Vua Bảo Cái cùng quyến thuộc cúng dường Dược Vương Như Lai, dựng cúng các đồ cần dùng đến mãn năm kiếp. Qua năm kiếp rồi, vua bảo nghìn người con rằng:

- Các người cũng phải đem tâm tâm cúng dường Phật như ta vậy.

Khi đó nghìn người con đều vâng mạng lệnh của vua cha cúng dường Dược Vương Như Lai, dựng cúng tất cả đồ cần dùng cũng mãn năm kiếp. Có một người con của vua tên là Nguyệt Cái ngồi một mình suy nghĩ rằng: có việc cúng dường nào thù thắng hơn việc cúng dường này chăng?

Do sức oai thần của Phật, ở giữa hư không có vị Trời nói rằng:

- Thiện nam tử! Pháp cúng dường là hơn hết các việc cúng dường.

Nguyệt Cái liền hỏi:

- Sao gọi là pháp cúng dường?

Vị trời đáp:

- Ông đến hỏi đức Dược Vương Như Lai sẽ nói rõ thế nào là pháp cúng dường.

Tức thì Nguyệt Cái vương tử đi đến chỗ Dược Vương Như Lai cúi đầu lễ dưới chơn Phật, đứng qua một bên bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Trong việc cúng dường, pháp cúng dường là hơn hết - Thế nào gọi là pháp cúng dường?



Phật dạy rằng:

- Thiện nam tử! Pháp cúng dường là kinh thâm diệu của chư Phật nói ra, tất cả trong đời khó tin khó nhận, nhiệm màu khó thấy, thanh tịnh không nhiễm, không phải lấy suy nghĩ phân biệt mà biết được. Kinh này nhiếp về pháp tạng của Bồ Tát, ấn đà la ni (14) ấn đó, cho đến bất thối chuyển, thành tựu sáu độ, khéo phân biệt các nghĩa, thuận pháp Bồ Đề, trên hết các kinh, vào đại từ bi, lìa các việc ma và các tà kiến, thuận pháp nhân duyên, không ngã, không nhờn, không chúng sanh, không thọ mạng, không vô tướng, vô tác, vô khởi, làm cho chúng sanh ngồi nơi đạo tràng mà chuyển pháp luân, chư Thiên, Long thần, Càn thất bà thấy đều ngợi khen, đưa chúng sanh vào pháp tạng của Phật, nhiếp tất cả trí tuệ của Hiền Thánh, diễn nói cách tu hành của Bồ Tát, nương theo nghĩa thật tướng của các pháp, tuyên bày các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt, cứu độ chúng sanh hủy phá giới cấm, làm cho tà ma ngoại đạo và người tham lam chấp trước đều sợ sệt, chư Phật, Hiền Thánh đều ngợi khen, trái cái khổ sanh tử, chỉ cái vui Niết bàn, chư Phật ba đời ở trong 10 phương đều nói ra, nếu người nghe những kinh như thế mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, dùng sức phương tiện phân biệt giải nói, chỉ bày rành rẽ cho chúng sanh, giữ gìn chánh pháp đó gọi là pháp cúng dường.

Lại theo các pháp đúng như lời nói tu hành, tùy thuận 12 nhân duyên, lìa tà kiến, được vô sanh nhẫn, quyết định không có ngã, không có chúng sanh mà đối với quả báo nhân duyên không trái không cãi, lìa các ngã sở, y theo nghĩa không y theo lời, y theo trí không y theo thức, y theo kinh liễu nghĩa không y theo kinh không liễu nghĩa, y theo pháp không y theo người, thuận theo pháp

tướng, không chỗ vào, không chỗ về, "vô minh" diệt hết thời "hành" cũng diệt hết, cho đến "sanh" diệt hết thời "lão tử" cũng diệt hết, quán như thế thì 12 nhơn duyên không có tướng diệt (hết), không có tướng khởi (sanh), đó gọi là pháp cúng dường hơn hết.

Phật bảo Thiên Đế:

- Vương tử Nguyệt Cái theo Phật Dược Vương nghe pháp như thế rồi được pháp "nhu thuận nhẫn" (15), liền cởi y báu và đồ trang sức nơi thân cúng dường Phật và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ con sẽ thật hành pháp cúng dường để gìn giữ chánh pháp, nguyện nhờ oai thần của Như Lai thương xót gia hộ cho con được hàng phục ma oán tu hạnh Bồ Tát.

Phật biết trong tâm niệm của ông mà thọ ký rằng: "Về đời sau này ông giữ gìn thành trì chánh pháp".

Này Thiên Đế! Vương tử Nguyệt Cái lúc đó thấy được pháp thanh tịnh (kiến đạo vị) nghe Phật thọ ký đem lòng chánh tín xuất gia tu tập các pháp lành, tinh tấn không bao lâu chứng ngũ thông, đủ đạo hạnh Bồ Tát, được môn đà la ni, biện tài vô ngại. Sau khi Phật diệt độ, ông dùng sức thần thông, tổng trì biện tài đã chứng được y theo pháp của Dược Vương Như Lai đã nói mà ban bố ra mãn 10 tiểu kiếp.

Tỳ kheo Nguyệt Cái giữ gìn Phật pháp, siêng tu tinh tấn ngay đời đó hóa độ được trăm muôn ức người ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không còn thối lui, 14 na do tha người

phát hần tâm Thanh Văn, Duyên Giác và vô lượng chúng sanh được sanh về cõi Trời.

Thiên Đế! Vua Bảo Cái lúc ấy đâu phải người nào khác, hiện nay thành Phật hiệu là Bảo Diệm Như Lai, còn một nghìn người con của vua, chính là một nghìn vị Phật trong đời Hiền kiếp, mà đức Ca La Cưu Tôn Đà thành Phật trước hết, đến vị Phật thành rốt sau hiệu là Lầu Chí, còn Nguyệt Cái Tỳ kheo chính là thân Ta đây (tức là Phật Thích Ca vị thứ tư trong đời Hiền kiếp).

Như thế, Thiên Đế! Phải biết cái yếu điểm pháp cúng dường là hơn hết trong việc cúng dường, bực nhứt không chi sánh kịp.

Này Thiên Đế! Phải lấy pháp cúng dường mà cúng dường các đức Phật.

## Chú thích của phẩm XIII

1. - **Pháp cúng dường**: Cúng dường có 2 thứ: 1. Tài cúng dường. 2. Pháp cúng dường. Tất cả trăm ngàn pháp môn của Phật nói ra, nếu chúng sanh nào tùy nghe tin hiểu mà thật hành theo, trưởng dưỡng pháp thân giữ gìn chánh pháp, nối thành ngôi Tam bảo gọi là Pháp cúng dường.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Trong các cách cúng dường chư Phật, Pháp cúng dường là hơn tất cả. Pháp cúng dường nghĩa là cúng dường bằng cách hành động như lời Phật dạy; bằng cách lợi ích tất cả chúng sanh; nhiếp hóa chúng sanh; chịu thay thế hết thảy đau khổ cho chúng sanh; siêng tu thiện căn; không rời sự nghiệp Bồ Tát, không bỏ tâm Bồ đề rộng lớn. Thật hành cúng dường như thế, mới là chân thật cúng dường.

2.- **Thích Đề Hoàn Nhơn**: (Sakra devanamudra) Tàu dịch là Năng Thiên Chủ; tên của trời Đế Thích.

Nguyên kiếp trước ông gặp đức Phật Ca Diếp nhập diệt, phát tâm tạo tháp cúng dường, nhờ nhơn duyên ấy, nên sau ông được phước báu làm chủ cõi trời Đao Lợi.

@ = 3.- **Như Lai**: Tự thể Thập thân chẳng động chẳng dời là "Như". Trí quang chiếu khắp bi tâm độ sanh là "Lai". Toàn thể như như bất động, tùy duyên đến hóa độ trong muôn loài, đến trong muôn loài, mà vẫn như như bất động nên gọi là Như Lai.

4.- **Ứng cúng**: Đức Phật đã viên thành tất cả công đức, đầy đủ tất cả phước huệ, xa lìa tất cả mê làm khổ lụy, làm phước điền cho tất cả Phàm, Thánh theo gieo trồng thiện căn công đức, nên có thể ứng đến thọ sự cúng dường của tất cả.

- 5.- **Chánh biến tri**: Trí Phật thấu biết tất cả hoàn toàn như thật.
- 6.- **Minh hạnh túc**: Trí minh, công hạnh đầy đủ.
- 7.- **Thiện thệ**: Hay khéo ra khỏi thế gian, chứng thành quả Phật, hằng đến trong thế gian độ sanh, hẳn không bị thế gian làm nhiễm ô.
- 8.- **Thế gian giải**: Rõ suốt tất cả pháp của thế gian và xuất thế gian.
- 9.- **Vô thượng sĩ**: Đấng cao thượng không còn ai trên.
- 10.- **Điều ngự trượng phu**: Đấng đầy đủ đức tướng tài năng hay điều hòa những chúng sanh nhu thuận và ngự phục những chúng sanh cương cường.
- 11.- **Thiên nhơn sư**: Đấng Đạo Sư của tất cả trời, người.
- 12.- **Phật**: Là nói tắt danh từ Phật Đà, tàu dịch là Giác Giả, nghĩa là đấng giác ngộ hoàn toàn. Đức Phật đủ 10 đức hiệu ở trên, là đấng tôn quý cao thượng nhất trong thế gian và xuất thế gian, nên gọi là "Thế Tôn".
- 13.- **Tiểu kiếp**: Một kiếp nhỏ trong kiếp lớn, có 16.800.000 năm.
- 14.- **Ấn Đà La Ni**: Ấn của pháp Nhẫn Đà La Ni trong 4 món Đà La Ni, Nhẫn Đà La Ni là an trú nơi thật tướng các pháp. Ý nói dùng ấn thật tướng mà ấn định các thâm kinh Đại thừa.
- 15.- **Nhu thuận nhẫn**: Tâm trí nhu thuận, tin nhận, không chống trái với lý thật tướng, nhưng chưa được chứng nhập, gọi là Nhu thuận nhẫn

## XIV. PHẨM CHÚC LỤY (1)

Bấy giờ Phật bảo Bồ Tát Di Lặc rằng:

- Nay Di Lặc! Ta nay đem pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã chứa nhóm vô lượng ức a tăng kỳ kiếp mà phú chúc cho ông. Những thứ kinh như thế, sau khi Phật diệt độ về đời mạt kiếp các ông phải dùng thần lực diễn nói lưu bố khắp cõi Diêm Phù Đề chớ để đứt mất. Vì sao? Về đời vị lai sẽ có những gã thiện nam, thiện nữ và Thiên, Long, Quỷ thần, Càn thát bà, La sát v.v... phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ưa pháp Đại thừa, nếu không cho họ nghe những kinh như thế thì mất lợi lành. Hạng người như thế nghe những kinh đó tất ưa thích tin chịu phát tâm hy hữu sẽ đánh lễ vưng thọ, rồi theo chỗ cần lợi lạc cho chúng sanh mà diễn nói pháp.

Di Lặc! Ông phải biết, Bồ Tát có hai tướng. Sao gọi là hai? 1- Ưa những câu văn hay đẹp, 2- Không sợ nghĩa sâu xa, hiểu được đúng như thật. Như hạng ưa về những câu văn hay đẹp, phải biết đó là Bồ Tát mới học. Nếu ở nơi kinh điển thậm thâm không nhiệm, không trước (2), không có chút sợ sệt và hiểu rõ được đó, nghe rồi tâm thanh tịnh thọ trì, đọc tụng đúng như lời nói mà tu hành, phải biết đó là hạng tu hành đã lâu.

Di Lặc này! Lại có hai pháp gọi là Bồ Tát mới học không thể quyết định pháp thậm thâm.

Hai pháp là chi? 1- Những kinh điển thậm thâm chưa từng nghe nếu nghe thì sợ sệt sanh lòng nghi, không tùy thuận được, chê bai không tin rồi nói rằng: "Kinh này từ trước đến giờ ta chưa từng nghe, từ đâu đến đây?", 2- Nếu có người hộ trì giải nói những kinh sâu xa như thế, không chịu gần gũi cúng dường cung

kính, hoặc ở nơi đó nói lỗi xấu của người kia. Có hai pháp đây, phải biết Bồ Tát mới học chỉ là tự tổn hại chứ không thể ở nơi pháp thậm thâm mà điều phục được tâm mình.

Di Lặc! Lại có hai pháp, Bồ Tát dầu tin hiểu thâm pháp, vẫn còn tự tổn hại chứ không thể chứng được vô sanh pháp nhẫn. Hai pháp là chi? 1- Khinh để các Bồ Tát mới học mà không dạy bảo, 2- Dù tin hiểu thâm pháp mà lại chấp tướng phân biệt.

Bồ Tát Di Lặc nghe Phật nói như thế rồi, bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Như lời Thế Tôn đã nói, con quyết xa lìa các lỗi như thế, xin vưng giữ pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã chứa nhóm từ vô lượng a tăng kỳ kiếp của Như Lai. Nếu vị lai có gã thiện nam, tín nữ nào cầu pháp Đại thừa, con sẽ làm cho tay người đó được những kinh như thế và cho họ cái sức ghi nhớ để thọ trì đọc tụng, diễn nói cho người - Bạch Thế Tôn! Nếu đời sau có người thọ trì đọc, tụng diễn nói kinh này cho người khác, đó chính là thần lực của Di Lặc lập nên.

Phật nói:

- Hay thay! Hay thay! Di Lặc này! Như lời ông nói, ta sẽ giúp cho ông vui thêm.

Bấy giờ các Bồ Tát chấp tay bạch Phật rằng:

- Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con cũng ở các cõi nước trong 10 phương, truyền bá cùng khắp pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và sẽ dẫn dắt những người nói pháp được kinh này.

Lúc đó bốn vị Thiên Vương bạch Phật rằng:

- Ở các chỗ hoặc thành ấp, tụ lạc, núi rừng, đồng nội có quyển kinh này, có người đọc tụng, giải nói, con sẽ đem các quyển thuộc đi đến chỗ đó để nghe pháp, ủng hộ cho người đó mỗi phía trăm do tuần, không để người cố ý tìm làm hại.

Bấy giờ Phật bảo A Nan rằng:

- Ông hãy thọ trì lấy kinh này, rộng nói khắp truyền cho đời sau.

A Nan thưa:

- Dạ! Con đã thọ trì rồi. Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì?

Phật bảo A nan:

- Kinh này tên là "Duy Ma Cật Sở Thuyết" cũng gọi là "Bát Khả Tư nghị Giải Thoát Pháp Môn", ông nên thọ trì.

Phật nói kinh này rồi, Trưởng giả Duy Ma Cật, Văn Thù Sư Lợi, Xá Lợi Phất, A Nan v.v... và các hàng Trời, Người, A tu la, tất cả đại chúng nghe lời Phật nói đều rất vui mừng tin nhận kính vâng làm theo.



## Chú thích của phẩm XIV

1.- **Chúc lụy**: Chúc là phú chúc; Lụy là nhọc nhằn gánh vác. Nghĩa là đức Phật đem pháp bảo phú chúc (dặn bảo) cho hàng đệ tử gánh vác lưu truyền đời sau. Cũng như ông Phú Trưởng Giả đem tài sản sự nghiệp dặn bảo giao phó lại cho con gánh vác giữ gìn không để tản mát.

2. **-Không nhiệm trước**: Không có niệm đảm nhiệm chấp trước. Ý nói kinh này diễn bày Tôn chỉ thanh tịnh giải thoát.